

thị thân yêu, vẫn nói người của Lão-Tăng tiền cứ, xin làm cho xong công việc. Như vậy, ngày sau sanh ra tai hại, lỗi ấy về ai ? Bèn viết cho Quốc-Vương một bức thư, bàn về việc dùng Luru-Thanh như sau.

Bức thư

Trong thiên hạ, việc khá có lúc chẳng làm, đạo chẳng khá một ngày chẳng sáng. Việc khá chẳng làm, quyền chẳng tự mình, chẳng tồn tại gì cho ta; đạo chẳng khá chẳng sáng vì lời nói do ta, mà có ích cho người.

Vì vậy, ta phải đem đầu đuôi công việc dùng Luru-Thanh, giải bày tường tường tận cho Quốc-Vương được rõ.

Từng nghe, nước có tội ngay, nhà có con thẳng, do đó, vua, cha mới có thể trở nên thánh hiền. Cho nên trong triều « đô, du » (vâng, phải), chẳng quên câu « hu, phật » (hờ, không phải) (22), dưới gôi « thừa hoan » (vui chầu cha mẹ), chẳng quên việc khuyên can. Đời Đường, Ngu, Tam-Đại thường dặn bầy tôi rằng: « Các người có mưu hay chức giỏi, hãy vào trình bày cho vua các người ». Lại nói rằng: « các người chớ hòa theo trước mặt, rồi có lời khiển trách sau lưng ». Đức Khổng-Tử, sau ngày thấy Tử-Lộ chết, than rằng: « Từ ngày người Do chết, tai ta chẳng được nghe lời nói ngay thẳng. Than ôi ! Trời hại ta ». Thánh-nhơn xưa, hằng ngày chỉ lo không được nghe lời ngay thẳng, vì sao vậy ? Bởi vì đảng nhơn quân một mình đứng đầu tất cả thần dân, mừng giận ghét yêu có thể làm cho người ta trở nên sang hèn sống chết. Còn thần hạ toàn là những kẻ mưu cầu giàu sang, và có hạng người tham sanh úy tử rất nhiều; còn những hạng người có lòng yêu vua lo nước, dám can ngay nói thẳng, chẳng tránh nguy vong, thì lại chẳng có mấy. Lại có một hạng người sâu sắc, nham hiểm, chuyên giao kết với người riêng của vua, cùng bọn cung-nữ hoạn-quan kết thành bè đảng, lừa dối che lấp tai mắt đảng nhơn quân, bảixích chánh nhơn, cự tuyệt lời trung trực, đề dễ bề trộm cảm quyền bính, dẫn dắt bề gian, chỉ lo làm lợi cho mình, chẳng kể gì thanh danh của vua chúa. Những bầy tôi trung nghĩa thấy thế, vì tình yêu vua, lúc đầu thì mềm dẻo khuyên can,

22) Trong triều vua Nghiêu, vua Thuần, vua tôi nói với nhau, nghe nói phải thì nói : « đô, du », trái lại, nghe nói quấy thì nói : « hu, phật ».

nhưng khuyên can chẳng nghe, đến đôi phải dùng lời nghiêm chính, làm phật ý vua, đến khi cần phải đối cái chết để can vua, hoặc phải bỏ ngôi lia chức. Ấy há chẳng biết kiếm cách làm cho vua ưa, để an hưởng phú quý, lại làm cho vua giận ghét, để rước lấy nghèo hèn làm gì, chẳng qua vì lòng trung ái, muốn dẫn vua đi theo đường chánh, chẳng chịu tham ô cầu thả, khiến vua có hối hận ngày sau mà thôi. Lão-tăng mở đạo ở Trung-Hoa 30 năm nay, đói ăn một ngũ, lạnh lẽo việc đời, nhưng đối với quốc kẻ dân sinh, cũng có lúc sốt sắng. Ở đất nước nào cũng được các bậc vương hầu khanh sĩ yêu mến, việc đắc thất của chánh-trị, nỗi đau khổ của nhân dân, thường được thông vắn luôn. Lão tăng hề có biết là nói, nói đều hết lời, hay nói chỗ thiết yếu trước khi sự cơ chưa phát; các bậc công-khanh đương cục cũng nhận thấy Lão-tăng là người ngoài cục, biết rõ công việc thế-gian, hại chẳng sợ, lợi chẳng tham, đối với lẽ phải trái nên chẳng, dám truong mắt chỉ ngay tình tẻ; có lúc gặp việc quan hệ, cũng chỉ một lời nói là quyết đoán xong xuôi.

Ngày nay ở quý quốc, Lão-tăng cũng giữ lòng như ngày trước ở Trung-Hoa vậy. Huống nay, Lão-tăng đối với Quốc-Vương, danh phận tuy là khách là thầy, mà tình ái xem bằng cốt nhục. Trước đây, Lão-tăng vì nghe lầm Quốc-sư, nên tiên-cứ Lưu-Thanh làm chức Cai-phủ. Kể nghe những người quen thuộc kể chuyện gian-phi của y, biết y là hạng người bất lương, có tính quên ân phụ nghĩa. Trong lúc, Thanh-triều đánh dẹp giặc biển, y phiêu-lưu không nơi nương tựa, nhờ Lam-Tổng-Binh hết lòng che chở; Lam nghèo không đủ sức chu cấp, đảm bảo cho Lưu lãnh một chiếc thuyền chở hàng-hóa, vượt biển mua bán để kiếm lời, ân-đức chẳng khá bảo chẳng hậu vậy. Thế mà Lưu chẳng lo đền đáp ân đức của Lam, nhân tâm phụ bạc, đi chẳng trở về, khiến Lam phải oan bởi số hàng ấy. Ngày nay Quốc-sư yêu-cầu Lão-tăng hết lòng hết sức duy-trì bảo đảm cho Lưu-Thanh, một ngày kia thế tất y cũng trở lại phụ bạc; trông mong cho y làm một viên-chức đứng đắn, biết hết lòng vì nước lo đền đáp ơn vua, là một việc vô lý trăm phần trăm vậy. Con người có lòng đen tối, đương lúc không quyền thế, còn cậy uy-thế người khác, để làm điều tội ác, kiếm cách chạy chữa, gạt Quốc-Vương châu phê điểm danh để cưỡng ép vay mượn. Nếu trở nên một viên chức có uy-thế, có quân-sĩ làm nanh làm vuốt, giúp sức để làm tội ác, lại còn có một bọn đồng loại quỷ quái làm vây làm cánh, ắt đến sanh sự trăm cách, làm hại nhà buôn, làm sâu mọt cho dân

chúng, Đã vậy, lại vay tiền lo lót để làm quan, sau nấy lương bổng không đủ để giả tiền lời, còn lấy đầu ra mà giả tiền vốn. Ất phải kiếm trăm mưu ngàn chước để bóc lột hàng hóa thương thuyền, thậm chí còn đục khoét tận xương tận tủy, khiến cho khách thuyền hàng năm bị hại, khiếp sợ không dám đến. Thề là dứt đường thương-mãi, làm cho quốc-khóa bị thiệt-thời, rồi tiếng đồn lan ra bảo Vương-quốc đãi khách-nhơn hà khắc, làm tổn thanh danh cho nhà vua biết chừng nào. Mưu gian của chúng nó rải khắp mọi nơi, kẻ có thể-lực bị chúng nó dùng quỷ kế gửi gắm, bỏ qua chẳng nói. Còn kẻ yếu hèn thì sợ độc-thủ của chúng nó ám hại, nên chẳng dám nói. Nếu ngày nay Lão-tăng cũng làm thỉnh, thì còn ai nói lên cho vua nghe? Vì thế Lão-tăng phải nói hết lời, chẳng chút kiêng nể, cốt muốn Quốc-Vương chẳng dùng lầm người vậy. Lưu-thanh lại dùng 3.000 vàng làm mối, muốn cho Lão-tăng điên đảo thị phi, nói vô một lời với nhà vua để cho nó được việc, thề thì thiệt buồn cười quá. Sao nó chẳng nghĩ Lão-tăng được Quốc-Vương thành tâm thỉnh cầu qua đây để quy y, Quốc-Vương cung dưỡng, mỗi việc đều long trọng châu báu. Nếu Lão-tăng có việc công-đức chưa hoàn thành, ắt Quốc-Vương cũng hoan hỷ thành tựu, sá gì vật nhỏ mọn ô uế ấy. Thử xem Lão-tăng ở vương-quốc gần một năm nay, chưa từng chịu lời của ai, lo lót gửi gắm, để cầu Quốc-Vương dụng tình bao giờ. Lúc đầu vì không biết nên tiền lắm, ấy cũng do cái ngu của Quốc-sư, chớ không phải Lão-tăng dụng ý vậy. Chẳng thế sao mấy bức thư ngày trước, có đầy lời lẽ kịch liệt nhường ấy. Quốc-vương kính yêu Lão-tăng, Kính thì chẳng nỡ để cho người ta khinh thị, cho nên trong thư nói rằng: « Há đãi Lão-tăng chẳng bằng đàn bà con gái hay sao ? » Nói như vậy, để Quốc-Vương động lòng. Yêu thì chẳng nỡ để cho Lão-tăng xa cách, cho nên trong thư nói rằng: « Nếu chẳng thế, thì Lão-tăng xin xuống ngay Hội-An nghỉ ngơi cho qua ngày ». Nói như thế, để Quốc-Vương động tình, gắng gượng làm theo. Ấy tức như lời thường của người ta bảo: « Nói chẳng thiệt tha, thì người nghe chẳng để vào tai ». Và « lấy sự đi và ở để tranh luận » vậy. Đã biết rõ mà còn dùng Lưu-Thanh, Vương chẳng muốn làm trái ý Quốc-sư, mà cũng vì yêu trọng Lão-tăng. Sở dĩ Lão-tăng tin như thế, vì lẽ Quốc-sư là Pháp-tử của Lão-tăng và là người của Quốc-vương cung dưỡng, hơn Quốc-sư mà Vương được thân gần Lão-tăng, thì nay Vương có lòng tốt chẳng làm trái ý Quốc-sư, chính là yêu Lão-tăng rất nhiều vậy. Xưa thầy Mạnh-tử đến nước Lương, vua Huệ-Vương nói rằng:

« Lão-Tầu chẳng nề xa nghìn dặm mà đến đây, cũng hầu có điều gì làm lợi cho nước ta » ? Thấy Mạnh-tử bảo « lấy điều nhân nghĩa để làm lợi nước ». Nay Lão-tăng sợ dùng Lưu-Thanh sẽ làm tàn hại xứ sở, ấy là Lão-tăng lấy điều nhơn làm lợi cho vương-quốc vậy. Đền như lấy lời thẳng thẳng can ngăn để cứu vãn công việc cho hợp lý, ấy là Lão-tăng lấy điều nghĩa làm lợi cho vương-quốc vậy. Lão-tăng làm như vậy, ấy chính vì Lão-tăng tỏ ý thương Quốc-Vương thâm thía vậy. Lão-tăng bảo chẳng khá dùng Lưu; lời lời thông thiết, lòng Lão-tăng đã yêu đương Quốc-vương lắm vậy. Vương chẳng nên làm trái ý Quốc-sur, cớ ý dùng Lưu và bảo rằng vì đã do Lão-tăng tiên-cứ; vả lại chẳng nên quên rằng vì nhờ có Quốc-sur, Vương mới được dịp gặp Lão tăng, thì lòng Quốc-Vương yêu Lão-tăng cũng chỉ tận vậy. Hai lòng tương giao chí tận, như thanh thiên bạch nhật, chẳng chút mây mù, đây đó hòa thông, như ao nước mùa thu, không hề dơ bợn. Chỉ tiếc Quốc-Sur đã làm một vị tỳ-kheo bạc đầu, nghĩ rằng chẳng sống còn bao nhiêu ngày, mà gấp lo mưu tính lợi riêng, cam tâm cùng với bọn gian-hiềm tiểu-nhơn; suốt sáng thâu đêm dùng hết tâm thuật mưu-kê, chỉ mong Quốc-Vương chẳng nghe lời ta; ấy là muốn cho đạo ta chẳng được lưu-hành. Tâm lòng đệ-tử trả ơn cho thầy, há nên như thế chẳng ? Nhưng đạo ta chẳng lưu hành, thì đạo y lưu hành được chẳng ? Lưu hành hay chẳng lưu hành, chẳng thầy Không-tử bảo rằng: « Đạo hầu lưu hành chẳng ? mạng vậy. Đạo hầu bị bỏ chẳng ? Cũng mạng vậy. Công-Bá-Liêu cải được số mạng hay sao » ? Càng mong Quốc-sur trong việc ấy hồi tâm tự xét, chớ để trọn đời mê muội, để bọn tiểu-nhơn nhân-tâm bịt mắt bùng tai vậy.

Thiết nghĩ Quốc-Vương, Quốc-Sur đều là đệ-tử của Lão-tăng, chẳng khá chẳng hết lòng vì nhau. Vì vậy chẳng ngại dài dòng, hết lời khuyên cáo, xin Vương lượng xét cho.

Nay kính.

Kể từ ngày thượng-nguyên lên thuyền, cuối tháng giêng đến nước Đại-Việt. Ban đầu lưu trú tại chùa Thuyền-lâm, Thuận-Hóa, kể đến ở chùa Di-Đà Hội-An, bị trở gió tại Cú-Lũ-Sơn, lại trở về ở chùa Thiên-Mụ. Vượt qua biển cả, trèo đèo Ngã-sơn (Hải-Vân), trèo non vượt biển, thăm thoát đã qua một năm. Hằng ngày cùng với Quốc-Vương và các Đại-thần thù tạc, cùng thập phương tứ chúng bàn hoàn, những điều mắt thấy tai nghe,

hoặc thuộc về phương diện chánh-trị đặc thù, hoặc thuộc phong tục chánh tà, nhơn-vật sơn xuyên, côn trùng thảo mộc, tuy những nơi chưa trải qua còn nhiều; nhưng biết xa từ gần, cũng đã thâm thập được ít nhiều đại khái vậy. Việc bắt phân lớn nhỏ, vật chẳng nệ xấu tốt, hễ gặp việc trọng yếu là chép, thầy vật kỳ dị là biên; há dám khoe hành đạo nam phương, chỉ muốn đem phong-tục ngoại bang và tất cả những điều mắt thấy tai nghe, trình bày lại với nhơn-sĩ Trung-Quốc. Hoặc giả, một ngày kia, đời chuyển được di-phong tập tục hay chẳng ? Năm non bốn biển, dám khoe lịch duyệt như Tứ-Trường (23). Rau lẹ tre kỳ, há sánh kiên-văn bằng Bác-Vọng (24). Chẳng qua tùy việc phát lời, gom lời thành tập, vậy thôi.

Trong những lúc đau nằm ở Hội-An, dưỡng nhàn ở chùa Thiên-Mụ, tháng ngày qua lại, biết bao thù ứng vãng lai, xúc cảnh hứng tình, gặp người trò chuyện. Có khi, nhân sự đòi hỏi của người khác, thổ lộ lòng mình, hoặc cùng viết trong một lúc, hoặc làm thành trong nhiều ngày. Thứ tự đảo điên, thiên tập khó sắp, họp làm một quyển, thảo suất hoang đường, dám đâu xuất bản để trình đời, chẳng qua chép lại để khảo sát ý mình mà thôi.

Văn chương vụn vặt, lục tục ghi biên.

23) Tức Tư-Mã-Thiên, Thái-Sử-Công đời nhà Hán.

124) Hán-Vũ-Đề phong Trương-Khiên làm Bác-Vọng-Hầu. Trương-Khiên đi sứ Tây-vực, đem rau Củ-tương, tre Ngang-trúc về Trung-quốc.

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

QUYỂN VI

G IÓ mưa quán khách, lặng ngồi thâu đêm. Ngẫu nhiên đọc lại bài của Quốc-Sĩ-Ông Ký-Lục, bàn về thơ và thiền đạo, lời bàn tỏ phải mà hóa trái. Đại-phàm phật-pháp văn-chương làm thơ viết kệ, quý ở chỗ đánh phá ý-thức phát ra từ chỗ trí-tuệ căn-bản, tự nhiên thấu rõ; nếu chỉ luồng cây học rộng nhớ nhiều, thì lý-luận thường không tránh khỏi cái bệnh phụ-hội khiến-hợp vậy. Nhơn viết một bài đưa cho Nhiếp-Chi Hoàng Cư-Sĩ, tiêu-khiển trong cơn mưa lạnh, và bảo cho các trò :

Sách vốn chẳng khá chẳng đọc, đạo càng chẳng khá chẳng sáng; người sáng đạo tuy chẳng tập văn-tự nhưng vẫn thường thông thái; nếu chẳng sáng đạo, tuy chuyên công học tập văn-tự, vẫn hay lý luận cường-hợp mà thôi. Tuy câu nói nghe hay ho, nhưng nghĩa không thấu đáo, điều ấy đã từng xảy ra. Xưa Tứ-Chiêm học-sĩ (1) làm văn, hạ bút nên lời, chữ tuôn ra thao-thao theo ý nghĩ, như gió bay, như nước chảy, phô diễn một cách tự nhiên. Nhưng đến lúc theo ý riêng thuyết thiền, ông có viết một bài bặt sau bộ Kim-Kinh, chẳng hiểu rằng, Kinh ấy, chẳng phải có thể thầy bằng sắc, nghe bằng lời, lại phán đoán rằng « Chỉ được nửa bộ », thế là chỗ

1) Tức Tô-Đông-Pha, văn-sĩ đời nhà Tống.

cưỡng-hợp của ông vậy. Đã tự biết rằng : Ngũ-Tổ-Giới tái lai, sao lại quên hẳn bốn-phận, trở lại hỏi Tham-Liêu (2) « thác sắc núi tiếng khe mới xưng ngộ đạo » ? Ấy lại là chỗ cưỡng hợp của ông vậy. Trong bài « Kim-Son-Thù-Tứ-Đại (3) ngũ-uẩn » (4), ông muốn đem đai ngọc trần sơn-môn, nhưng luôn luôn dây xõ-mũi bị nắm trong tay người khác, chỉ vì từ trước ông chỉ dùng ý-thức thông-minh ức đặc nghĩa-lý, chưa từng dùng đạo để đánh tan sự chướng ngại của cách-âm, cho nên hoảng hốt chẳng thấy rõ đoan đích vậy. Thẩn-Tú Đại-sur (5) ở trong Hoàng-Mai-Hội, làm thủ-lãnh 800 long-tượng (các vị hành-giả và bát bộ Long-Thiền), nghe rộng nhớ nhiều, ai chẳng suy tôn ngài làm ngôi thứ nhất. Ngài làm câu kệ rằng : « thân tợ bồ-đề thụ » (mình tợ cây bồ-đề), bồ-đề theo tiếng phạn gọi là chánh-tri, cũng gọi là chánh-kiến, hư linh không thể chắt, chỉ có tính viên-minh, hoặc khá lây bồ đề chỉ mặt trăng, chớ cùng với « thân » có giống gì đâu, huông chia lia bỏ chánh-tri chánh-kiến mà nói bồ-đề, thì bồ-đề há có mất tai mũi lưỡi, xương máu tay chân, mà ví với thân người được sao. Ấy là đại-sur nói cưỡng hợp vậy. Lại nói rằng : « Tâm như minh-cảnh-đài » (lòng như đài gương sáng), chẳng kể sự lý hư thực dưới chữ « minh cảnh » hạ một chữ « đài » làm vận chân, để chữ « cảnh » hư, chữ « đài » thực; rồi câu kệ nói : « thời thời cần phát thức » (buổi buổi siêng lau chùi) ấy là lau chùi cái đài, chớ không phải lau chùi cái gương; tức bảo rằng : « tâm » như mặt gương, thế đã là chẳng phải « tâm » rồi, hà-huông bảo như cái « đài » của mặt gương, thì với « tâm », lại còn có giống nhau chút nào. Tây-Thiền 28 tổ, Đông-Thổ 6 tổ, đều lấy tâm truyền tâm, chẳng phải lấy gương truyền gương hay lấy đài truyền đài bao giờ, ấy là cưỡng hợp vậy. Làm thơ, làm văn có khỏi thừa chuyển hợp, thuyết pháp cũng vậy. Nay trong bài kệ, hai câu đầu lấy « thân » và « tâm » song khởi, mà câu kết nói « vật sử giả trần ai » » (chớ khiến dính dơ bụi), chỉ kết câu « minh cảnh », không hề nói đến « bồ-đề »; thế là chỉ luông chuyên công văn-tự, mà nghĩa lý không được thấu đáo, tức là phụ-hội khiến-hợp vậy. Than ôi, trong một bài kệ, chưa bàn đến chỗ luận đạo

-
- 2) Tổng-Tăng-Đạo-Tiêm hiệu Tham-Liêu-Tứ, tu ở chùa Trí-quả ở Hàng-châu. Lúc Tô-Thức ở Hàng-Châu, chiêm bao thấy cùng Tham-Liêu-Tứ làm thơ, sau ra trần-thủ Hàng-Châu; có đèn phòng văn Tham-Liêu-tứ, làm bài Ứng Mộng Ký.
- 3) Phật-gia gọi địa, thủy, hỏa, phong làm tứ đại.
- 4) Phật-gia gọi sắc, thụ, tưởng, hành, thức làm ngũ uẩn.
- 5) Đại-sur là đồ-đệ của Ngu-Tổ Hoàng-Nhân.

phải hay trái, chỉ trong chỗ dùng tự đặt câu đã có đến 3 lỗi. Bởi thế Lô-Hành-Giả (6), nói lại rằng: « Bỏ để bản vô thụ, minh cảnh diệc phi đài » (Bỏ để vốn không cây, gương sáng chẳng phải đài), dùng bốn chữ « bản vô, diệc phi », như một tiếng sét vang dội trong đám mây mù, chớp sáng lờ ra tỏ rõ chẳng phải « đài » cũng chẳng phải « cây », chẳng chờ phân biệt mà ai cũng thấy rõ như vậy. Nhưng lại sợ người ta bỏ « đài » bỏ « cây » mà lại nhận cho « bỏ để và « minh-cảnh » là vốn có, nên lại bảo thẳng rằng: « bản lai vô nhứt vật, hà xứ giả trần ai ». (Nguyên không có một vật, chỗ nào dính bụi dơ). Thế là hướng ra ngoài chỗ « phi đài, vô thụ », đánh thêm một tiếng sét nữa, đem « bỏ để, minh cảnh » nhứt luật đánh tan luôn, khiến người ta không còn chỗ nào bám bấu để làm chân đứng; bảo là « bản lai vô nhứt vật », chẳng phải minh cảnh bỏ để; huống « minh-cảnh-đài, bỏ để-thụ », hiện có đến ba bốn vật, thì bảo « bản lai vô nhứt vật » sao được. Ý Lô-Tổ muốn vì người tìm chỗ cứu cánh vậy. Toàn hay ở chỗ hỏi tiếp theo hai chữ « hà xứ », muốn người tự hiểu biết « hà xứ giả trần ai », mới biết rõ « bản lai vô nhứt vật »; bản lai đầy đủ, bản li thanh tịnh, cần gì phải lau chùi phật thức; nếu cần lau chùi gương tức chẳng sáng; chờ lau chùi mới sáng, tức là nhìn bóng quên đầu. Nếu nói lau chùi minh-cảnh mà quên bằng bỏ để, thì rốt-cuộc minh-cảnh cùng với bỏ để nào có quan hệ gì. Chỉ ở một câu hỏi ấy, nhắm ngay chữ « hà xứ », chích một mũi kim, đoạt cảnh, đoạt người, đoạt pháp, buông bắt khéo léo, sinh sát tỏ tường. « Ta không có một phép nào cho người, chỉ biết bệnh mà thôi », lời nói ấy há dỗi người hay sao ? Chúng ta quý ở chỗ hiểu đạo cho sáng rõ, rõ đạo rồi quý ở chỗ biết thể-niệm (hòa-minh với đạo). Một phép đã thông, tất nhiên mọi phép đều thông vậy. Chẳng tin, hãy nhìn xem Lô-Hành-Giả, con người chẳng từng đọc sách bao giờ ấy, hiểu biết văn-tự một cách tinh-vi như thế nào ? Bởi thế, ta bảo người đời muốn cầu thông, không chỉ bằng rõ đạo. Đã rõ đạo mà còn biết đọc sách, thì há chẳng thông hơn vị Hành-giả giả gạo trong bếp ấy mấy bậc nữa hay sao. Gần đây, thường thấy những người tham thiền, đạo đã chẳng rõ, sách lại chẳng đọc, gượng muốn bàn thiền bàn đạo, làm kệ làm thơ, khác nào con ruồi nhúng chân vào nước biển, muốn vẫy lên làm mốc làm mưa, phỏng có được hay chăng ? Huống chi Cư-Sĩ là một người đọc sách thông thái, thường lấy tay sờ mó lò lửa chùa Trường

6) Tức Tuệ-Năng Đại-sur, tức Đề-lục-tổ, được tâm-ân của Ngũ-Tổ Hoàng-Nhân.

thọ, xem nóng hay nguội; chẳng chịu lấy văn-tự thông-minh tự cam lòng, muốn hòa cùng Tứ-Chiêm cải cho vừa ý, chẳng chịu để cho đầu lười các Hòa-Thượng già xưa nay áp đảo. Việc ấy hãy tạm ngừng. Hãy hỏi : « Đêm nay trước thềm từng giọt mưa » vì có gì chẳng rơi xuống nơi khác ?

Thư bảo Diệc-Nhĩ Ký-thất

Thân thấy học đạo, cũng ví như đầu thai vậy. Sinh vào gia-đình nghèo hèn, đội thuê gánh mướn kiếm ăn, làm việc thấp hèn kiếm lợi, tập quán như thê, tâm thân trở nên hèn kém, chẳng nói làm gì. Sinh vào nhà giàu sang, từ thuở đương bú mớm, đã được nâng niu chịu chuộng, mặc thì gấm vóc, ăn thì chả nem, điều dưỡng từng ly từng tý, chỉ e không sống; dần dần trưởng thành, dạy tập thi thư lục nghệ, văn vẻ thanh tao, hầu mong sớm được thành tài, để nối dõi tông-đường tổ-phụ. Còn e thanh-niên tử-đệ, tính-khí kiêu căng, hào phóng tự thị, hay đi lạc lối lầm đường; rồi thì tư tưởng sơ sót, nghe thầy sai lầm, học-nghiệp chẳng thành, công danh làm sao đạt được. Bồi thê đã có phụ sư dạy dỗ, lại cầu bầu bạn dối mại, nếu giải đãi để ngày tháng trôi qua, ắt sẽ ăn năn chẳng kịp. Kẻ học đạo làm công-phụ cũng thê. Cứ như Lão-tăng đây, lúc trẻ tuổi hay đau, không được học để nối dõi thư-hương, theo dõi khoa-cử; nhờ nhờ gặp Tiên-Trượng-Nhơn thê độ cho xuất gia, tham thuyền chưa được bao lâu, đã biết rõ bản-phận; Trượng-nhơn bèn cho theo hầu quỳnh-lâu-ngọc-diện để làm công-phụ, từ đó được làm người thanh nhàn vô sự. Tuy kiến-thức đã định, nhưng học hành thiếu sót; tiếng làm trí-thức, mà sách chưa từng đọc được một câu, chữ chẳng từng viết được một nét, lảng nhãng lơ nhò bị thua sút mọi đường; ngày qua tháng lại, râu tóc bạc phơ, than ôi, đã già mất rồi, chỉ e uổng phí tâm thân hiện tại, làm hư hạt giồng sau này mà thôi; bèn quyết chí một mặt hành đạo, một mặt học tập, nhưng hiện tại sức khỏe trí nhớ chẳng bằng lúc thiếu niên, ăn năn đã chẳng kịp vậy. Gần đây thầy có những đạo-tử học-sinh, tướng mạo khôi-ngô, khí thế cường tráng, nếu chịu lập chí, thì tham thuyền minh đạo, nào khó gì đâu; thê mà các người cứ lững lững lơ lơ, tháng ngày uổng phí, đáng tiếc biết chừng nào. Thường có một vài người chịu khó tham học, nhưng lại xấu tốt chẳng biện, đen trắng chẳng tường; cây cụt bên này, tìm tòi bên khác, giày mòn chường mối mà đi chẳng đến đâu. Chẳng

biết hai chữ « tham học », trước cần phải phân biện cho rõ ràng, « tham » nghĩa là dứt bỏ tất cả thế-giai (thang bậc), chẳng tìm nơi nào khác; tập trung khí-lực, tự trong mình tìm ra một con đường mà đi, nghĩa là « tham » cho đến chỗ « niết-bàn » lòng dễ hiểu, sai biệt (?) trí khôn minh » vậy. Chừng ấy rộng xem thêm sách vở của người xưa, lại từ mặt ngoài đánh tiền vào. Trong rèm dạ-minh, chuyển mình một cái, trong ngoài lớn nhỏ, một mạch quán thông; lúc bấy giờ chúng ta thấy nghe việc gì, xử sự luận lý, ắt đến chỗ thiện-chí, thể mới gọi là học. Gần đây những kẻ thuyết-giả, thấy đều câu nệ, chẳng biết biến thông sự lý, thành ra cổ chấp thực tà. Còn những kẻ giảng giáo thì hằng ngày lo tính tiền tài châu-báu của nhà người khác, chẳng biết đến cái đáng quý của mình; rớt cuộc « ham xem trăng trên trời, rớt mất ngọc trong tay », nào có ích gì. Trong tôn-giáo tìm cho được người « tham-học hoàn-toàn », thực khó lắm vậy. Những bọn ù-mờ chẳng biết đường lối, thôi chẳng bàn đến làm chi; cho đến những kẻ hơi biết chút ít, chân đứng chưa vững, đã bị hoàn-cảnh nhơn-duyên lôi kéo, thì lại phải cần có thầy bạn đào luyện, mới mong thành tài; chẳng những không thấy đồ mấy làm nên, mà không bạn cũng chẳng khá độc tiền, cò bồng sinh trong cây gai, chẳng uôn tự thẳng vậy. Khờn nổi, trong thế gian nầy, chơn-sur hiếm có, mà chơn-hữu cũng chẳng được mấy người. Những bạn đời nay là những bạn a-dua, chỉ ừ ừ vâng vâng, một mặt lo tán tỉnh; khen ta là « tiên-sanh hầu hầu », chẳng qua làm ngu ta, làm hại ta, chỉ thiếu điều giết ta mà thôi. Bạn như thế lo tránh xa chẳng kịp, còn thân gần được sao ? Nếu là chơn-hữu cần biết chỉ-trích điều lỗi của ta, bắt ta phải làm việc thiện; nói ngay chẳng nể, mới là yêu ta, muốn làm nên cho ta. Cho nên người xưa được một người đồng-chí chơn-hữu, quý hơn anh em đồng-bào vậy. Như Nhưng cũng chớ lấy làm lạ, vì sao thế giới lớn như thế nầy, lại khó tìm được chơn-sur, chơn-hữu. Nay trước hết hãy tìm một người chơn học đạo đã. Nếu có thấy bạn mà chẳng có học-nhơn, cũng ví như « vịt nước lợ giữa đồng » chỉ lênh đênh theo dòng nước xuống lên, một lúc gặp biển động ba-đào, đã chìm mất dạng vậy. Than ôi, nếu chơn-học-nhơn có được nghiêm-sư lương-hữu, hằng ngày theo đào luyện khích thành, có lúc lấy lời độc-ác, mắng nhiệt nữa. Chẳng những mệt không từ, khổ không oán, đến nỗi đuổi cũng không đi, đánh cũng không chạy, càng bức bách lại càng tinh cần, càng chiết tỏa lại càng phân phát; như thế mới thấy lòng kiên quyết của học nhơn vậy.

Nều Diệc-Nhĩ từ nay có chí hướng kiên quyết, nguyện lực chơn thành, dụng tâm trong 4,5 năm, thì khó gì chẳng thông đạt đạo-lý, khai thông chương ngại. Người học đạo sợ nhất là tự dối mình; tự dối mình thì ý chẳng thành thì tâm chẳng chánh, tâm chẳng chánh thì nghe tiếng chú tâm theo tiếng, thấy sắc chú tâm theo sắc, tâm chú tùy theo ngoại-cảnh, đèn đối « tâm bắt tại yên », xem mà chẳng thấy, lắng mà chẳng nghe, chú cảnh sanh tâm, tâm chẳng còn tự tại, bị thanh sắc có không sử dụng, dụng tâm ở « có không » cũng chẳng biết, dụng tâm ở « không có » cũng chẳng hay. Chỉ bao giờ giữ được đừng cho tâm bị lưu-chú, mà lưu-trú cũng không trở ngại; chú không trú vào đâu, mới thấy thường trú; chơn-tâm hư mà tịch, linh mà sáng, hay chiếu mọi vật mà chẳng bị mọi vật lấp che. Thông suốt hơn người mới làm nên đẳng-trượng-phu hơn người vậy. Đền chỗ đó mới biết phát tâm học đạo là người cha sinh ra ta, tham thuyền ngộ đạo là ông thầy dạy cho ta nên và chí-nguyện chẳng đổi là người bạn giúp ích cho ta vậy. Xem lại phụ sư bằng hữu chẳng phải ai khác, đều ở cả trong một nhà của ta; đại gia vô tay cả cười reo lên rằng: « Như thế mới chẳng phụ tâm thân nam tử, một phen ra đời », khiến Lão-Tăng cũng tự thẹn vậy.

Thư gửi cho Đại-Việt-Quốc Hữu-Thừa-Tướng Tổng-Công

« Năm ngoái, mộng ơn hạ-cổ, được bái lãnh huệ-lộc hai lần. Từ ấy, về sau tin-tức vẫn thông, nhưng ít có dịp bái-yết. Mới đây, nhơn dịp chúc mừng năm mới, được lên Long-Môn, cúi mừng khoản tiếp ân cần, đủ thấy Minh--Công nhĩ ý hư hoài, chẳng kém lòng đãi sĩ của Chu-Công ngày trước. Trong lúc trò chuyện, Minh-Công lấy tư cách một vị Quốc-triều Tể-Pbụ, đứng đầu nhơn-dân, lấy việc tăng-già có nhiều người hỗn loạn làm lo; Minh-Công nghĩ rằng, muốn hộ-sinh cần phải dùng sát, cần phải cuộc hết cỏ dại, lúa tốt mới có thể mọc lên; điều đó lại càng thấy Minh-Công quả là thành vàng ao nóng của pháp-môn, lòng hộ-đạo hùng dũng phi thường, nếu chẳng phải người tu hành kiếp trước tái sinh, chẳng bao giờ được như thế. Lão-tăng từ ngày đền quý-quốc; vẫn lấy việc ấy làm thông-hận, nghĩ rằng mình có trách-nhiệm phải gánh vác việc Phật-pháp; nhưng đền đây chưa được bao nhiêu ngày, chưa thấu rõ hết những chỗ ân-vi; vả lại bọn chúng từ trước đến nay, không được nghe pháp-hóa, chẳng biết bản phận

một tăng-nhơn phải làm những việc gì, nay bỗng lấy trọng phát thẳng thức, thế là chẳng dạy mà giết gọi rằng « dữ », chẳng phải lòng trắc ẩn của kẻ có ơn, vì giáo-hóa mà ra tay vậy. Trong lúc hầu chuyện, ứng đáp vội vã, chưa được rõ ràng, nay xin bàn tiếp thêm cho rõ lẽ bên đạo bên đời, việc làm tuy khác nhau mà đạo vẫn hợp nhau vậy.

Thứ nghĩ xem, trời đất chẳng khá có dương mà không âm, đề-vương chẳng khá có thường mà không phạt, nhà chùa chẳng khá chỉ dắc diu mà không có luật-pháp; ba lẽ ấy vận-dụng tuy chẳng đồng mà lòng nhơn-ái thì như một vậy.

Trời đất không nói, mà hai khí âm dương qua lại, bốn mùa vận hành; có mưa mốc để tưới nhuần, lại có sương tuyết để làm cho tàn tạ. Muôn vật chịu hình khí của trời đất, cũng có lớn nhỏ hậu bạc khác nhau, lớn ấy chịu khí được hậu, nhờ ơn mưa mốc để sinh, cây oai sương tuyết để nở, sinh nở càng lâu, gốc rễ càng bền, cành lá càng tốt, bền cho là lòng nhơn-ái của trời đất rất hậu vậy. Còn nhỏ ấy thì chịu khí rất bạc, ơn mưa mốc chẳng cứu được điêu-tàn, oai sương tuyết lại làm cho mục nát, sinh nở càng kém, gốc rễ càng khô, cành lá càng héo, bền cho là sự tàn phá của trời đất rất khốc-hại vậy. Biết đâu, vững thì bồi thêm, nghiêng thì đập đổ, trời đất chỉ vận hành âm dương qua lại theo lẽ thường; mà muôn vật trong vòng chở che, tự nhiên có vật được sinh, có vật lại bị sát, chẳng khá bảo rằng trời đất chỉ có sanh mà chẳng sát vậy. Đền như chín năm nước lụt, bảy năm đại hạn (7), âm dương cũng có lúc trái thời, ấy là cái biến, cái phi-thường của khí số vậy.

Đàng nhơn-quân thế theo ý trời mà hành đạo, kẻ nhơn-thần thờ vua chần dân; quân thần kính răn, hằng ngày lo muôn dân không được yên sở; mở ruộng lập làng để nuôi dân, lập nhà học-hiệu để giáo-hóa, khiến dân được vui sống hằng ngày trong vòng lễ nghĩa hiền đức. Dân chúng có kẻ hiền lương tuân tú, liền được tuyển dụng, được vinh-hoa chức cả ngôi cao, bền bảo rằng lòng nhơn-ái của quân-tướng thật tốt bậc vậy. Chẳng may có kẻ gian tà tham ác, lúc đầu cũng uốn nắn tìm cách dạy dỗ, nếu cứng cổ ngang đầu, dạy mãi chẳng nghe, thì dời đi an trí một nơi cho hồi cải tự tân; cuối cùng tạt đầu nết đó, sự hung dữ có hại đến dân lành, lúc bấy giờ mới dùng

7) Thời Đề-Nghiêu bị lụt 9 năm liền. Thời Thành-Thang bị 7 năm đại-hạn.

đền hình phạt lưu đày, giết một người cho trăm họ được sống, bèn bảo rằng vua tướng ghét bỏ đền thờ là cùng vậy. Vua Nghiêu cử cửu quan, dùng 12 quan mục, mà chẳng quên giết bốn kẻ hung (dữ). Vua Văn-Vương vỗ yên trăm nước mà phải đánh giết Hữu-Sùng, Hữu-Mật. Ất phải minh quân lương tướng, chánh đại công bình, mới biết rõ kẻ dữ người lành, dùng bỏ xứng đáng, thiên-hạ càng ngày càng được thái-bình. Ví phòng kẻ trên mờ tối, kẻ dưới a-dua, đua nhau ăn hối lộ, tuyền dụng hay truất bỏ, chỉ tùy theo sự ưa ghét của một mình; kẻ giữ lý thẳng ngay, thì ghét vì trái mình mà truất bỏ; bọn a-dua gian nịnh, thì ưa vì đồng đảng mà thu dùng. Chừng ấy, tước thưởng lạm cấp bọn tiểu-nhơn, ắt hình phạt gia oan cho quân-tử.

Dẫn dẫn gian tà đắc-lộ, thù dệt làm gian, làm cho tai mắt nhơn-chúa bị che lấp; tư-môn chuyên-chánh, kẻ trên ra lệnh, kẻ dưới làm sai, dân chẳng biết đâu mà nghe theo, triều loạn nước nguy, không còn chỗ nói được. Bởi thế, chẳng phải bậc đại-nhơn minh-chánh vô tư, chẳng bao giờ thi-hành thưởng phạt được công bình thích đáng vậy.

Đền như bọn tăng-nhơn ở nhà chùa, từ ngày cắt tóc đi tu, niệm Phật tụng kinh, từ bỏ quân thân, đứng ra ngoài cuộc tự cho mình đã thoát khỏi lưới đời; bao nhiêu quyền che chở từ-bi đều nắm cả trong tay sư-trưởng. Kể từ Phật pháp truyền qua Trung-Hoa đến nay, cùng với nho-giáo, đạo-giáo tịnh lập, ở Trung-Quốc khắp các kinh thành, quận huyện, chùa chiền cùng với Không-Miêu đều được sùng phụng như nhau, để chúc phước hộ quốc. Trong các chùa chiền, các quan địa-phương tuyền lựa minh-nhẫn Tôn sư để chủ trì pháp-tịch, thập phương vân-thủy đều nương tựa quy y; kẻ cầm đầu pháp-môn ban bố giới-luật nghiêm minh, tùy tài lập giáo, khiến kẻ thọ giáo biết theo bốn-phận tu trì; lại còn kiếm cách dắt diu để hóa phàm thành thánh. Người nào cản khí chánh đại, tự nhiên theo bậc mà tiền, một đường tinh-tân tu hành. Nhưng biển bọt rừng thuyển, thánh phàm lẫn lộn, những kẻ ngu ngoan cuồng vọng, có khi trái luật làm càn. Tội nhẹ thì quỳ hương sám hối, tội nặng thì lột áo đuôi ra khỏi chùa. Đại ác thì đốt sống để trừ hại cho pháp-môn. Ở các đảng từ-bi quảng-đại, gì cũng muốn dung tha. Nhưng đôi với dung ngoan bạo ngược, bắt-đắc-dĩ cũng phải lấy đại-nhẫn làm đại-từ, cốt để trừ tà phò chánh, không cho ma nghiệt được làm nhục môn phong của Phật-Tổ vậy. Lại còn một thứ nghịch hành Bồ-Tát, hành vi huyền diệu, thoát hẳn ra ngoài lễ lỗi, như bọn Phong-Can,

Kiên-tử, Tề-Điền, Thiện-Tử v.v... giàu hình đôi dạng, làm việc dơ uế ngang tàng; chơi giỡn độ sanh, mà tự có tài lạ phép mầu để giải-thoát. Đòi với các vị ấy, phải có mắt tinh hơn đời mới phân biệt được. Nếu gặp phải bọn phạm phu mất thịt, đã vội cho bọn thấy-chùa giả dối, muốn giết chết ngay lập tức cho hả giận sưng tay, há chẳng oan lầm thay ? Cho nên trời đất, đề vương, nhà-chùa đều dùng thưởng phạt sinh sát để duy trì thế giáo, chấn chỉnh lòng người, đồng một đích như nhau vậy.

Vả lại Quốc-gia thiết lập chùa chiền, chẳng phải chỉ để tạo ra một mớ thấy tu biết « giáo ngoại biệt truyền, trực chỉ nhơn tâm thành phật » mà thôi. Cũng cần có những tăng-nhơn để hôm sớm đốt hương tụng niệm, kiến cầu cho trời sinh thánh minh để làm vua, làm tướng, trong triều-đình đều những người hiền-lương phượng chánh, lấy trung hiếu tiết-ngĩa dạy người, khiến thiên-hạ vui lòng làm lành, giặc cướp chẳng sanh, nhà-lao bỏ trống; chừng ấy điều-hòa âm-dương, ngũ hành chẳng lỗi, mưa nắng phải thời nhơn-dân được vui sống thái-bình, chẳng sanh ra tai-ương tật dịch; hầu thấy hình phật chẳng dùng mà người biết kiêng sợ, đời há chẳng thanh-trị hay sao ?

Nay Quốc-vương đương lúc tuổi trẻ, thầy anh em Minh-công đầu bậc hiền-lương, dùng giữ chức Trùng-Tề ở nơi xung-yếu. Vả lại Minh-Công là Quốc-Cậu thích thuộc, chính nên hư tâm kính lễ kẻ hiền, quảng tập chúng trí, dùng chánh-nhơn, làm chánh-sự, tiền chánh-ngôn, kiến lập học-hiệu kính lễ nhà nho để giảng dạy lục kinh đạo thánh; từ Vương-Thề-Tử, con em các đại-thần, cho đến nhơn-dân tuần tú, đều khiến vào học nghe giảng; các phủ cũng đều mở nhà học để giáo-dục nhơn-tài; như vậy chẳng qua mười năm, dân trong nước đều dần dần hiểu biết Đại-nhơn từ cái học tu tề trị bình để nổi vàng-thánh mở mang kẻ hậu-học ; đối với quốc gia chính sự, đều cứ lý mà làm, chẳng chuộng âm mưu trá thuật. Mỗi lúc Quốc-Vương có chánh lệnh gì, trước phải cùng với các đại-thần thương xát cho hợp với nhơn tình thiên-lý, sau mới thi hành. Một khi có vương-lệnh đã truyền ra, chẳng khá dờn dỗi; như thế oai lệnh mới tôn nghiêm mà đại quyền chẳng đến dỗi lọt vào tay người khác. Kinh-thư bảo rằng : « Lời vua như tơ », nghĩa là lời nói đã phát ra, không còn lấy trở lại. Thất-phu một tiền ừ, còn nghìn vàng chẳng đổi; há mạng lệnh của nhà vua, mà khúc trực thị phi, có thể dùng đồng tiền lo lót, để nhờ cậy đại-thần che lấp tai mắt nhơn

chúa, đền đổi một việc mà phản phúc mâu thuẫn mấy lần. Tức như việc Thái-Thanh-Quan chết ở quý-quốc, bao nhiêu tiền-của tư-bản đã vâng Vương-mệnh phân phó thuyền-chủ đem về giao cho vợ con y; đủ thấy quý-bang chí công vô tư, việc nhơn chánh ấy ai lại chẳng cảm phục. Ngờ đâu, người dưới kiềm chuyện làm trái mạng lệnh Quốc-Vương, cùng bọn tiểu-nhơn chia nhau tư tui; khiến Thái-Thanh sống chết chẳng minh bạch, thiên hạ nghe việc ấy cho rằng mạng vua chẳng bằng lệnh tôi, há chẳng thẹn cho đức-chúa và khinh rẻ quý-quốc hay sao !

Thiết nghĩ quý quốc từ khi khai sáng đến nay, đã vài mươi đời, phần nhiều công việc trong nước, ông cha làm sao, con cháu noi theo như vậy; cầu thả qua buổi, yên được thì thôi; còn về mặt cương thường luân lý, lễ nhạc, chánh giáo, đều bỏ qua chẳng ngó ngang đến. Nay Quốc-Vương đương trẻ tuổi, đã biết tin dùng Minh-Công, thế mà Minh-Công lại bận lo cân nhắc tính toán, chẳng rảnh nghĩ đến việc sửa sang triều chánh. Trên không có quân tướng xướng xuất, trong nước đều ù ò chẳng biết đạo thánh hiền, người nào cũng chỉ lo bội nghĩa trục lợi; bởi thế những phường chồn cáo mới dám tung hoành, bọn hùm sói mới dám làm dữ, dầu có một hai người chánh trực quân-tử, cũng là nước gáo chẳng cứu được lửa xe vậy. Quân-hầu anh em đều ngồi cao tốt bậc, quyền giữ yều xung, Quốc-cậu lão thành, vinh hoa phú quý, cần phải giữ mình khiêm tốn, tránh tiếng gièm pha, khiến thần dân trong nước đều tin-tưởng Minh-Công lúc nào cũng trong sạch thờ vua, đi theo đường chánh, hầu cho Tôn-miếu xã-tắc, đời đời hưởng phúc miên-trường, sử sách lưu danh, biết bao tốt đẹp. Nêu chẳng thế, Minh-Công chẳng hay xướng xuất chánh tâm, cứ để mặc cho bọn gian-tà tiểu-nhơn, lăng xăng bên tầu, làm hại kẻ hiền, làm hại cho nước, vơ vét cho đầy túi tham, xâm lấn cả oai quyền nhơn-chúa. Một mai thời thế đổi thay, công việc hư hỏng, lúc bấy giờ muốn xin làm một tên thất-phu cũng không thể được, như bọn họ Lữ đời Hán, họ Vũ đời Đường. Kìa gương Thất-Quý Ngũ-Hầu đáng sợ biết chừng nào !

Lão-Tăng mộng được Quốc-Vương kính lễ làm bậc thầy, Quân-Hầu lại hết lòng yêu dấu; nay nhơn thừa tiếp, nói chẳng kiêng lời; tặc dạ ngu trung, tuy Cao-Minh chẳng sá kè; mong rằng núi Thái-Sơn đắp thêm một giò đất, lại càng thêm cao, biển Thương-Hải nạp cả nước các dòng-con lại càng thêm lớn. Chớ cho lời nói của Lão-Tăng là lỗ-măng điên-cuồng mà

nạt mắng xua đuổi; thì rất may cho Quốc-Vương, rất may cho dân chúng, và rất may cả cho Quân-hầu.

Thư bảo cho Khử-Phi-Thuyền-Nhon

Đồn được vác được, ấy là người khẳng khái. Nhưng chỉ sợ đánh giặc đầu lười, uổng bầy trận thiên-môn, luống mài dao thuyết-nhân, chẳng những làm nhụt lòng Khử-Phi mà cũng nhụt lòng Lão-Tăng, chúng ta luống phụ lòng nhau mà thôi vậy. Lời xưa bảo rằng : « Người giác-ngộ lớn tụng 18 biển, người giác ngộ vừa, tụng không biết bao nhiêu biển mà kể ». Lại chẳng nên lầy ít làm đủ, phải bỏ bậc nhỏ mà làm nên bậc lớn mới được. Nếu muốn xông xáo triệt để, đề báo đức cao dày, cần phải có sẵn một thủ-đoạn « giết người không nháy mắt », gặp Phật-tổ giết Phật-tổ, gặp bạn thân giết bạn thân, gặp người giết người, gặp mình giết mình mới được khinh-khoái tương ứng. Nếu hơi có nhìn trước ngó sau, nghĩ chuyện bước lùi, thì cây dao bén cầm ở trong tay ta, liền lọt vào tay người khác. Chẳng thầy Đức Cù-Đàm lúc phát tâm mạnh mẽ như thế nào, bỏ cả cầm tú giang sơn, bỏ cả vợ con cha mẹ, mới có cái ngày ngồi xem sao trên trời mà ngộ đạo, đến nay xưng làm bậc « Thiên-Nhon-sur ».

Người là một người có khí cốt, há chẳng hạ nổi quyết tâm, chặt làm hai khúc, còn nói những gì là « ngọn cỏ Lâm-Tế chẳng khá cướp », kia Tào-động tư-mạng há chẳng ở trong tay rồi sao ? Tuy nhiên đã đến địa-bộ ấy rồi, điều đáng sợ nhất là tự ý làm càn, rồi có chỗ sai lầm không thể hiểu. Cần phải biết lo lắng, đem cả sách vở nội-kinh ngoại-truyện, sách trong đạo và sách ngoài đời, sách Tiên-Tân đến sách Hậu-Hán, thanh-đàm của người đời Tần, lý-học của Tống-Nho, đều tinh-tề nghiên-cứu ; cho đến sự mẫu-nhiệm về kinh-tề, quyền biến, cách tiền-thoái theo thuận nghịch cơ-nghi, sách vở bách-gia chư-tử, nhứt nhứt đều đọc qua tất cả, mới có thể cứu chữa cái sai lầm của mình. Chớ làm như người đời nay, muốn làm danh-sĩ, mà sách chưa đọc hết ba bốn quyển, vật-lý chẳng biết một tý gì, rồi làm bộ thông-thái phóng khoáng như người đời Tần, chẳng kể tiên-hiền hậu-đạt, đem một hai lời nói hay, việc là tốt của người xưa, gặp ai cũng bàn luận ba hoa, chỉ trích bậy bạ, tận tình chê bai cả xưa nay, làm cho người

ta thầy mình ăn nói như gió bay nước chảy, tường đầu có học-văn đọc đất ngang trời, rồi tôn xưng làm danh-sĩ, làm tài-tử v.v... rồi cũng an nhiên tự đại tự tôn, rút cuộc sách chẳng đọc qua một quyển, việc chẳng làm được việc gì, chỉ dôi dòi trộm danh mà thôi. Trong đạo chúng ta rất nhiều hạng người như thế. Than ôi, trong cửa Nho Thích của hai vị Thánh-nhơn, sao chẳng may mà có những giống người thế ấy. Lão-Tăng vốn chẳng ưa xoi móc, nhưng sinh ở đời nầy, gặp chạm hằng ngày chẳng phải người giả-đạo thì người giả-tư-văn, cho nên phải đem bộ mặt giả ra đả nhau, há phải bản tâm của ta muốn làm như thế đâu ? Chẳng qua mấy năm trở lại đây, công-án xây cất chùa thường trú chưa xong, nên ta cũng nần-ná tùy nghi, chỉ chờ điện đường lầu các, kho tàng bếp núc của nhà chùa làm xong cho toại nguyện, ta sẽ mau mau đóng cửa đọc sách, làm kẻ chung thân mà thôi. Nghĩ người còn tuổi trẻ, đương lúc tinh-lực cường tráng, chính nên lập chí kiến tu, chớ bảo rằng ăn hết bao nhiêu tương muối của thập phương là qua chuyện vậy. Đồ lọt của chùa Trường-Thọ, nuốt vào bao nhiêu lại nhả ra bấy nhiêu, tuy chẳng phải như bọn chỉ ngồi nhìn khói chực ăn, nhưng cũng chớ thấy biển lớn mà tự khoe đẩy nước, cũng chớ thấy núi Tu-Di mà tự làm nhỏ núi của mình. Chính nên đắp cao thành, xưng vương-giã, con chim lạ ba năm chẳng kêu, một lần kêu lên, ai nghe cũng phải khiếp. Một ngày kia chim bằng cắt cánh biển nam, sẽ thầy dưới chân Phật-tổ ta có người, chẳng phụ lòng mong mỏi của Lão-Tăng vậy. Thời đến chẳng nên bỏ qua, thời nay là thời nào, Lão-Tăng chẳng cần nói thêm nữa.

Vì người có lỗi uống rượu mà nói :

Người ta đều có cái thích tình, từ Thi Thư lục nghệ, cho đến thưởng trà, uống rượu, săn bắn, đi câu, xem tuồng, nghe hát, đánh cờ, đánh bạc v.v..., những cái ưa thích cho tai mắt mũi miệng thân thể của con người, không biết bao nhiêu mà kể. Bởi vì tâm thân khí-huyết của con người, nếu cứ giữ mãi trơ trơ, khiến ngũ quan tứ chi, tuyệt nhiên không giao tiếp với ngoại-vật, thì khí huyết ngưng trệ, chẳng được lưu-lợi, làm cho cơ-trí cũng trầm trệ mà trở nên khô khan. Cho nên các môn thích tình, ngoài có thể làm cho khí mạch vận hành, trong có thể kích phát cơ-trí, giúp ích cho con người chẳng ít vậy. Đức Không-Tử đi săn, Nhậm-Công đi câu chơi, cũng chỉ vì lẽ ấy. Người đời chẳng hay làm chủ lấy mình, chẳng phải chơi để thích tình, mà buông lung theo tình sở-thích, đã bước chân vào là lưu liên

quên trở lại, đèn đòi bại hoại khí huyết, dứt mất trí cơ, rút cuộc làm hại lớn cho thân-thể. Thạch-tín là một món thuốc độc, nếu dùng cho đúng độ lượng, cũng có thể cứu sống người. Trái lại sâm kỳ phụ-tử, dùng quá độ cũng có thể giết người vậy.

Người ta trong các món thích tình kẻ trên, hoặc bị hạn chế bởi sức khỏe, hoặc bị cách trở vì hoàn-cảnh, hoặc thiếu tập quán, dầu muốn chơi cũng không thể được. Chỉ có món rượu, ở đâu cũng có, ai cũng có thể uống, bởi thế người xưa có người nhờ uống rượu mà nổi tiếng tăm, vẫn biết có nhiều người vì rượu mà đèn đòi giết mình mất nước. Thấy Thiệu-Tử nói rằng : Huyền-tửu vị còn lạt » ấy nói lúc bắt đầu có rượu vậy. Dần dần có Nghi-Địch chế ra một thứ rượu, vua Đại-Vũ uống nghe có mùi ngon ngọt, bảo rằng : « Đòi sau ắt có người vì uống rượu mà mất nước vậy ». Đèn sau có thiên-Tửu-Cáo, răn cấm uống rượu, tiên-thánh tiên-hiền nghiệm ở mình, xét ở người, lập ra khuôn phép để ngăn phòng đòi sau, rất tường tận chu đáo. Thế mà đòi sau có những nhân-sĩ thông minh, khôi ngô, từ trong rượu tỏ ra một bộ mặt hiên ngang, khiến người đòi thấy cái say cũng có chỗ huyền diệu hay hay, không còn cho rượu là đáng kiêng đáng cử nữa. Như Thuần-Vu (9) uống rượu thì ăn nói lưu loát, Uyên-Minh (10) uống rượu thì làm thơ hay, Kê-Khương, Nguyễn-Tịch (11), nổi tiếng tứ-cuông, Thanh-Liên nổi tiếng (12) tứ-thánh, U-Kỳ (13) uống rượu nổi tiếng dũng-sĩ. Mấy gã ấy trong mình sẵn có tài cán, chẳng qua mượn rượu để bày tỏ nổi lòng vậy thôi, không phải cái hay, cái tài toàn nhờ ở rượu vậy. Bởi thế Đức Cù-Đàm của ta răn uống rượu, nhưng rượu thuốc, rượu ngọt, cũng cho phép các Thích-tử uống chút ít để bồi dưỡng tinh-thần, điều-hòa khí huyết. Thế là Cù-Đàm tuy răn mà vẫn cho uống vậy. Không-tử chẳng răn uống rượu, cho uống rượu không hạn lượng, chỉ không đèn đòi quá loạn là được. Không đèn quá loạn, tức là răn vậy. Uống có hạn lượng mà không loạn, người thường có thể làm được. Uống không hạn lượng mà chẳng đèn loạn, chỉ có thánh-nhân mới hay. Chúng ta nên biết rằng Cù-Đàm răn

9) Thuần-vu-Khôn, biện sĩ đời Chiến-quốc, hay dùng hoạt-kê ăn-ngữ, Châu-Oai-Vương cho làm Chư-Hầu Chủ-Khách.

10) Tức Đào-Tiêm, thi-sĩ đời nhà Tần.

11) Danh-sĩ đời nhà Tần, trong số người Trúc-lâm thất hiền.

12) Tức Lý-Bạch, thi-sĩ đời nhà Đường.

13) Hiệp-sĩ đời Chiến-quốc.

rượu mà uống. Không-Tử uống mà chẳng rắn, đều chẳng hại chi cả. Nếu ta uống rượu mà chẳng bị rượu làm khôn, thì cũng đồng như vậy. Nhưng nếu uống rượu mà sút khăn rơi mũ, tuột áo văng giày, mượn tiếng bọn Kê Nguyễn, Uyên-Minh để phóng đảng ra ngoài hình hài lễ-giáo; không có phẩm vọng như cô-nhơn, mà luồng chỉ thích tình túng dục, thì cùng với bọn ma-men phạm tục, nào có khác chi. Hãy xem trên núi Cô-dịch (14), có một vị Thần-nhơn, chẳng uống chẳng ăn, nhưng da như sương tuyết, sắc tợ hoa-đào, nào có cần rượu để bồi-dưỡng tinh-thần, điều-hòa khí-huyết gì đâu. Thần-nhơn đã có cách ăn uống riêng biệt, xem món quý của Nghị-Địch (rượu) cũng ví như gà tơ so cùng chuột chết vậy. Ta ước ao người đời chớ bắt chước thêm muốn như bầy đười-ươi.

Thư bảo cho Trí tặng A-Hỷ

A-Hỷ chính đương lúc thanh-niên đắc ý, mỹ lệ phồn hoa, bỗng nhiên đã đến cầu Lão-Tăng thê-độ, chuyên ý học đạo tham thiền, thế là « chẳng chờ ca tàn rượu cạn đã rút lui », khách ấy không phải đại vậy. Nhưng con đường tham thiền học đạo phải đi mau như buông tên, chăm chú như tìm cửa. Xưa nay, những kẻ bỏ tiền duyên, tìm đường khó, vô ngược tiền tới rất nhiều, nhưng thiền chèo ngược nước, tiền một thoải mười cũng chẳng ít. Cần phải biết việc cầu đạo cũng ví như trèo lên núi cao chẳng do cấp bậc vậy mới được. Thoảng bảo rằng, công-phu mệnh mông, không bám bấu vào đâu thì biết đâu núi nào mà phăng tới. Nếu có bám bấu thì đã chẳng phải ý nghĩa « trèo lên núi cao, chẳng do cấp bậc » vậy. Nếu chẳng phải từ chỗ « không cấp bậc để cầu lên núi cao », thì làm sao gọi là công-phu. Cho nên Thọ-Xương Lão-Tổ bảo rằng: « Hư không có đường hư-không lớn, chỉ sợ người đời chẳng biết đi ». Đi lên con đường ấy chẳng phải người chẳng được. Nói đến chỗ ấy rất chẳng phải dễ nói, trừ phi giết chết hết lòng thông-minh, lòng tính-toán, lòng ức-đặc từ trước, khẳng khẳng giữ một tấm lòng ngọc độn, ví như chuột già khoét quan-tài, nhận định một chỗ khoét ngày khoét đêm tự nhiên khoét thủng một lỗ làm đường đi, chẳng

14) Cũng gọi là Thạch, thuộc tỉnh Sơn-Tây, có Cô-Xạ-Sơn, Nam Cô-Xạ-Sơn và Bắc Cô-Xạ-Sơn.

đền đổi « lên núi không đường, trông đỉnh núi mà bước lui » vậy. Như vậy kẻ ngọc-độn trở lại hơn người có học, kẻ học-giả mỗi lúc gặp một đoạn công-án, một chương sách chẳng rõ ý, cứ nhìn chữ tìm tòi, lấy ý-thức thông-minh để đoán định, chẳng ai chịu dùng công-phu « day mặt vào vách chín năm (15), hay chịu lạnh lẽo ở chôn thư-song mười năm » để chờ Thánh Hiền Phật-Tổ tự nhiên ở trong lòng ngọc-độn nhảy thót ra vậy. Xưa Triệu-Châu (16), mở pháp-đàn, hỏi một trả lời mười, bỗng gặp một câu hỏi thoáng qua vài tiếng, trả lời không trôi; bèn bảy mươi tuổi mà còn đi bộ, quyết đi đến tận nơi, trông thấy một lần mới thôi. Tô-Tứ-Chiêm (17), một văn-hào nghìn xưa, mừng cười giận mắng tỏ ra bút mực, đều thành văn-chương, thề mà đến khi thuyết thuyết, bèn mất hết bản sắc. Thề là một chứng-nghiệm, tính-toán thông-minh chẳng giúp ích gì cho đạo vậy.

Nay A-Hỷ ra dáng thông-minh lanh lợi, chẳng chịu đứng ngang hàng với bọn ngọc-độn tăng-thuyết, lại chẳng chịu cho đạo là một việc thực khó sáng tỏ, hằng ngày quanh quẩn vẩn vẩn vợ vơ, làm cho thông-minh lại trở nên ngọc-độn; lại chẳng chịu cam phận ngọc-độn, hằng ngày đem tập Chỉ-Nguyệt-Lục để tìm đường đi. Ta e « chỉ tham một hột lúa mà mất hết nửa năm lương » vậy. Nên biết rằng ngũ-vị, thất tam cú, lục-tướng, (18), tứ-yết, tứ-tung, thập-cửu-môn, đều chẳng ở trong sách vở. Thề mà trong chỗ nhật-dụng tầm-thường ăn cơm mặc áo, trong hồng-trần lộng-lộng nầy,

-
- 15) Đạt-Ma Tô-sư ở chùa Thiệu-Lâm núi Tung-sơn, day mặt vào vách chín năm, vì muốn từ trong chỗ tĩnh-mặc, không dùng lời nói mà dạy bảo tâm-ân vậy.
- 16) Triệu-Châu Đại-sư tên Tông-Nam, đời Đường Đại-Tông, xuất-gia ở chùa Long-Hưng, Thanh-châu, sau đến Tri-dương tham học với Nam-truyền, Phò-nguyên thuyết-sư, rất được sư trọng-đãi. Ngày nọ hỏi Nam-truyền rằng : « Thề nào là đạo ? » Nam Truyền rằng : « Lòng bình thường ấy là đạo ». Lại hỏi rằng : « Có thể đi đến đạo chẳng ? » Nam-Truyền rằng : « Nghĩ đi đến là sai ». Lại hỏi rằng : « Nếu chẳng nghĩ thì sao biết là đạo ? » Nam-Truyền rằng : « Đạo chẳng buộc « biết », chẳng thuộc « chẳng biết ». Triệu-Châu giác-ngộ ý-chỉ huyền diệu của câu nói, bèn qua Trung-sơn lưu-ly-đàn thụ giới, sau chú ở Triệu-quận Quan-âm-viện đời hiện là Triệu-Châu môn-phong.
- 17) Xem Phụ-chút số 1.
- 18) Phật-gia gọi, tông-tướng, biệt-tướng, đồng-tướng, dị-tướng, thành-tướng, hoại-tướng làm lục tướng. Sáu tướng ấy xuất tự Hoa-nghiêm-Kinh; theo sở-kiến của phạm-phu mà nói, thì sáu tướng cách ngại, chẳng dung thông nhau. Theo thánh-nhân thì sáu tướng viên thông, như thiết các phép đều là nhưt chân pháp-tướng, vô tận duyên khởi vậy.

chẳng nơi nào chẳng có; chẳng cần đi đến tận nơi, trông thấy tận mắt, mới khỏi bị đầu lười người xưa lừa dối. Nếu chẳng thấy rõ tận mắt mà cho rằng ta đã hiểu thấu tôn-chỉ đạo thuyền, đã sáng rõ bốn-phận; khác nào Trường-Thọ Lão-Tăng cứ ngồi ở trước nhà Chiêu-ấn, trên đỉnh Điền-Tâm, trông mong A-Hỷ ngày nào được chơn-chánh phát minh việc ấy để giải-khuây lòng buồn lão tăng. Nhưng 4, 5 năm nay chẳng thấy có chút gì động tịnh ảnh-hưởng. Nhơn chẳng thấy gì, thường tưởng tượng, chắc A-Hỷ lúc nầy đương đóng cửa tạ khách, đốt hương niệm Phật, chắc A-Hỷ lúc nầy đương tịnh tọa bồ-đoàn, làm tròn bốn-phận... Nhưng sự thực A-Hỷ chẳng từng đốt hương lễ phật, tịnh tọa bồ-đoàn bao-giờ, chẳng qua trong ý-tưởng tượng của Lão-tăng vậy thôi. A-Hỷ nay có chịu làm bốn-phận như ý tưởng tượng của Lão-Tăng vậy chẳng? Chẳng thể hãy thử xem sách của đạo ta, trong sách chép rằng : ấy là dòng Ví-Ngưỡng, ấy là dòng Tào-Động, ấy là dòng Lâm-tê, ấy là dòng Vân-Môn, ấy là dòng Pháp-Nhãn; cũng chép rằng : nếu chẳng phải Ví-Ngưỡng, chẳng phải Tào-Động, chẳng phải Lâm-Tê, chẳng phải Vân-Môn, chẳng phải Pháp-Nhãn (19), thì có gì cái có sắc khá thấy, có tiếng khá nghe, có văn-tự lời nói khá thông hiểu, lại cho là không phải gia-báu ? Nếu muốn thấy rõ chỗ xuất-hiện của các Phật-Tổ nói trên đây, thấy rõ mặt mũi chơn-tướng của A-Hỷ, thì ắt phải từ lúc chưa giờ quyền Chi-Nguyệt-Lục, « Thịch » xuống đất một tiếng, đã thấy các Phật-Tổ xuất hiện đồng một lúc, mới thấy rõ chơn-tướng mặt mũi của mình như thế nào. Nên nhận rõ cái chữ « Thịch », nếu chưa được vậy, xin chờ bỏ qua.

Thư bảo cho Khả-Trung -Thị-Giả

Người vốn có thiên-chơn phật-tính rất tốt, chẳng ngờ sinh vào trong ô trộm cướp, bị ý-thức dẫn dụ dần dần tiêm nhiễm, hóa ra theo bọn chúng dòm đông ngó tây, đánh làng cướp xóm. Một khi đã vào bọn, không thể

19) Theo tôn-phái nhà Phật, từ Lục-Tổ Tuệ-năng, pháp-thông truyền lại đời sau có hai hệ-thống rất thanh, ấy là hệ Nam-Nhạc-Hoài-Nhượng và hệ Thanh-Nguyên Hành-Tư. Nam-Nhạc mật lưu, chia làm hai phái, Ví-Ngưỡng và Lâm-Tê, Thanh-nguyên mật lưu có 3 phái : Tào-động, Vân-Môn, và Pháp-Nhãn.

lùi bước, nhưng Khả-Trung cắt tóc đi tu, bỏ bọn trộm cướp, thề là Khả-trung đã quyết chí bỏ đường quây theo về đường chánh vậy. Từ ngày về nương náu Lão-Tăng, bầm đốt hơn mười năm nay, Khả-Trung nếu vẫn chẳng biết nên lưu-tâm chỗ nào, nên làm việc gì; thì nay hãy đem những điều mình đã biết, thề nhận cho kỹ; đương-sơ phát niệm khữ tà quy chánh, nếu chẳng phải nam-nhi quyết liệt cố căn-tính thông-minh lanh lợi, chẳng làm được thề, ấy là Khả-Trung rất có thể đi đền đạo vậy. Nếu cứ vẫn vơ ngày tháng, theo ngọn quên nguồn, căn tính bản-lai, trăm-luân hỗn-độn, thì thà nhưng-cực trở lại nhập bọn trộm cướp, còn hơn thầy biến đạo mệnh mông luồng ngồi than thở vậy. Cho biết tâm thân bảy thước của con người rất dễ thiên ở chỗ không lo không nghĩ, thanh thanh nhàn nhàn, đèn đôi say mê vì tình, gấn bó vì ái, đắm đuối theo lưu-tục; kêu chẳng trở lại, đáng tiếc biết chừng nào ! Nếu xứ tình chẳng luyện, xứ ái chẳng mê, xứ cảnh thuận đắc-ý chẳng kiêu ngạo, xứ cảnh trái ngược thất-ý chẳng thay lòng, lúc nào cũng lầy việc chẳng hiểu đạo làm lo lắng, mới thầy trượng-phu chí-khí, chỉ lo không thường, hay noi theo quá-khứ; lại đáng sợ nhất là bị bốn chữ « phù hốt chấp trệ » (nhẹ tính và cô chấp) làm cho sai lầm. Bởi thề Vương-Dương-Minh tiên-sinh bảo học-trò rằng : « Thầy Nhan-tử là người rất thông-minh, hễ người thông-minh thì hay có tính sơ-sốt, cho nên lúc thấy hỏi điều nhơn, đức Không-tử dạy rằng : « Phải sửa mình theo đúng lẽ », thề là người lầy lời nói chơn thực để sửa chữa tính sơ sót vậy. Thấy Tăng-Tử là người rất chơn thực, hễ người chơn-thực hay có tính chấp trệ. Bởi thề đức Không-Tử bảo thầy rằng : « Đạo ta cứ một mạch kéo suốt » lầy lời nói hoạt-bát để sửa chữa tính chấp trệ vậy. Xem đó biết cách dạy người của Đức Không-Tử, tùy theo từng người mà thay đổi . « Bảo rằng tùy theo từng người mà thay đổi cách dạy, vẫn có thể; nhưng nay xét kỹ lại, thấy Nhan-Tử hỏi điều nhơn, mới nghe câu « sửa mình theo đúng lẽ », bèn hỏi chi-tiết cách sửa mình, ấy là vì người khác mà hỏi. Đức Không-tử lại nhơn câu hỏi ấy mà dạy thêm. Chính là đánh trống gậy đàn, gặp nhau trong một hội, Thấy Nhan-Tử há phải người sơ sót đâu? Thấy Tăng-tử mới nghe câu : « Đạo ta cứ một mạch kéo suốt », Thấy đã « dạ » liền; thấy còn nói lại với mấy người khác: « Đạo ta chỉ có điều trung và điều thứ mà thôi ». Nếu ý câu nói « một mạch kéo suốt hẳn ở trong hai chữ « trung-thứ », thì thấy Tăng-tử chẳng phải người chấp trệ vậy. Xem đây biết lời Dương-Minh tiên-sinh nói với học-trò, cũng tùy người mà nói vậy. Lão tăng nói

ra đây cũng đồng một ý ấy. Xưa có người làm nghề ăn trộm, muốn dạy nghề cho con, đương đêm dẫn con đến một nhà kia, mở tủ khóa con vào trong, rồi bỏ đi về. Một chốc sau thấy con cũng trở về, hỏi làm cách nào mà về được ? Con nói : « Bắt chuột tiếng chuột kêu, chủ nhà khiến tôi tở mở đuôi chuột, thừa lúc bắt ngờ chạy thoát ». Người cha bảo rằng : « Con đi ăn trộm được rồi » vậy (20). Than ôi, thấy Nhan-tử hỏi điều nhơn, thấy Tãng-tử thưa rằng : « Dạ ». Cũng một lẽ như tiếng chuột kêu trong tủ, thừa hư mà thoát ra ». Ta tuy chưa dám ví Khã-Trung với các bậc tiên-hiền, nhưng cũng nên biết « vua Thuần là người nào, ta là người nào ». Nay Lão-Tãng nhơn người từ trong ổ trộm cướp thoát ra. Muốn khóa người ở trong tủ, xem người hành động cách nào, nhưng chớ thừa hư thoát ra, phải tìm đường sống khác thoát thân mới được. Hãy nghĩ kỹ xem, rồi làm ngay.

Mùa xuân năm Ất-Hợi đến nước Đại-Việt, định ở qua một năm, ngày về đã định vào tiết đầu thu. Năm Giáp-Tuất mưa dầm, trái vãi (lệ-chi) mất mùa mà mùi lại kém ngon, ăn chẳng đã thềm, đã 3 năm nay. Trịnh-Tử-Nguyên Cư-Sĩ từ Phước-Kiến vào Quảng-Đông, mỗi lúc ăn trái vãi hay đề lời hình-phẩm. Lúc Cư-sĩ trở về, nhơn viết hai bài sau đây tiễn chân.

Bài thứ 1

*Ghe từ Hải-Ngoại chũm mười tuần,
Đất khách hằng ngày tiễn cổ-nhân.
Mảnh nguyệt Tây-Hồ người chớ quên,
Núi cao, Nam Bắc cũng hiển gần.*

Bài thứ 2

*Tháng mười cam đồ đượm hơi sương,
Khôn sánh tháng năm « ly-chi » hương.
Mây độ Lãn-Nam qua hạ-chí,
Quý-mai (21) thơm ngọt được ăn thường.*

20) Câu chuyện này thấy có chép trong sách « Liễu-trai chi-dị » của Bồ-Tùng-Linh.

21) Theo chú-thích của tác-giả : Quý-mai là tên một thứ lệ-chi rất quý.

Đồng-chí, Từ-Thuyền Vương-Đại-Tham với Phàn-Thái-Sử, Lưu-Thuyền-Bộ-đền. Các Bạn Bạch-xã (thi-xã) đều tập họp ở tiểu-viện, chia nhau làm thơ, bỏ vắn thất-dương.

Bài Thơ

*Đau nằm thăm hỏi nhau,
Vườn cũ quên hoang-vu.
Lãnh lót chuông đưa tiếng,
Mơ màng trắng đứng đầu.
Trước thêm đội sóng biển,
Ngoài cõi pha sương mù.
Sứ tiết vừa qua cửa,
Nước, cây rục rờ màu.*

BÀI KHẢO - CỨU

HẢI - NGOẠI KỶ - SỰ

*Đông-Dương Văn-Khố tàng thư.
Chụp hình ngày 27 tháng 2,
Chiêu-Hòa năm thứ 32.*

Người dựa sách này để khảo-cứu:

Giáo-sư TRẦN-KINH-HÒA

1. Ngày tháng xuất bản sách Hải-ngoại kỷ-sự và nội dung của sách.
2. Sự Đại-Sán, nhân-phẩm và việc làm.
3. Sự Đại-Sán du-hành đến Quảng-Nam.
4. Toàn văn sách Hải-ngoại Kỷ-sự.

I. NGÀY THÁNG XUẤT BẢN SÁCH

HẢI-NGOẠI KỶ-SỰ

VÀ NỘI-DUNG CỦA SÁCH

NGUUYÊN bản in sách Hải-ngoại Kỷ-sự do Thích Đại-Sán biên soạn, hiện còn tàng trữ tại Đông-dương Văn-khố Nhật-Bản (日本東洋文庫) và Quốc-lập Trung-ương đồ-thư-quán Trung-hoa (國立中央圖書館, 中華.) bản của Đông-dương Văn-khố (kệ sách số 11, 11-k-56) chia 6 quyển ra làm 6 tập. Còn bản của Trung-ương Đồ-thư-quán thì 6 quyển đóng thành 2 tập. Đầu bản sách của Đông-dương Văn-khố có đóng 3 con dấu: « Đông-dương Văn-khố », « Tứ-minh Lư-thị bảo-kinh-lâu Tàng-thư ấn », và « Đẳng-diễn kiểm-phong tàng-thư chi ấn », do đó biết bản sách ấy nguyên thuộc Bảo-kinh-đường tàng-thư của Lư-Văn-Chiêu ở Dư-Diêu, sau vào tay Đẳng-Điển Phong-bát (Kiểm-phong), bác-sĩ người Nhật-Bản và sau khi Đẳng-Điển bác-sĩ qua đời, mới bỏ vào Đông-dương Văn-khố. Đầu bản sách này có 3 bài « tựa » của Dũng-giang Cừu Triệu-Ngao (Thương-trụ), Ngô-giang Từ-Phạm (Thiên-đỉnh), Tần-Lăng, Mao-đoan-Sĩ (Hành-cứu) và bài Bản-sur Hải-ngoại-Kỷ-sự-Tự của Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-phúc-Châu (tức Minh-Vương Nguyễn-phúc-Châu chép trong Đại-Việt Sử-ký); toàn bộ các quyển chữ in đều sạch-sẽ, có thể gọi một bộ sách hoàn hảo. Trái lại, trong các bài tựa của bản sách Trung-ương đồ-thư-quán, trừ bài tựa của họ Từ được hoàn toàn, còn bài của họ Mao, họ Cừu đều không toàn vẹn, thứ tự cũng xáo trộn; vả lại không thấy tự-văn của Nguyễn-phúc-Châu, cách sắp đặt bản in cũng không có mỹ-thuật, trong sách chỗ nào cũng thấy có thiếu chữ, thiếu bài và thiếu trang (quyển 1 thiếu trang 9 đến trang 16, quyển 11 thiếu trang 11-12, 25-26 và 33, quyển 111 thiếu trang 25-26-35-36, quyển IV thiếu trang 1-2-19-20-29 đến 36, quyển V thiếu trang 1 đến 4-17-18-21-24-

31-33, quyển VI thiều Từ trưng 3 đến 8). Chỉ có hai bản đều thuộc bản nguyên-san, điều đó không thể nghi ngờ.

Ngoài bản nguyên-san nói trên, Thượng-hải Tiên-bộ Thư-cục còn phiên âm, bản sách này chia làm 2 quyển, để đem vào bộ Bút ký tiểu-thuyết đại-quan, đệ-lục tập, đệ-lục-Hàm, đầu quyển có phụ chép bài « Hải-ngoại Kỳ-sự đề-yếu » như sau :

« Sách này do Đại-Sán Hán-Ông (大汕 翁) đời nhà Thanh soạn, tất cả 6 quyển. Khương-hy năm giáp-tuất, đáp ứng lời mời của Việt-vương, ông đi qua Quảng-Nam; những nơi trải qua, sơn-xuyên, hình-thể, phong-thổ, tập-tục ông đều ghi chép tất cả, xen lẫn những thơ văn rất tao nhã hứng thú, Ông chính là một ẩn-giả lánh mình trong cửa thiền vậy. Cừu-triệu-Ngaο bảo sách này gồm có cái hay của Đồ-thiếu-Lăng, Liễu-Tử-hậu, có thể bỏ khuyết những điều mà các sách Sơn-Hải-kinh, Hải-chí, Chức-phương-ký, Vương-hội-đồ chưa từng chép đến v.v... ».

Lại ngoài ra, Tứ-khố toàn-thư-tổng-mục đề-yếu (quyển 78), sử bộ 34, Địa-lý-loại tồn-mục 7 chép rằng :

« Hải-Ngoại Kỳ-sự 6 quyển, bản sách do Quốc-triều Thích Đại-Sán biên soạn và Chiết-giang Tuấn-vũ tìm thầy đem dâng. Đại-Sán là Thiền-sư ở chùa Trường-thọ, tỉnh Quảng-Đông. Mùa xuân năm át-hợi Triều Khương-hy Đại-Việt Quốc-Vương mời qua thuyết-pháp, hơn một năm lại trở về, nhơn ghi chép phong thổ nước ấy và những điều nghe thầy trong khi qua lại trên đại-dương. Đại-Việt-Quốc Tiên-thê là rể của nước An-nam, chia cứ nam-biên, xưng hiệu Đại-Việt. Đầu sách này có bài tựa của Nguyễn-phúc-Châu, đề lạc-khoản bính-tý bổ-nguyệt (tháng 5), tức Khương-hy năm thứ 35 vậy ».

Xét lạc-khoản bài « Bản-sur Hải-ngoại Kỳ-sự-tự của Nguyễn-phúc-Châu, đề giáp-tý bổ-nguyệt (tức tháng 5 thứ 35 niên-hiệu Khương-hy) mà trong bài tự có nói rằng : « Chép một vài điều, góp lại thành tập, nhan đề « Hải-ngoại Kỳ-sự », ngày trở về nước đưa cho tôi xem và khiến đề tựa ». Xem đó, đủ biết bài ấy do Đại-Sán yêu-cầu Minh-vương viết lúc sắp sửa từ giả Quảng-Nam về Quảng-đông. Thử nữa, bài tựa họ Cừu đề Khương-hy Kỳ-mão mạnh-xuân, bài tựa họ Mao đề Khương-hy kỳ-mão tháng 8, bài tựa họ Từ không đề rõ ngày tháng, nhưng trong bài bảo rằng : « khoảng

mùa xuân năm giáp-tý (Khương-hy năm 23) từng gặp thấy Thạch-công hòa-Thượng (tức Đại-Sán). 15 năm sau trở lại Châu-giang, lại gặp Thạch Hòa-thượng từ Cổ An-nam về nước và được thầy thảo-bản tập Hải-ngoại Kỳ-sự và các tập thơ». Thê thì bài tựa ấy làm ra cũng có lẽ vào năm Khương-hy kỷ-mão. Xem các dẫn văn trên, năm san hành sách Hải-ngoại Kỳ-sự có lẽ vào khoảng Khương-hy kỷ-mão năm thứ 38 (1099) nghĩa là 3 năm sau ngày Đại-Sán từ Quảng-nam trở về Quảng-đông.

Sách ấy ghi chép khởi đầu từ tháng 8 năm giáp-tuất Khương-hy 33 (1694), lúc Đại-Sán tiếp kiến Sứ-giã Đại-Việt tại am Trường-thọ Quảng-đông, cho đến khoảng tháng 11 năm Ất-hợi Khương-hy 34 (1695), lúc Ông trở lại Thuận-hóa, vì ngược gió chưa trở về Quảng-đông được, thì chấm dứt.

Xét tổng quát những ghi chép trong sách, chẳng những đòi hỏi việc Đại-Sán được quan dân Quảng-nam nhiệt-liệt hoan nghênh, những lời nói thù ứng trong lúc ông cùng Nguyễn-Vương trò chuyện và việc ông chủ-trì các ngày Pháp-hội, đều có tự thuật rõ ràng, cho đến những trạng-huống các thương thuyền vượt biển qua Nam, các phong-thổ, nhân-vật, tập-tục, chế-độ xứ Quảng-nam và tình-trạng sinh-hoạt Hoa-Kiểu đương thời, cũng đều thuật lại một cách rất tỷ-mỷ. Ngoài ra còn thêm góp ghi chép các bài thơ điều vãn, các bài luật-thơ hay tuyệt-cú do Đại-Sán trong lúc lưu cư đất Việt, tùy thời tức cảnh, cao hứng ngâm đề, cộng tất cả 110 bài (trong số có 3 bài làm sau khi trở về Quảng-đông, đầu thu năm Bính-tý) và những bài thiên-luận, những thư từ qua lại với các yêu nhor trong Nguyễn-phủ, tất cả cộng 21 bài văn. Duy chỉ tình-trạng sinh-hoạt của Đại-Sán trong lúc áp-đông (2) tại chùa Thiên-mụ Thuận-hóa, từ tháng 11 năm Ất-Hợi đến tháng 6 năm sau, Bính-tuất (Khương-hy năm 35), và tình hình vượt biển trở về Quảng-đông thì không thấy chép đến.

Những « An-Nam du ký » của người Trung-Quốc trong khoảng cuối nhà Minh đầu nhà Thanh, thực ra thừa thớt không có bao nhiêu. Trừ tập « Hoa-di-biên-thái » (3) của Naật-bản, ghi chép những báo cáo của bọn thương khách thông thương với Quảng-Nam, chỉ có tập « An-nam cung-dịch ký-sự » (4) của Chu-Thuần-Thủy (Chi-dự), « An-nam Kỳ-du » (5) của Phan-đình-Khuê, « An-nam tạp-ký » (6) của Lý-Tiên-Căn và « Hải-ngoại Kỳ-sự » của Thích Đại-Sán, mấy bộ ấy mà thôi.

Tựu trung, xét về phạm-vi Kỹ-thuật rộng-rãi, nội-dung đầy đủ và tánh cách khá tin cậy, thì bộ Hải-ngoại Kỳ-sự hơn xa các sách khác; do cao độ của giá-trị sử-liệu, khiến người ta có thể nhìn thấy một tia sáng về xã-hội Hoa-Kiểu và dân Thổ-trước Quảng-nam cuối thế kỷ thứ 17, đồng thời sách ấy cũng có thể bổ khuyết cho các bộ sử Đại-nam Thực-lục Tiển-biên, Đại-nam Liệt-truyện Tiển-biên và các sách Quảng-nam du-ký hay Văn-kiên-lục của người Âu khoảng thế kỷ thứ 17-18 như C.BORRI, BÉNIGNE VACHET, W.DAMPIER, THOMAS BOWYEAR, PIERRE POIVRE, JEAN KOFFLER, ROBERT KIRSOP.

Nay cứ theo bản của Đông-dương Văn-khố, chúng tôi chụp hình toàn bộ sáu quyển Hải-ngoại Kỳ-sự và giải thích sơ lược lai lịch của Thích Đại-Sán và đầu đuôi chuyện lữ hành qua Quảng-nam của ông, để giúp các học giả đồng-chí tham khảo.

CHÚ THÍCH :

- 1) Bản ấy hiện tồn trữ tại kho sách Trung-ương đồ-thư-quán thôn Bắc-câu, làng Vụ-phong, huyện Đài-Trung, Đài-Loan. Tồn-Đài-Văn-vật Thanh-sách của Quốc-Lập Trung-ương đồ-thư-quán sách thứ 5 (nguyên chữ 5, trước đề thùng 95) chép rằng : « Hải ngoại Kỳ-sự 6 quyển, 2 tập, do Thích Đại-Sán soạn, nguyên san bản khoảng Khương-hy đời nhà Thanh).
- 2) Hải-ngoại Kỳ-sự (quyển 4-18b.) chép rằng : « áp-đông là danh-từ chỉ sự đình lưu qua năm sau tại nước khác của các tàu biển ». Trịnh-hoài-Đức Gia-định Thông-chí (Son-xuyên-chí) cũng chép rằng: Các tàu Trung-Quốc phải đợi đến mùa Xuân có gió đông bắc, gió xuôi, mới đi qua và phải đợi đến mùa hạ có gió nam mới trở về được. Nếu trễ qua mùa thu trở gió, phải đậu lại từ mùa thu suốt đến mùa đông, gọi là « Lư-dông » cũng gọi là « áp đông ».
- 3) Thuộc về biên soạn và nội dung của sách Hoa-Di-Biên-Thái xin xem bài « Thanh sơ-thương-thuyền chi Trường-kỳ mậu dịch dữ Nhật-Nam thuyền vận » của bút-giả, đăng trong Nam-dương-học-báo, quyển thứ 13, tập 1.
- 4) Đạo-diệp Quân-Son biên tập, Chu-thuần-Thủy toàn-tập, Đông-kinh Văn-hội-đường thư-Điêm, Minh-trị năm thứ 45 xuất bản, trang 541-565.
- 5) Mã-tuần-Lương long-Uy bí-thư (San hành năm Càn-long thứ 59) tập thứ 7 và thu vào trong quyển thứ 10 bộ Dư-địa-Tùng-sao của Vương-Tích-Kỳ, Tiểu-Phương-Hổ-Trai, đời nhà Thanh.
- 6) Tiểu-Phương-Hổ-Trai Dư-địa Tùng-sao, quyển thứ 10, và Học-hải-loại-biên do Tào-Dung và Đào-Việt biên soạn, tập thứ 8, Du-Lâm có thâu chép.

II. TIÊU-SỬ CỦA THÍCH-ĐẠI-SÁN

THUỘC về danh hiệu của Thích Đại-Sán, Đại-Nam Liệt-truyện Tiên-biên (quyển 6) chép rằng: Thạch-Liêm Hòa-Thượng (石濂和尚) hiệu Đại-Sán Hán-ông (大汕 厂翁) người tỉnh Chiết-giang, nhà Thanh. Xét chữ tên Thạch-Liêm. Sách-Hoa-Di-Biên-Thái chép làm Thạch-Liên, (石蓮) ngoài biệt hiệu Đại-Sán và Hán-ông, tục thường lại gọi « Thạch đầu-đà » (石頭陀). Còn thuộc về quê-quán, bài tựa của Tăng-Sán trong Ly-Lục-Đường-tập, tự tập của Đại-Sán, chép rằng: « Hòa-thượng người Cửu-giang đồng làng với tôi », cũng trong tập ấy bài tựa của Đào-Huyền chép rằng : « tôi nghe nói Hòa-Thượng nguyên-quán ở Giang-hữu và đền Quảng-châu thuyết-pháp v.v... » Ngoài ra, hoặc bảo ông người Lãn-nam, hoặc bảo người Ngô, hoặc bảo Giang-Nam hoặc bảo Trì-Châu, hoặc bảo Tô-châu, hoặc bảo Nam-kinh, các thuyết, phân vân chưa biết thuyết nào đúng. Cứ theo thiên-kiến của tôi, trong các thuyết ấy, nên lấy thuyết Chiết-Tây có thể đúng hơn. Xét hai bài tựa của họ Tăng, họ Đào bảo Cửu-Giang, bảo Giang-hữu thì cũng đều thuộc Giang-tây, hình như đều là chữ « Chiết-Tây » nói nhầm. Vả lại, Đại-Sán năm về già bị bắt giải về nguyên-quán, giữa đường mất tại Thương-sơn thuộc Tây-nam tỉnh Chiết-giang (tường thuật ở đoạn sau). Chiết-tây tức Chiết-tây-lộ đời nhà Tống, lấy Hàng-huyện làm lý-sở, tức một giải Hàng-Gia-hồ ngày nay, nơi ấy cũng tiếp liền với Tô-Châu (tức Ngô), có lẽ vì thế mà bảo nhầm là Giang-nam.

Thứ nữa, thuộc về tài cán của Đại-Sán, Đại-nam Liệt-Truyện-Tiên-biên chép tiếp rằng: «Bác nhả khôi ngô, phàm các môn tinh tượng, luật-lịch, diễn-xạ, lý-sở, triện-lệ (viết chữ), đơn thanh (về), môn nào cũng

thông hiểu, càng sở trường về thơ ». Câu này k ông phải do sử-gia Việt-nam tự ý viết ra, thực ra đã rút câu văn « Trượng-nhơn là bậc bác-nhã khôi kỳ, càng sở trường về thơ, cho đến các loại tinh tượng, lịch-luật, diễn-xạ, lý-sở triện-lệ đơn thanh, môn nào cũng siêu việt », trong bài tựa của Mao-tê-Khả để Ly-lục-Dường-tập. Đại-nam Liệt-truyện tiếp theo đoạn văn dẫn trên, chép rằng:

« Cuối đời nhà Minh, người Mãn-Thanh làm chủ Trung-Quốc, Thạch-Liêm giữ nghĩa chẳng chịu làm tôi, bèn từ giả mẹ già, xuất gia đầu Phật chồng gây vân du, phàm những nơi danh thắng sơn-xuyên, dầu chân hầu khắp ».

Mao-doan-Sĩ để tựa Hải-ngoại Kỳ-sự cũng viết rằng: « Hán-ông Hòa-Thượng sinh ra đã kỳ dị, từ trẻ theo đạo Phật, rộng xem các kinh-luận ngũ-minh và âm-dương toán-số, thấu rõ cát hung, thường châu-du thiên-hạ, tiếng tăm dậy khắp trong ngoài ».

Và sách Hoa-di biên-Thái (trong quyển 32) chép lời báo cáo của người Tàu, chủ thuyền Quảng-đông, chuyến 36, năm Hợi (1695), rằng :

« Nói tóm tắt, Thạch-Liêm tuy sinh quán tại Nam-kinh, nhưng cư trú Quảng-đông hơn 20 năm, trong khoảng ấy đức hạnh của ông rất thịnh sáng, bởi thế quan dân xa gần quy y rất đông. Trong bọn thương khách thuyền chúng tôi cũng có người đã từng đến Trường-thọ-Am lạy Phật ».

Mặt khác, đầu quyển Ly-lục-đường-tập, do Đại-Sán biên tập, có phụ đính 34 bức tranh vẽ, miêu tả sự sinh-hoạt hàng ngày của Đại-Sán, từng bức phân biệt, có đề văn của Khuất-đại-quân (Ông-sơn), Tăng-Xán (Thanh-lê), Lương-bội-Lan (Được-đỉnh), Vương-thê-Trinh, Từ-phạm, Ngô-Ỡ (Viên-thứ), Ngô-thọ-Tiêm và Cao-Tăng-Vân; lại có bọn Khuất-Đại-Quân Tăng-xán, Lương-Bội-Lan, Ngô-Ỡ, Vương-Bối, (Ích-trọng), Hùng-nhất-Tiêu, Trương-Tổng, Cao-tăng-Vân, Đường-Hóa-Bằng, Châu-tại-Tuần, Phàn-trạch-Đạt, Ngô-thọ-Tiêm, Đào-Huyền, Lý-phương-Quảng, Mao-tê-Khả, Hoàng-hạc-Nham để tựa, thực có vẻ đẹp đối dào (1) và trong tập chỗ nào cũng thấy những thơ văn đề vịnh hoặc tổng tặng nhau của Đại-Sán cùng với Khuất-ông-Sơn, Ngô-viên-Thứ, Tăng-thanh-Lê, Lương-được-Đỉnh, Ngô-mai-Thôn, Từ-tùng-Chi, và Trần-kỳ-Niên (Duy-tùng),

bọn văn nhân nổi tiếng triều Khương-hy. (2) Gần đây Lý-Tuần-Chi biên tập Hoạ-Gia thi-sử đời nhà Thanh (nhâm hạ 6 b), ở mục Đại-Sán cũng chép rằng :

« Đại-Sán tự Hán-ông, người Lãn-Nam, tu ở chùa Kim-Lăng, có tài vẽ chân dung rất khéo. Khương-hy năm Mậu-ngọ (1678)) vẽ cho Trần-Già-Lăng một bức đồ hình, có đề lời, mặt đẹp rau dài, tinh thần hoạt bát, thời ấy hầu khắp mặt danh nhơn trong nước đều có đề vịnh. Có biên soạn Lục-(Sic) Ly-đường-tập ».

Và người Mỹ A.W. Hummel biên tập « Thanh-đại-danh-nhơn-Liệt-truyện » ở mục Ngô-Ỡ cũng có nói đến sự tích Đại-Sán. Mục ấy chép rằng: (3). « Những tập sách của Ngô-Ỡ được xuất bản đều nhờ ở sự khuyến-khích của bao nhiêu bạn tốt lúc sinh tiền, thứ nhất là nhờ ở sự giúp-đỡ rất đặc lực của một nhà sư giàu có tên Đại-Sán (1633-1702). Nhà sư này nhờ sự cung-dưỡng của Thượng-Chi-Tín (con Bình-nam-Vương, Thượng-Khả-Hỷ) và của bọn quan viên quản-lý việc mua bán ở nước An-nam phồn-thịnh, mà trở nên giàu có. Y dùng những của cải súc tích ấy viện-trợ cho các văn nhơn địa-phương. Nên nói thêm rằng bọn văn nhơn này, do những tác-phẩm của họ, làm cho việc tốt lành của kẻ viện-trợ được đồn tiếng khắp nước ».

Xem tổng-quát các bài Kỳ-sự và các sự thực nêu ra trên đây, chúng ta có thể tưởng thấy: khoảng giữa Triều-đại Khương-hy, ở xã-hội Lãn-nam và trong thơ-đàn có một vị Thiền-sư tiếng tăm lừng lẫy, y cùng với bọn Khuật-Ông-Son, Ngô-viên-Thứ, Tăng-Thanh-Lê, Lương-dược-Đình, Ngô-Mai-Thôn, Từ-Tùng-Chi, Trần-kỳ-Niên, giao tình rất khăng khít. Những người đến tham thiền tại am Trường-thọ do y chủ-trì, chắc đông đúc lắm, và trong ấy cũng có nhiều thương khách, bọn thông thương với các nước Nhật-bản, Quảng-nam. Nhưng đọc kỹ Hải-ngoại Kỳ-sự và Ly-lục-đường-thơ-tập, chúng ta nhận thấy rõ vị Hòa-Thượng này tự phụ chẳng tầm thường, đặc ý tỏ ra ngoài mặt, quyết chẳng phải một nhà tu hành khiêm-tôn; đối với sự ương gàn tự thị, đua nịnh quan trường, ngôn luận quá buông lung, và sinh hoạt đời tư quá xa xỉ của Thạch-Liêm-Hòa-Thượng, trong bọn nhơn-sĩ trí-thức lúc bấy giờ, có kẻ đề lời khiển trách, đến đòi xem y như yêu tăng, đứng lên đá kích chẳng thiếu chi người. Nay lược cứ ra vài điều sau đây, để giúp độc giả hiểu rõ đời sống lạ lùng của Đại-Sán.

Vương-sĩ-Trinh, Ngự-đương Sơn-nhơn, làm bộ sách Phân-cam dư-thoại (qu.4), từng công kích gắt-gao việc làm và nhân cách của Đại-Sán. Bài ấy viết rằng:(4) « Quảng-châu có yêu-tăng tên Đại-Sán, tên chữ Thạch-Liêm, tự xưng người Giang-nam, hoặc bảo người Tri-châu, hoặc bảo người Tô-châu, quê quán chẳng biết nơi nào đích xác. Xuất thân rất bản tiện, có kẻ bảo y từng làm tùy-phái các phủ huyện, tính sâu độc, vẽ khéo, xây cắt nhà cửa rất có xảo tử. Cạo đầu làm sãi, tự xưng Giác-lăng Đại-sư (5). Mang y bát, dẫn môn-đồ, du phương Lãn-nam, cư trú ở phía tây thành, chùa Trường-thọ; hằng ngày hầu chục các nhà đương-sự có thể lực, thường vẽ đồ hình tồ-nữ, diêm kiều chơi bí-mật, để đua mỵ các quý-nhơn; càng được thân cận, chừng ấy không còn kiêng sợ chi nữa; những quan lại tỉnh Việt-đông, lọt vào vòng mưu mô xúc sử của y, mười người hết chín. Năm giáp-tý, (Bút-giã chú-thích: Khương-hy năm thứ 23, tức năm 1684) ta vâng sứ mạng đến tỉnh Việt, nghe chuyện, trong lòng rất ghét, sau nghe y buồn lậu qua An-nam, chờ về hàng thuyền báu vật, như sừng tê, ngà voi, châu ngọc, san-hô v.v... trị giá hàng vạn, mà các quan địa-phương chẳng ai làm khó dễ gì ».

Nay xét Vương-sĩ-Trinh là người đồng thời với Đại-Sán, thời kỳ biên soạn bộ Phân-cam-Dư-thoại là tháng chạp năm kỷ-sửu triều Khương-hy (48), tức đầu năm Công-nguyên 1710, vài năm sau khi Đại-Sán tạ thế; những ghi chép trong ấy được xem như đại-biểu ý-kiến của người đương thời, tất nhiên có thể tin cậy được. Cuối đời nhà Thanh, Mậu-Thuyền-Tôn có soạn một bài « Thạch-Liêm-Hòa-thượng sư-lược », ghi chép nhiều việc có thể bổ sung cho thiếu sót của « Phân-cam-dư-thoại ». Sự xuất thân quý quyết của Đại-Sán, thời-gian y trú-trì Trường-Thọ-am như thế nào, sự thực y cầu kết với các yêu-nhơn Quảng-châu và bọn Khuất-đại-Quân ra làm sao, đều do bài ấy làm cho sáng tỏ. Bài văn của họ Mậu chép rằng:(6) « Sư Đại-Sán tự Thạch-Liêm, người Ngô-quận, từ bé đã tinh ranh, vẽ hình sĩ nữ rất khéo, làm thơ có câu hay; chẳng biết vì có gì xuất-gia, tông-tích rất bí-mật quý-quyết; chẳng hề thọ giới với thầy nào, nhưng nhờ Khuất-Ông-Son chứng-nhận, mạo-xưng đích-tự-nội-dòng-sư Giác-Lăng. Nay xét sư Giác-Lăng mở Thiền-đường vào cuối đời Vạn-lich, thời ấy Thạch-Liêm còn chưa sinh, ngài viên-tịch vào năm mậu-tý đời Thuận-trị, (Bút giã chú-thích: Thuận-trị năm thứ 5, tức năm 1648) Thạch-Liêm mới 16 tuổi, chẳng hề được tiếp kiến hay được chúc-phổ điều chi bao giờ. Lúc đầu mới

vào Quảng-châu y bán họa-tượng Quan-âm, chỉ xưng là thầy giảng mà thôi, sau nhờ nịnh hót Kim-Quang-Huyền, mặc-khách của Bình-nam-Vương, nhờ Huyền giới thiệu được vào yết kiến Bình-nam-Vương và Yêm-đạt-Công (7). Nguyên chùa Trường-thọ ở Quảng-châu và chùa Phi-Lai ở Thanh-Viễn, hai chùa đều do Thực-hành Hòa-Thượng làm chủ-trì. Sau khi Thực-hành tịch, Quang-Huyền nói với Yêm-đạt cho Thạch-Liêm chủ-trì Trường-thọ-Am; Trường-Thọ không có sản-nghiệp, chùa Phi-Lai có ruộng cho thuê mỗi năm được hơn 70 thạch lúa; Thạch-Liêm xin với các nhà đương-sự lấy chùa Phi-Lai làm Hạ-viện, rồi đuổi hết đồ-đệ của Thực-hành Hòa-Thượng để nuốt hết số lúa của ruộng chùa, việc ấy có nhờ Ông-Sơn giúp sức. Từ ấy Thạch-Liêm ngày càng giàu có, y vốn người có nhiều xảo tứ, thường lấy gỗ lế, gỗ đàn, đồng thau, đá hoa, chế làm các đồ dùng như bàn, ghế, bình-phong, tủ bàn, bát đĩa v.v.... để biếu các nhà đương-sự và các bậc sĩ đại-phu, rất được mọi người tán thưởng. Bức họa đồ có đề từ cửa Trần-già-Lăng, chính do tay Thạch-Liêm vẽ, rực rỡ như hình sống; có kẻ bảo y có vẽ một tập hình tồ-nữ với kiểu chơi bí-mật rất khéo, để đua mỵ các quý-nhơn, việc đó chưa biết chừng cũng có. Ngô-Viên-Thứ (ỹ) ra chơi Quảng-châu, Thạch-Liêm than phiền với Ngô về việc thù ứng rộn ràng, khó nhọc không chịu nổi. Ngô cười bảo rằng: « Người chịu không nổi, sao chẳng xuất gia cho rồi »? Người ta truyền tụng câu nói ấy để cười chơi ».

Cứ theo Quảng-đông-Thông-chí (San lại năm Đồng-trị thứ 3, bản khắc họ Nguyễn, quyển 229) chép rằng: Trường Thọ-Am tọa lạc cách phía Tây-nam thành Quảng-đông 5 dặm, nền cũ của Thuận-Mẫu-Kiểu; đời Vạn-Lịch nhà Minh năm thứ 34 (1.606), Tuấn-vũ Ngự-sử Trầm-chánh-Long xây cất Từ-độ-Các và Diệu-chánh-Đường, hai cánh thiền phòng đất rộng chừng tám mẫu, Huyện-Lịnh Lưu-đình-Nguyên lấy ruộng chùa Bạch-Vân (chùa bỏ hoang) 43 mẫu thêm vào để cung phụng hương-hỏa, có bài bi (bia)-ký của quan Ngự-sử. Nhưng đến cuối đời nhà Minh am ấy cũng chưa nổi tiếng, từ ngày Đại-Sán kê vị Thực-Hành Hòa-Thượng, am ấy mới ngày càng hưng thịnh, trở nên một nơi danh thắng tỉnh Quảng-châu. Vương-sĩ-Trình Quảng-Châu du-lãm-tiểu-chí (Chiêu-đại-tùng-thư ất-tập, quyển 22), mục Trường-thọ-Am chép rằng :

« Trường-thọ-Am ở ngoài thành, phía tây, sáng lập khoảng triều Vạn-Lịch, sư Đại-Sán sửa mới lại. Đại-Sán hay thơ khéo vẽ, kiến trúc có xảo

từ. Mé phía tây chùa có ao chảy thông với Châu-giang, nước khi đầy khi cạn ăn dấp với nước lên nước ròng ở sông; phía Bắc ao là đình Bán-phàm (半帆), quanh co theo hành-lang đi qua phía đông là Hội-không-Hiền (繪空軒), trước hiên trăm hoa tươi tốt, cảnh trí đáng yêu; từ đình bán-phàm và ao đi qua phía nam, thẳng bờ đều trồng lệ-chi (cây vải) long-nhãn, phía Nam ao là Hoài-cổ-Lâu (懷古樓), nguy nga rộng rãi; phía dưới là Ly-Lục-Đường (離六堂), cây nước trong xanh, phòng hiên u-tịch, như kiểu nhà ở vùng Ngô-Việt. Chùa có Tượng Thích-Ca niêm-hoa, quang thếp vàng ngọc mã-nã xa-cừ, nghiêm-trang rực-rỡ, lại có tượng đồng, nghe nói đúc từ đời Đường ».

Mậu-Thuyền -Tôn trong bài (Thạch-Liêm Hòa-Thượng sự-lược), cũng có thuật qua cách bố trí của Trường-Thọ-Am như sau :

« Trước cửa am có hai tượng Thiên-vương do tay Thạch-Liêm vẽ, tinh-thần linh động phi thường; Thiên qua phía đông am có ao chảy thông với sông Châu-giang, nước sông quanh co chảy qua trước điện rồi dội vào ao, có một hòn non bộ xây toàn đá Anh (đá non-bộ sản xuất tại huyện Anh-đức, tỉnh Quảng-đông), lập vườn trồng cây, có nhà nghỉ mát, phía bắc ao có Bán-phàm-Thất, phía bắc Hội-không-Hiền, phía Nam Hoài-Cổ-Lâu, phía dưới Ly-lục-Đường, đều làm hồi-lang nối thông với nhau v.v... »

Do đó chúng ta có thể tưởng thấy Trường-thọ-Am thanh u đẹp đẽ như thế nào.

Trong bài của Mậu-thị có dẫn tiếp hai bài văn kể tội Đại-Sán của Phan-thứ-Canh, bài thứ nhất viết cho Lương-Dược-Đình (Bội-lan), bài thứ hai viết cho Đại-đương-sự tỉnh Việt. Văn ấy như sau :

Thư viết cho Lương-Dược-Đình:

« Thạch-Liêm lòng kiêu khí hoành, chuyên nói láo để dỗi đời; chê bai cự-đức tiên-hiền, chẳng chút kiêng sợ; lại nói láo từng gặp dị-nhơn, thông thiên-văn, hiểu độn-giáp, có tài hô phong hoán vũ, như Văn-thành, Ngũ-Lợi (8) ngày xưa. Kịp đến một lần lên Kinh-sư, một lần qua Giao-chỉ, lại càn lêu-láo quá đỗi, ngang nhiên tự cho là « Duy ngã độc tôn » ! Gần đây tôi có xem tập Hải-ngoại Ký-sự của y viết, một bằng chứng giả-dối, không nói không được. Những bộ sách Nguyên-Lưu-Tự-Chánh (9),

bao nhiêu láo khoét không sách vở, nguy hiểm vô lý, không thể kể xiết. Nay chỉ đơn cử tập Hải-ngoại-Kỷ-sự, chương đầu nói « hầu sắp sửa đi lên phương Bắc, vì có lệnh bề trên tuyên-triệu », ấy là nói láo vậy. Dạy học-trò uống rượu, ấy là phá luật vậy. Truyền phép cho Phiên-Quốc-Vương, ấy là bán phép vậy. Khắc chữ « tỉnh dữ thiên đạo » vào đồ-chương (ân), tự coi mình như Không-tử, ấy là tiếm thánh vậy. Ngự-chê bài tự khen ngợi Ngũ-đăng Hội-nguyên (五登會元) mà y lại bắt bề phê bai không tiếc lời, ấy là kháng chỉ (chống ý vua) vậy. « Hủy bản in, nghiêm cấm » là lệnh phán xử nhất thời của đương-sự tỉnh Chiết-Giang, thế mà y bảo « phụng chỉ nghiêm cấm » ấy là kiêu chỉ (mạo xưng chỉ-dụ của nhà vua) vậy. Bộ sách Ngũ-Đăng toàn-thư đã được dâng lên Ngự-Lãm và đượ Ngự-chê cho bài tự văn, thế mà y dám nặng lời chê bai, ấy là sán-thượng (chê vua) vậy. Tước Động-Tông (Dòng Tào-Động) bọn Đôn-hà-Thuần (bút giả chú: tức Đôn-hà-tử-Thuần) 5 đời, ấy là san tước tở-tông vậy. Đồi Vân-cư-Ung (bút giả chú: tức Vân-cư Đạo-Ung) làm Cửu-phong-Mãn, Đông-an Phi làm Đông-an-Uy, ấy là thay đổi tở-tông vậy. Vồn xưng đời thứ 34, Tào-đông lại xưng đời thứ 29, ấy là trái loạn thế-thứ vậy. Bấy nhiêu việc trên ấy có hại cho thế-giáo và làm trở ngại Pháp-môn rất lớn ».

Và Thư viết cho Đại-đương-sự tỉnh Việt:

« Thạch-Liêm cuồng quây quá đổi! Kết tu hành, trọng nhất là giới luật, thì y uống rượu ăn thịt, điểm-nhiên chẳng biết xấu hổ; ưa nhất là chất phác nậu-sòng, thì y quá đổi xa xỉ, tự phụng sang như vương-hầu; chuộng nhất là tính nhu-hòa, thì y kiêu ngạo ba hoa, xem người nửa mắt; giữ gìn nhất là đức chân thành, thì y bịp-bợm dối đời, chẳng bao giờ có một lời nói thực; quý nhất là lòng từ bi, thì y lập tâm hiểm-ác, lầy việc hại người làm sớ trường. Sự tội-phạm-pháp của Thạch-Liêm là tư-thông ngoại-quốc, lệnh cấm xuất-dương tuy đã bãi bỏ, nhưng mua bán là việc của nhà buôn, nay Thạch-Liêm là kẻ tu-hành, dám tư-thông ngoại-dương, đem hóa vật can cấm bán cho Giao-châu để cầu lợi; ai nghe nói cũng lắc đầu, thế lưới, ấy là việc y theo 6 chữ vàng: « Vương phủ dụng, Trường-thọ định », (đồ dùng vương-phủ do Trường-thọ định) ở đầu múi những cây hàng lụa. Xét lúc An-nam Mạc-thị mới quy thuận, chỉ phong Đô-thông-Sứ, nay Nguyễn-Phúc-Châu chưa xin phong, chưa chịu sắc mạng Triều-đình, sao được xưng « Vương-phủ », nghiêm-nhiên ngang hàng với các thân-vương Trung-quốc? Lại nữa, Quốc-luật cấm mua bán người, thế mà y dám mua con gái nhà lành làm

con hát, rồi lần lượt đem bán lại ! Thiết tưởng những kẻ có trách-nhiệm phong-cương dân xã, nên thâu hết các sách xuất bản của y đem đốt hết; nghiêm cấm y tư-thông ngoại-dương, tư giầy các sở quan-tân, từ nay về sau cấm các sãi chùa Trường-thọ không cho một người nào xuất dương, và hóa vật chùa Trường-thọ không cho một thùng nào ra khỏi cửa biển, ngõ hầu chấn-chỉnh phép nước, khỏi di hại cho địa-phương »

Trên đây liệt cử các sự tích đê hèn của Đại-sán, phải c hững đúng chân-tướng đương thời, điều đó không thể xét rõ. Ví-sử các việc ấy đều đúng sự thực, thì sự kết án tội lỗi của y cũng tùy theo sở kiến của từng người; sự nói phải, vãi nói chẳng, ý kiến chẳng giống nhau hết thảy. Chẳng qua trong các hành-động của Đại-sán, cũng có chỗ hơi vượt ra ngoài lẽ lẽ, ấy là sự thực không thể chối cãi được. Ví-dụ như Hải-ngại Kỷ-sự (KI 32 a) chép rằng: « Trong nước (Quảng-nam) các Tả, Hữu, Thừa-Trường, bốn Đại-đồn-Dinh và Quốc-nguyên-Lão Đông-triều-hầu, Học-sĩ Hào-đức-Hầu, Vương-Huynh Lệ-tuyển-hầu, Thiệu-dương-hầu, các vị Đại-lão ấy thường cùng ta tiếp kiến, nghe ta ở Trung-hoa thường có rao bán gió sâm, cầu mưa, muông tau với Quốc-vương xin ta cầu một đàn » v.v... Và ở quyền đầu Ly-Lục-Đường-Tập có phụ chép một bản đồ bán mưa (Mãi-vũ-đồ), trong đó vẽ 5 người học-trò đứng quay quần trước cửa « Trường-thọ Thiên-lâm » xem một tờ yết-thị viết mấy chữ: « Thạch-đầu-đà hữu ta phong vũ xuất mại » (Ông-Sãi họ Thạch có chút ít mưa gió đem bán). Các việc ấy có thể chứng thực câu văn. « Lại nói lão từng gặp Di-nhân, tinh Thiên-văn, hiểu độn-giáp, có thể hô phong hoán vũ, như bọn Văn-thành Ngũ-lợi ngày xưa », trong bức thư của Phan-Thứ-Canh dẫn ra trên đây. Nay xét hai phong thư của Phan-thứ-Canh, tội trạng rất lớn của Đại-Sán và cũng là nguyên-nhơn chính yếu làm cho y phải hồng chân, chẳng ngoài việc du-hành Quảng-nam của y. Bình tâm mà luận, Truyền-pháp cho Phiên-Quốc-Vương, thì có gì là tội lỗi, vãi lại đứng về quan niệm truyền-thống của văn-hóa Trung-Quốc mà nói, thì « Viễn-bá Thánh-giáo », còn đáng được khuyến-khích là khác, nhưng đây lại diễn thành việc phạm tội « Mại-Pháp ». Cứ theo thiện-kiến, ấy chẳng qua vì có Đại-Sán nịnh Nguyễn-phúc-Châu, kẻ chưa chịu sắc mạng Triều-dinh mà xưng Vương, và đã là kẻ tu-hành còn theo việc buôn bán phi-pháp v.v...

Trong Ly-Lục-Đường-Tập, bài tựa của Cao-Tằng-Vân viết rằng: « Thạch-Hòa-Thượng là thiên giới pháp tự, noi theo Tào-động chánh truyền ». Cũng trong tập ấy, bài tựa của Đường-hóa-Bằng (Bản-đam) viết rằng: « Hòa-thượng là đời thứ 29 dòng Tào-Động, con của Trọng-nhơn, cháu của Thọ-Xương ». Và Nguyễn-phúc-Châu, cuối bài « Bản-sur Hải-ngoại Kỳ-sự-tự » để lạc khoản như sau « Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-phúc-Châu, thọ Bồ-tát-giới đệ-tứ, pháp danh Hưng-Long, đảnh lễ. San tại Tây-cung Giác-Vương nội-Viện, Tinh-danh Phương-Trượng và có đóng 3 con dấu: « Tào-Động chính-Tông Tam-thập-thê », « Nguyễn-phúc-Châu ân » và Thiên-túng đạo Nhơn ». Việc ấy có thể chứng-thực hai sử-sự mới sau đây: Việc thứ nhất, Khương-hỷ năm thứ 34 (1695), lúc Đại-Sán đến nước Việt đã xưng thê thứ 29 dòng Tào-động, đến sau khi truyền Bồ-tát-giới cho Nguyễn-phúc-Châu ở Quảng-nam lập ông làm pháp-tự, đặt cho danh hiệu là « Tào-động chánh-tông đời thứ 30 » và đạo hiệu Thiên-túng Đạo-nhơn. Việc thứ hai, cứ theo Đại-nam Thực-lục Tiển-biên (qu. 8 và 9-10) ghi chép, họ Nguyễn ở Quảng-nam lúc đầu xưng Trần-thủ, đến Khương-hy năm thứ 31 (1692) tức Nguyễn-thị đệ-lục-đại Phúc-Châu kê lập, năm thứ hai, mới xưng « Quốc-chúa », kể đến tháng chạp năm kỷ-sửu thứ 18 (1705) mới bắt đầu đúc Quốc-tỷ, khắc chữ « Đại-Việt-Quốc Nguyễn-Vương Vinh-trần-chi-bửu », lại đến Càn-Long năm thứ 9, (1744) đệ-bát-đại Phúc-Khoát (tức Võ-Vương 1738-65) ở Phú-Xuân (tức Thuận-Hóa) mới chính thức tức Vương vị, đúc Vương-tỷ, đổi « Phủ » xưng làm « Điện », các công văn còn noi dùng Quốc-hiệu và niên-hiệu Lê-Triều. Nay xem bài « Bản-sur Hải-ngoại kỳ-sự-tự », biết rằng Phúc-Châu đã xưng Đại-Việt Quốc-Vương sớm từ năm Bính-tý (1695), trên sự thực trước ngày xưng vương của Phúc-Khoát đến 48 năm. Việc đáng chú ý hơn hết, là Đại-Sán đổi đổi Phúc-Châu, xưng hô bằng Quốc-Vương chẳng chút kiêng kỵ, thậm-chỉ trên bài « Khãi » còn tôn xưng lên làm « Đại-Vương » là khác nữa.

Xét các bài dẫn ra trên đây, Đại-Sán tự xưng đích tự của Giác-Lãng Thiên-sur, đã là một việc rất khả nghi, y xưng Pháp tự thứ 29 dòng Tào-động, lại bị bài xích làm hỗn loạn thê thứ, nay y lại đem pháp thông truyền cấp cho Phiên-Quốc-Vương, thì sự làm sôi nổi sóng gió giới Phật-giáo Trung-Hoa là lẽ tất nhiên vậy. Đại-Sán xưng Nguyễn-phúc-Châu làm Đại-Việt-Quốc-Vương, ví-sử y có ý a dua, cũng chẳng quathừa nhận địa vị thực tề của ông ấy mà thôi, nhưng đối với luật nhà Thanh và đối với đại nghĩa

danh phận của phái đạo-học, thì cũng như y đã thông đồng với ngoại-quốc, trao đổi riêng danh hiệu với nhau, hình thành một hành động vi-pháp, một tội danh không thể giảm khinh vậy.

Đền như Đại-Sán làm việc buôn lậu, thì sự hiểm-nghi lại càng đậm đà tăng thêm. Cứ theo Hải-ngọại Kỳ-sự kỹ-thuật lúc Đại-Sán khởi hành từ Quảng-đông: « Tăng chúng đi theo hơn 50 người, hành lý cũng nhiều, thuyền chủ nhìn nhau chẳng biết sắp đặt cách nào, phải đem khách hàng chuyển lui Dương-thành (Quảng-đông), còn phải chia một nửa tăng-chúng, hành-lý cho tháp tông 2 thuyền đi sau ». Đoạn văn ấy có thể chứng thực số lượng hàng hóa Đại-Sán đưa qua Quảng-nam vì mục đích tặng biếu hay buôn bán, quá nhiều một cách lạ lùng; Phan-thứ-Canh chỉ trích những « cây đoạn thêu chữ vàng », là một món trong số hàng hóa ấy. Người ta lại có thể suy tưởng những khí cụ dùng trong các Phật-hội do Đại-Sán chủ-trì tại Quảng-nam, nhất thiết đều do Đại-Sán cung cấp cả. Và trong thời gian lưu trú đất Việt, từ Phúc-Châu trở xuống, quan chỉ dân đều cung dường rất thành kính long trọng, từ các món tiền gạo, yền sào, dầu dấm, tương muối, hương đèn, cho đến kỳ-nam-hương, trân-châu, vàng bạc, người ta đem đến tặng biếu ngày nào cũng có; gia dĩ Phúc-Châu hưởng ứng nhân-duyên trùng tu Trường-Thọ-Am của Đại-Sán, khẳng khái xuất ra 5.000 lượng bạc (Ngũ-thiên-Kim) để cúng làm kinh-phí kiến trúc Trường-Thọ-Am đại-diện; lúc Đại-Sán sắp sửa lên đường, Phúc-Châu còn tặng nhiều gỗ quý để giúp vào việc tu trúc am ấy (nói rõ ở đoạn sau). Phân-cam Dư-Thoại cũng chép rằng: (sau nghe nói y buôn lậu qua An-nam, chở về hàng thuyền các loại trân báu như tê-giác, ngà voi, san-hô, châu-ngọc v.v... trị giá hàng vạn mà các quan địa-phương chẳng ai đã-động chi đến). Xem thế dầu Đại-Sán không có mưu toan kinh dinh thương-nghiệp, nhưng kết quả chuyến du-hành Quảng-nam, y thâm hoạch được vàng bạc và trân báu, không phải là ít, khó lòng tránh khỏi sự kinh ngạc của giới nhơn-sĩ Lãn-nam; do đó có những đồn đại buôn lậu với Quảng-nam và gây thành mầm họa cho y sau này.

Thuộc về đầu đuôi việc Đại-Sán bị bắt bị trục xuất và bị giam chết, Phân-cam-Dư-thoại chép rằng :

« Hứa-Trung-thừa Tự-Hưng làm án-sát-sứ (Hiện nay do Hà-nam bồ-chánh-sứ thăng Phúc-kiên tuần-vũ), rất ghét Đại-Sán, bèn ra lệnh bắt trị; xét rõ gian trạng trước sau, đánh đòn đuổi đến Công-Châu. Y đình chú ở Sơn-tự, hưng khởi trở lại, tin đồ quy y rất đông. Giang-hữu Lý-Trung-Thừa Cơ-Hòa lại đuổi đi, áp giải về nguyên-quán, giữa đường, chết ở Thường-sơn ».

Đại-Sán sinh và mất vào năm nào, Hummel chép « Thanh-đại-danh-nhơn-liệt-truyện », vừa dẫn ra trên đây, ghi vào Công-nguyên 1633-1702 (tức Sùng-trinh năm thứ 6 đến Khương-hy năm thứ 41). Nay xét bài của Mậu-thị, năm Thuận-trị mậu-tý (1648) lúc Giác-Lãng Thuyền-sur tạ thế, Thạch-Liêm mới 16 tuổi, thì năm sinh của ông ta chắc chắn là năm 1633, nhưng bút-giả chưa tìm được điển cứ nào có thể chứng tỏ Đại-Sán mất vào năm 1702.

Xét Hứa-tự-Hưng nhiệm Quảng-đông án-sát-sứ vào năm Khương-hy 41 (1702), tại nhiệm 2 năm, năm Khương-hy 43 (1704) thăng Hà-nam bồ-chánh-sứ (10). Còn Lý-Cơ-Hòa do Hồ-bắc Bồ-chánh-sứ thăng Giang-tây Tuần-vũ vào năm Khương-hy 43 (1704) (11). Thẻ thi Đại-Sán bị Hứa Tự-Hưng bắt tra hỏi và đuổi về Công-châu-sơn-tự phải ở vào khoảng năm Khương-hy 41 (1702); y lưu ở lại Công-châu chừng 1 năm, nhưn đó « phục hưng trở lại, tin đồ quy y rất đông », cho nên năm Khương-hy 43 (1704) Lại bị Giang-tây Tuần-vũ Lý-cơ-Hòa đuổi, áp giải về nguyên quán, nửa đường chết ở Thường-Sơn.

Việc Hứa-tự-Hưng xử án Đại-Sán, phải chăng có quan hệ với lời hạch tội của Phan-thứ-Canh, điều đó hiện nay chưa có cách gì đoán định được, nhưng trong ấy có những dính líu quanh co hay hay. Khoảng tháng 8 năm Khương-hy 30, lúc Hứa-tự-Hưng đương nhiệm chức Đồng-tri Mãn-châu vì những lỗi « làm nhục thuộc-viên và hạch-xách đòi ăn hối lộ tiền bạc, ngựa v.v... » bị Tuần-vũ Y-Đỗ dâng sớ tham hạch, phải bị cách chức; qua năm-34, quyền tiến được phục chức, năm 38 được bổ Hồ-Quảng Hạ-Kinh-Nam, đạo, năm 41 đổi đi Quảng-Đông Án-sát-sứ. Kịp đến tháng 12 năm 45, lại nhưn việc thăm án chẳng đúng sự thật, bộ xử phạtgiáng một cấp, đổi đi chỗ khác; sau nhờ tuần-vũ Uông-Hạo dâng sớ xin cho giáng cấp lưu nhiệm, được Triều-đình chuẩn y; tháng 11 năm 48, thăng Tuần-vũ Phúc-kiên.

Do đó mà xem chính-tích của Hứa-tự-Hưng trong lúc làm quan, đâu đã chắc thanh-liêm đúng bậc, thì việc xích trục Đại-Sán, cũng có thể nghi-ngờ là « mọi đen ăn thịt mọi đen » (kể có tật bắt kẻ có tật). Vậy Vương-sĩ-Trình trong bài văn dẫn trên, viết tiếp rằng: « Ta chẳng biết rõ Hứa-Trung-thừa, cứ một việc này, thực khá gọi « Trụ đồng ngăn sóng cả » vậy; nghe nói ông làm quan cũng rất thanh liêm, cứ xem việc này, nếu chẳng phải kẻ « Uống nước ao tham, cũng chẳng thay lòng đổi dạ », thì làm sao được như thế ». Lời nói trên đây, chính là chỉ sự chìm nổi quan-trường của Tự-Hưng mà nói vậy.

CHÚ THÍCH :

- 1) Trong các bài tựa tập này, bài tựa của Lý-Phương-Quảng (Đinh-mão 1687) và của Mao-khả-tề (mậu thìn 1688) đều đề : (Hán-Ông-Yên-Du-thi-tự); còn các bài khác đều đề : (Ly-lục đường-thi-tập-tự) hay là (Hán-Ông thơ-tập-tự), bài tựa của Trương-Tông đề lạc-khoản làm đình-tự (1677) quý hạ, bài của Phan-Sứ-Đạt đề binh-tý (1696) đông thập nguyệt, bài của Ngô-thọ-Tiểu đề Kỷ-Mão ? (1699) bát nguyệt, bài của Đào-Huyền cũng vậy, do đó có thể suy tưởng từ Khương-hy năm 17 (1677) sau khi Đại-Sán đi Bắc-kinh về, đã có ý xuất bản thơ tập, lúc đầu tính đề tên « Hán-Ông-Yên-du thi » sau vì có nhằng nhai mãi đến năm Khương-hy 38 (1699) mới tổng hợp các tập thơ cũ và lấy tên « Ly-Lục-đường-thi » cho xuất bản. Tập thơ ấy đến năm Càn-Long 53 (1788) bị liệt vào sổ những sách do tỉnh Chiết-giang tâu xin hủy bỏ. Duyên cớ hình như vì tập ấy có liên-quan với các sách bị cấm của Khuất-dại-Quân và tập Lâm-huệ-Anh-Liêm biên tập, Dân-quốc năm thứ 36 Thương-vụ-ấn-thư quán xuất-bản).
- 2) Mặt khác, ở trong các tập của những nhà thơ đương thời cũng rải rác thấy có những thơ văn có liên quan với Đại-Sán. Ví dụ như Ngô-viên-Thứ Lâm-Huệ-Đường văn-tập tục khác, thấy có bài (Thạch-Liêm Thượng-nhơn thơ-tập tự) (quyển 2) và bài (Hán-Ông Triều-hành thi-tự) (quyển 3) và Từ-Hoàn Nam-châu Thảo-đường-tập thấy có bài đề « Hường-Tuyển-Lang làm tặng Thạch-Liêm Thuyền-sư ».
- 3) A. W. Hummel, Eminent Chinese of the Ching Period, Washington, 1944, t-11, p. 864 b, Emile Gaspardone, Bonzes des Ming Réfugiés en Annam, Sino-logica, vol. 2, Nr. 1 (1949), P. 20 note 57.
- 4) Vương-sĩ-Trình (Ngư-dương Lão-nhơn) Mạn-bút, Phân-cam Dư-thoại, Ngư-dương tam thập lục chủng, Khương-hy Kỷ-sứu, tháng chạp san hành.
- 5) Bọn Tăng-Quốc Phiên trùng tu, Quang-tự năm thứ 6 san hành, Giang-tây thông-chí quyển 179, Tiên-thích mục, Giác-Lãng, chép rằng : « Giác-Lãng tên Đạo-Thạnh, biệt-hiệu Lãng-Trượng-Nhơn, con của họ Trương ở Thác phò, lúc còn nhỏ theo học khoa-cử, như Ông nội bị tù, tội chết, nghĩ rằng lin

hồn ấy sẽ đi đến nơi nào ? ngày nọ đang đi giữa đường nghe tiếng mèo nhảy bên tĩnh ngộ, gặp lúc cọ Thụy-Nham Thức-Công đi qua phò, bí mật xin thẻ phát xuất gia, lên ở núi Mộng-hoa, tham thuyền chùa Bác-Sơn, kế tham thuyền chùa Thọ-xương, qua Thục-Lâm ra mắt Đông-uýên-Cảnh; có một lần đau gần chết, Uyển cho uống thuốc cứu sống; hơn lúc nhàn rồi Uyển hỏi thăm lại lịch sinh-bình, thất kinh nói rằng : chi Tuệ-đăng của chùa Thọ-xương ta sẽ thuộc về ngươi vậy, hơn trao phó cho nguồn đạo. Khoảng niên-hiệu Thuận-trị xin chủ-trì chùa Bác-Sơn, sau đến Thiên-giới Côn-Lư-Các nghỉ hạ, thỉnh-linh khiến dời đến ngôi trước thiên-đường, đứng ngộ, viết xong bài kệ, quăng bút viên tịch. Có ngữ-lục trước-tác 52 loại sách.

- 6) Mậu-thuyền-tôn, Nghệ-phong-Đường-văn-tục tập (Tuyên-thông năm thứ hai san hành) quyển II. 276-296.
- 7) « Bình-nam » tức Bình-nam-Vương Thượng-Khả-Hỷ, « Yêm-đạt-Công » tức con của Khả-Hỷ là Thượng-chi-Tín. Hoa-di-biên-Thái (quyển 4) chép lời khai của người Tàu, thuyền Quảng-đông chuyến 21, năm thìn (1676), cũng xưng làm « An-đạt-Vương ».
- 8) Văn-thành tức Phương-sĩ Thiệu-Ông, Hán-Vũ-đề phong làm Văn-thành-tướng-quân, Ngũ-Lợi tức Phương-Sĩ Loan-Đại, Vũ-đề phong làm Ngũ-Lợi-thượng-quân, đều tinh thông phương thuật.
- 9) Nguyễn-phúc-Châu Bản-sư Hải-ngoại Kỳ-sự-tự chép rằng : « Thấy ta khai hóa hơn 30 năm, trước tác hơn 20 loại sách cho ra đời đã lâu, tự có giá trị nhất định của nó ». Tên các sách ấy, có lẽ là một bộ trong 21 loại sách nói trên.
- 10) Lý-Hằng (Quốc triểu kỳ-hiến loại-trung sơ-biên) quyển 161, mục Cương-thần 13, Quảng-đông thông-chí (Đồng-trị năm thứ 3 san-lại bản in chụp hình của Thương vụ-ấn-thư-quán), quyển 44, Chức-quan-biểu 35.
- 11) Lý-Cơ-Hòa, tự Hiệp-vạn, lại tự Mai-giai, người Hán-quân Nhượng-hồng kỳ, đậu tiến-sĩ năm Khương-hy thứ 12, đổi làm Hàn-lâm-viện Thứ-cát-sĩ. Làm quan thăng đến Hồ-Bắc bồ-chánh-sứ, năm Khương-hy 43 thăng Giang-tây Tuấn-vũ, có Mai-giai thơ-tập (xin xem Giang-tây thông-chí quyển 128, Hoạn-tích-lục 3, Quốc-triều). Quốc-triều Kỳ-hiến-loại-trung sơ-biên, quyển 161, mục Cương-thần 13, cũng dẫn Đại-Thanh-nhật-thông-chí rằng : « Bỏ đi Tuấn-vũ Giang-Tây, lúc gần đến nhậm chức, nghe tình ấy có nạn đói, ông đi đến Hồ-Khâu, quá-giang thuyền buôn gạo để xuống nam, bên xuất bạc mua cả thuyền gạo đến Nam-xương y giá bán ra, giá gạo bên trở lại bình thường. Sau thôi quan về cư-ngụ tại chùa, cam chịu thanh-bản đến ngày chết. Giang-Tây tuần-vũ Cơ-Hòa là người thứ nhất được nổi tiếng thanh-li êm vậy.

III. CUỘC DU HÀNH QUẢNG-NAM CỦA THÍCH-ĐẠI-SÁN

NÓI về chính truyện. Hiện tại chúng ta thuật lại đầu đuôi câu chuyện lữ-hành Quảng-nam của Đại-Sán. Đại-nam Liệt-truyện Tiền-biên (quyển 6) chép tiếp rằng:

« Anh-Tông Hoàng-Đề thường khiển Tà-nguyên-Thiếu qua Tàu cầu Cao-Tăng, nghe Liêm giỏi Thiền-học, bèn qua thỉnh-cầu. Liêm mừng, cùng Nguyễn-Thiếu vượt biển qua Nam, đã đến nơi, cư trú tại chùa Thiên-mụ. Hiến-Tông Hoàng-Đề thường vời ông vào ra mắt, cùng đàm luận thiền-giáo. Hoàng-Thượng trọng sự học uyên bác của ông, rất yêu quý kính lễ, ông khéo tùy việc can gián, cũng có bổ ích ».

Đoạn văn ấy cho chúng ta ần-tượng như sau: « Lúc Anh-Tông (tức Nghĩa-Vương Phúc-Trần, 1687-1691) còn tại thế, từng khiển Tà-nguyên-Thiếu qua Quảng-Đông rước Thích-Đại-Sán. Sau khi đến Thuận-Hóa, Đại-xán ở chùa Thiên-mụ. Kịp đến ngày Hiến-Tông (tức Nguyễn-Phúc-Châu) kế vị, mới hằng vời ông ra mắt, và rất được Hiến-Tông kính trọng. Thực ra đoạn văn ấy truyền chép có hơi không đúng, có nhiều chỗ cần đến sự đính chính của chúng ta. Nay trước hết xin lược thuật sự tích của Tà-nguyên-Thiếu. Đại-nam Liệt-truyện-Tiền-biên (quyển 6) truyện Tà-nguyên-Thiếu chép rằng:

« Tà-nguyên-Thiếu, tự Hoán-bích, người huyện Trình-hưng, phủ Triều-Châu, tỉnh Quảng-Đông, năm 19 tuổi xuất-gia tu chùa Báo-tư, làm đồ-đệ của Khoáng-viên Hòa-Thượng. Thái-Tông Hoàng-Đề Ất-tý năm

thứ 17 (1665) Nguyên-Thiếu đi theo thuyền buôn qua Quảng-nam, lưu-trú tại phủ Quy-Ninh, dựng chùa Thập-Tháp Di-Đà (1) giảng-truyền phật-giáo, kê ra Phú-xuân-Sơn, tỉnh Thuận-Hóa, dựng chùa Quốc-Ân, (2) xây tháp Đồng-Phổ, sau phụng mạng Anh-Tông Hoàng-Đề qua Quảng-Đông rước Thạch-Liêm Hòa-Thượng và thỉnh tượng phật, chuông khánh lúc trở về phụng-sắc cho trụ-tri chùa Hà-trung, (3) lúc lâm bệnh tập hợp tăng-chúng dặn dò, cầm bút viết bài kệ rằng: «Lăng lặng gương không bóng, sáng sáng ngọc chẳng dung; lộng lộng vật chẳng vật, mờ mờ không chớ không». Viết xong ngồi thẳng thần mà tịch, hưởng thọ 81 tuổi. Các môn đồ và những quan-tể từng quy-y thọ-giới, dựng tháp ở cửa chùa để chôn đầu xá-lỵ, tâu vua xin làm bài Ký-Minh. Hiễn-Tông Hoàng-Đề ban cho Thụy-hiệu làm Hạnh-doan thiên-sư, và làm một bài «kỷ» ghi chép công đức»

Căn cứ theo bài này, thì trong giới phật giáo, Tạ-nguyên-Thiếu là một vị tiền-bồi của Đại-Sán, đã qua Nam từ năm â-tỵ. năm thứ 17 đời Thái-Tông (tức Hiễn-Vương Phúc-Trần 1648-1687) tức Khương-hy năm thứ tư (1665), và từ ấy ở luôn tại Quảng-nam. Năm ông mất tuy không có Sứ-văn có thể dẫn chứng, nhưng cứ theo bài dẫn chứng trên đây, thì có lẽ vào khoảng năm đầu Minh-vương mới lên ngôi và trước ngày tới nước Việt của Đại-Sán, tức Khoảng Khương-hy năm thứ 30 đến nửa năm đầu năm 33; vì vậy Hải-ngọai Ký-sự không hề nói đến tên ông ấy. (4) Chúng ta vốn chẳng phủ nhận việc Tạ-nguyên-Thiếu phụng mạng Anh-Tông (Phúc-Trần) qua Quảng-đông rước mời Đại-Sán, nhưng trên sự thực Đại-Sán chưa hề cùng đi với Tạ-nguyên-Thiếu qua Quảng-nam. Nói cách khác Đại-Sán đi qua Quảng-nam không phải kết-quả trực tiếp của Nguyên-Thiếu đi rước. Nguyễn-Phúc-Châu Hải-ngọai ký-sự-tự viết rằng:

« Trường-thọ bản sư Lão-Hòa-Thượng, ta từ ngày làm thê-tử đã bao năm ngưỡng-mộ, Tiên-Vương đưa thư mời rước hai lần chẳng qua. Mùa thu năm Giáp-tuất, ta muốn vâng chịu Bồ-tát giới-pháp, nôi chí trước đôn-độc thỉnh cầu, quả được như nguyện ».

Và Đại-Sán trong sách Hải-ngọai ký-sự (K.1 lb) cũng chép rằng:

« Ngày mừng 4 tháng 8 (năm Giáp-tuất) Tri-khách gõ cửa báo có sứ-nhân nước Đại-Việt đến; mời vào ra mắt, sứ giả là người tỉnh Mân (Phúc-kiến), tay nâng một phong bì giấy vàng rất cung kính, sụp lạy dâng lên, với

lễ vật các thứ vàng-nam mây song hoa, lụa vàng và kỳ-nam, dâng lễ xong, quỳ gối thưa rằng : « Đại-Việt Quốc-Vương đã lâu ngày ngưỡng mộ Lão Hòa-Thượng, ngày nay đốt hương xa lạy, dâng phong thư trước tòa Sư-tử, kính thỉnh cầu Đạo-giá lai lâm; nếu khứng chịu lời, thực là phước lớn cho tiểu-quốc ». Kể từ Tiễn-Vương có thư mời, đèn nay nữa là ba lần, mời đến ba lần, cũng đã thành tâm lắm vậy ».

Xem đây đủ thấy Quảng-nam Nguyễn-Vương thỉnh-cầu Đại-Sán nguyên từ thời Tiễn-Vương (tức Phúc-Trần), đèn nay qua lại đã đến ba lần, và lần này ngoài bức thư của Đại-Việt Quốc-Vương (tức Phúc-Châu) còn có thư riêng của Quốc-sư Hưng-Liên (Hoàng-Quả) nữa. Đồng thời chúng ta cũng biết rằng, nếu Tạ-nguyên-Thiếu phụng mạng đi rước Đại-Sán, quả như lời Đại-nam Liệt-truyện Tiễn-biên đã chép, thì có lẽ chỉ một chuyến trong chuyến trước; còn người tỉnh Mân, sứ-giả thứ hai Đại-Việt, trong chuyến này, sách Hoa-di Biên-thái (quyển 22) chép lời khẩu-cung của chủ thuyền Quảng-đông, chuyến 36 năm Hợi (1695), nói rằng:

« Nhưng mà Quảng-nam Quốc-vương lâu nay vẫn quy-y Phật-giáo, sẵn lòng hâm-mộ Thạch-Liên Thiền-sư, cư trú tại Quảng-đông Trường-thọ-Am, là người có đạo đức thịnh tốt, cho nên mùa thu năm ngoái từng sai Trần-Thiền-Quan và Ngô-Tư-quan, hai tên ấy làm chuyên-sứ đi qua Quảng-đông rước mời. (5). Vậy khá biết « người tỉnh Mân, chuyên-sứ nước Đại-Việt, mà Đại-Sán đã bảo đây, là chỉ hai người Trần-Thiền-Quan và Ngô-Tư Quan. Hai người ấy hiển-nhiên là thượng-khách từng qua lại buôn bán giữa Quảng-đông và Quảng-nam, nhưng trong hai người, hình như Trần-Thiền-Quan có một lai-lịch có giá trị hơn. Cứ theo báo cáo của bọn thương khách, chép trong sách Hoa-di Biên-thái (quyển 11), thì Trần-Thiền-Quan từng làm thuyền trưởng thuyền Quảng-nam chuyến 73, ngày 12 tháng 7 năm Bính-dần, Khương-hy năm 25, 1686) do Quảng-nam đến Trường-Kỳ Nhật-bản.

Đòi với sự ân cần mời rước đến hai ba lần của Quảng-nam Quốc-vương Đại-Sán lẽ tự-nhiên vui lòng tiếp nhận. Hải-ngoại ký-sự tiếp theo đoạn văn vừa dẫn trên, chép rằng:

« Chưa đi lên phương Bắc, nhân còn nhàn rỗi, sao chẳng rong chơi hải-ngoại đi đến chỗ lạ tai mới mắt, hoặc giả sơn-xuyên, phong-thổ nhân vật, còn nhiều thứ ngoài tầm thường nghe thầy của ta chẳng »?

Ly-Lục-Đường-tập (k-12 23b-24a) cũng có chép một bài thơ để là (An-nam thư-sính) theo điệu « Độ-giang-Vân ».

BÀI THƠ

Nơi hoang-phục cũng trong đồ bản,
 Gió xuôi bướm vượt biển một phen.
 Áo-môn sắm sửa khai thuyền,
 Tuy nơi có rẽ (phân mao) cũng miễn phong nhiều.
 Quốc vương trước, gởi nhiều thư trát,
 Nay Tân-Triều há biết danh ta.
 Ân cần sinh lễ đưa qua,
 Vàng thoi, dâng-trượng với là Kỳ-nam.
 Sai sứ-giã thư hàm kính đệ,
 Nâng Hoàng-phong rạng vẽ long vân.
 Thuyền hồng chờ đón Hải-tân,
 Nhờ đem mưa ngọt thăm nhuần cỏ khô.
 Nhớ câu « phu hĩi thừa phù ».

Còn về thời kỳ khởi hành của Đại-Sán (lời báo cáo của chủ thuyền Quảng-đông, chuyến 36, năm hội), vừa dẫn ở trên, nói tiếp rằng :

« Thạch-Liêm cũng cảm lòng ngưỡng mộ của Quảng-nam Quốc-Vương, bèn cùng bọn đệ tử vừa tăng vừa tục chừng 100 người, khoảng trung tuần tháng giêng năm nay, do Quảng-đông khởi trình qua Nam ».

Lại cứ theo Hải-ngoại kỳ-sự, đêm treo đèn Thượng-nguyên tháng giêng năm ất-hợi (Khương-hy năm 34 tức 27-2-1695), Đại-Sán đem tăng chúng hơn 50 người lên thuyền ở Hoàng-phổ, qua giữa trưa ngày 16-1 kéo bướm, trên đường đi ngang qua Đông-quán, Hồ-Môn, Lỗ-mán-Sơn, ngày 27 tháng giêng thuyền đến cù-lao Tiêm-bích-La (Poulo Cham) ngoài cửa Hội-an, bình yên vô sự. Từ đây đổi sang chiến thuyền của Minh-vương sai đón, qua ngày 28 tháng đèn thành Thuận-hóa, định cư ở Thiên-Lâm-Tự (chớ không phải Thiên-mụ-tự), (6) làm khách quý của Minh-vương Nguyễn-Phúc-Châu.

Nguyễn-Phúc-Châu là một vị quân-chủ trẻ tuổi hăng hái, kể vị từ 4 năm trước, lúc ấy mới 17 tuổi, ông đã bao phen xuất binh đi đánh Chiêm-thành, năm quý-dậu (Khương-hy năm 32, 1693) thân phục đất xứ ấy đặt

trần Thuận-thành; lại nguyện muốn quy-y cửa Phật để cứu đời. Việc rước mời Đại-Sán qua Quảng-nam, chính do tôn-giáo-tính của ông làm động-cơ thúc đẩy, và sau Đại-Sán đến đất Việt, trên thực tế lúc nào cũng lấy lễ sư phụ tôn thờ, mỗi việc đều bàn luận hỏi han, thái độ rất khản thiết. Ví dụ như lúc tiếp kiến Đại-sán lần đầu, Minh-vương liền nói rằng:

« Đệ-tử tâm mộ đạo-phong của Lão Hòa-Thượng đã lâu, nay may mắn chẳng vì xa xuôi mà từ bỏ, xin rủ lòng dạy bảo, ngõ hầu đệ tử biết đường chánh để noi theo ».

Đại-Sán thưa rằng :

« Đạo của nhà vua, ở nơi việc trị nước an dân. Đạo chỉ có một nhưng địa vị từng người khác nhau, nếu kẻ cai trị Quốc-gia, lơ bỏ tất cả chánh lệnh kỹ-cương, để cưỡng cầu thanh tịnh, ấy là chẳng biết thanh tịnh vậy. Nếu quả thực những-nhưng không dục vọng, lạt lẽo không dính cầu; trong lòng hư linh, thời tùy việc thuận lý, tùy vật ứng phó; tuy ngày xử trí muôn việc, cũng chẳng có một việc, một vật gì quấy rầy; bởi thế nước trị dân an, rủ áo vòng tay không làm mà nên đạo; thanh tịnh tốt bậc, Đề-vương Phật-tổ nào có khác biệt bao nhiêu ».

Trong những hoạt-động tôn-giáo ở Quảng-nam của Đại-Sán, chỉ có việc triệu-tập tăng chúng toàn quốc mở 3 pháp-đàn truyền giáo, là trọng yếu nhất. Việc ấy nhằm mục đích cứu tế nhơn dân Quảng-nam đương thời và thanh trừng những phần tử trụy lạc trong giới phật-giáo. Sau khi Đại-sán đến Quảng-nam bốn ngày, Minh-Vương khiến Nội-Giám và các quan Bộ-Công suất lãnh lính và thợ hơn nghìn người, trong 3 ngày đêm phải làm xong 5 gian phượng-trượng và 5 gian liêu-xá để làm nơi cư-trú cho thầy trò Đại-Sán. Đại-Sán trong sách Hải-ngoại kỷ-sự, cảm thán công tác lanh chóng và tả tình cảnh của quân-nhơn công-dịch như sau:

« Nhơn hỏi thăm, biết rằng trong nước trăm thứ thợ đều quân-nhân làm. Mỗi năm khoảng tháng 3, tháng 4 quân-nhân ra các làng bắt dân, những người 16 tuổi trở lên, thể chất cường tráng, đều bắt sung quân, xiềng cổ bằng một cái gông bằng tre, hình như cái thang nhưng hẹp hơn Ai tình nguyện tòng quân sẽ được cho học chuyên-môn một nghề, thành nghề rồi phân bát vào đội chiến thuyền để luyện tập; lúc hữu sự ra trận

đánh giặc, vô sự bắt làm công-dịch trong quan-phủ, chưa đến 60 tuổi chưa cho về làng chung sống với cha mẹ vợ con, hằng năm, thân nhân đem áo quần vật thực đến thăm mà thôi. Vì thế dân còn lại đều ốm yếu tàn tật, ít có người tráng kiện, cha mẹ sợ con bị bắt lính, con lớn tuổi liền cho đi ở chùa làm sãi, may ra được khỏi. Vì có ấy tăng đồ rất đông, nhưng Phật-pháp cũng do đó sinh ra hỗn loạn, chẳng những thiên-tông tuyệt nhiên không đem xĩa, cho đến các việc « luật », « luận », cũng buông trôi chẳng chút quan tâm, đến nỗi những phường áo tràng mao ni, nét xấu tật hủ còn quá dân quê nơi làng mạc ».

Đại-Sán cho tệ phong ấy chẳng khá kéo dài, bèn thảo một bài văn, dán lên các cửa chùa để quảng cáo Quảng-nam nhơn-sĩ, mặt khác Minh-Vương cũng thương tâm vì thấy Phật-pháp trong nước hỗn-loạn, ít kẻ chân chính tu hành, và lại, chính giáo kỷ-cương trong nước còn nhiều việc phải canh-cải, muốn đem phỏng vấn Đại-Sán.

Ngày rằm tháng chạp, từ sáng sớm rước Đại-Sán vào phủ, cùng nhau đàm đạo đến nửa đêm, trên tiệc Minh-vương biểu thị rằng: « Tăng chúng phần đông chẳng giữ giới luật, tôi sẽ phát lệnh-bài đi các phủ, bắt bọn chúng đem về trình Lão-Hòa-Thượng, bắt mỗi người phải cầu chịu 3 đàn giới luật, mới được cấp cho giới điệp, miễn trừ giao dịch tô thuế. Lão-Hòa-Thượng nên ra báo-cáo thông tri, định ngày từ mồng 1 đến mồng 8 tháng 4 sẽ viên mãn cả 3 đàn cũng được. Tôi sẽ đem quyền-thuộc và bá quan văn võ, ai có tín tâm, đều cầu làm Bồ-tát-giới đệ tử, xin Hòa-Thượng đặt cho đạo hiệu pháp danh v.v... »

Ngày 13 tháng 3, tốp thứ hai, bọn tăng chúng theo hầu Đại-Sán, cũng từ Quảng-Châu đến Thuận-hóa bình yên, đồng thời, những liêu-xá, bàn ghế, khí mễ cần dùng để mở giới đàn, cũng đều do Minh-Vương ra lệnh trừ biện hoàn bị. Ngày mồng 1 tháng 4, pháp hội long trọng khai mạc, do Đại-Sán truyền Sa-di-giới, ngày mồng 6 lại truyền Tỳ-kheo-giới, mồng 8 ngày Phật-Đàn, Minh-Vương đem Vương-mẫu, công-chúa, hậu cung quyền thuộc, đồng thọ Bồ-tát-giới và quỳ thọ Hộ-pháp-Kim-thang-thư; ngày thứ (tức mồng 9) Đại-Sán truyền Bồ-tát-giới cho tăng chúng; qua 3 ngày sau (tức ngày mười hai), Đại-Sán suất Quốc-sư hai hàng, đối lãnh hơn 1.400 tân giới đệ-tử, mặc cà-sa, cầm bình bát, cử hành lễ cô-Phật khất thực và tạ ơn Minh-Vương đã thành tựu công-đức. Minh-Vương mời hai

hàng sư vào cúng chay, đãi trà bọn tân giới đệ tử và ban thêm 300 quan tiền, 100 thạch gạo, khiến quân-nhơn gánh đèn chùa Thuyền-lâm; lại đem tất cả giới-diệp có đóng Kiềm Vương-ân, ban cấp cho tăng-nhơn, những người đã tham gia pháp hội. Đèn đây, phật lễ lớn nhất từ xưa đến nay tại Quảng-Nam, mới tuyên bố bề mạt.

Trong lúc yết kiến Minh-Vương giữa ngày rằm tháng hai trước đây. Đại-Sán cảm thấy: «Ngôn ngữ chẳng thông hiểu nhau, tuy có thông ngôn cũng chưa chắc minh lý, mười điều phiên dịch không được ba, bốn, khiến trong lòng có bao nhiêu điều muốn nói, chẳng làm sao uyển chuyển để-đạt được lên Quốc-Vương»; hơn đem các việc muốn nói viết ra giấy trình lên Minh-Vương. Trình bày tất cả bốn điều, phân biệt rõ ràng các lẽ đặc thất lợi hại. Nội dung như sau :

1) Công hiền Trung-triều để chính danh hiệu.

Triều ta (Đại-Sán tự nói) Khương-hy Hoàng-đế thông trị chín châu, mười lăm tỉnh, đất rộng mây muôn dặm, giáp binh hùng mạnh cả ngàn trăm muôn; mà đất nước Đại-Việt lại gần kề tỉnh Quảng-đông; nếu khiến sứ thông hảo với các quan Đốc-vũ Tướng-quân, rồi sau dâng biểu tiền công Triều-định, xin phong Vương để chính vị hiệu, lấy thanh thê Quảng-đông làm nương tựa, thì bọn tiểu khấu các nước lân cận tự nhiên kiêng sợ chẳng dám dòm hành; thực danh chính lý thuận, ngồi hưởng thái-bình, một việc làm vạn toàn vậy. Người xưa bảo «chẳng đánh mà binh giặc phải thua», chính là như thế. Những lý do thông hảo nhà vua sẽ tường trần sau.

2) Đặt binh đồn thú để cúng-cờ biên-thùy.

Bản-quốc địa giới liên tiếp Đông-kinh (Bắc-kỳ), chỉ cách một con sông, dọc biên giới chắc có nhiều nơi nên đóng binh trấn giữ. Binh ít thì sợ khi xung đột, binh nhiều thì hao tổn khó lòng, hai lẽ đều khó tính. Lão-tăng xem xét sơn-xuyên hình thế, có cách giảm bớt binh-số, chỉ đặt cơ binh (cũng như binh lưu động) mà có thể cò hủ được; nếu nhà vua dùng sẽ xin tâu bày sau.

3) Thương yêu binh-sĩ để khích lệ lòng trung dũng.

Thời xưa trong việc võ bị, chẳng hề phân biệt binh dân, lúc vô sự an cư vườn ruộng, lo việc cấy cày, đến khi có việc chiến tranh, ra tòng chinh sung vào đội ngũ. Mỗi năm lúc nông công nhàn rỗi, đem ra tập luyện, giảng cho biết nghĩa tôn quân thân thượng, dạy cho rành phép tác chiến giao-phong; bình thời được vui sống với gia đình, hữu sự ra tận trung báo quốc; tự nhiên đồng khí bách bội, ai nấy đều vui lòng đi lính, chông kẻ xâm lăng. Nay nghe dân trong nước một lúc đã ghi tên vào sổ lính, trọn năm phải phục dịch quan-phủ, không được về làng thăm viếng cha mẹ vợ con; như vậy tuy chúng sợ phép phải tuân theo, nhưng trong lòng sao khỏi oán hận. Sao chẳng khiến quân-sĩ luân phiên theo diễn, mỗi năm ở quan-phủ phục dịch huấn-luyện chừng một quý hay nửa năm; hết hạn cho về làng cày bừa, cùng với gia đình đoàn tụ; bắt chước theo phép quân đồn ngày xưa. Đến lúc có việc phải hưng-sư, bắt ra tòng chinh, ai lại chẳng hết lòng phò chúa. Như thế người đều cảm khích, giành nhau làm bốn-phận, làm sao binh chẳng thêm mạnh, dân chẳng thêm giàu. Các chi tiết về việc này, sẽ có điều ước qui định.

4) Đặt học quan để giáo-dục nhân-tài.

Không-thánh là « vạn thế sư biểu », tứ thư ngũ kinh chép đủ mọi lẽ sửa mình trị đời, phải thế nhận cô làm theo, mới xử sự hợp lý được. Nay nhà vua nên lập Quốc-học-phủ để phụng thờ Không-thánh, tăng trừ nho thư, mời các nhà lý-học danh-nho để giảng dạy thánh-đạo; từ Vương-Thể-Tử (con vua), con em các Đại-thần, cho đến dân gian những người tuấn-tú, đều bắt theo học; sẽ mở kỳ thi hạch để phân biệt kẻ kém người hơn. Như thế lâu ngày sẽ hiểu biết nghĩa lý cương thường, chánh đại trị đạo, dần dần sẽ trở nên một Quốc-gia văn minh.

Ngày 24 tháng 4, Minh-Vương mời 10 người đồ đệ của Đại-Sán, mở một đàn tụng kinh Đại-bi Đà-la-ni sám và mời Đại-Sán ở lại trong Viện để chứng-minh. Lúc rảnh cùng nhau nói chuyện cô kim, luận bàn chính-trị. Đại-Sán nhơn những dịp ấy trình bày ý kiến về các việc khoan hình chuộng đức, thương lính yêu dân, thông thường giảm thuế v.v... Minh-Vương mỗi việc thầy đều nghe theo, giận mình tuổi trẻ, thầy nghe chưa được rộng rãi. Ngày nọ, trong lúc đương đàm đạo, xảy có quân hầu báo

cáo trại lính phát hỏa, Minh-Vương lập tức đem quan binh đến chữa, chấp lâu mới trở về. Đại-Sán nhân khuyên can nhà vua nên tự ái, kiên nghị nên đặt « lệnh tiền », gặp lúc trong nước có việc gấp, cần nhà vua phải thân-hành thì sai nội-giám quan-quân đem « lệnh-tiền » đi, nếu quan-quân tiếp được lệnh mà chẳng đến sẽ bị trị tội không tha. Minh-Vương nghe rất lầy lăm phải, bèn tỏ ý rằng : (7) « Mấy ngày nay đàm đạo, có nhiều chính kiến vì nước vì dân, xin Lão-Hòa-Thượng chỉ thị từng việc rõ ràng, tôi sẽ cho khắc yết trước triều môn, để vĩnh viễn cùng thần dân noi giữ ».

Ngày sau (tức 25 tháng 4) Đại-Sán từ giả lui về, Minh-Vương yêu cầu ông đem các việc đàm đạo trong mấy ngày nay chép rõ ra từng việc một. Đại-Sán bèn điều trần « Lập quốc chính ước » 18 điều, nội dung gồm các việc thương lính, yêu dân, thông thương, lợi quốc, kỷ-cương, pháp-độ v.v... Vương duyệt xem rất mừng, nói với Chương-sự Nội-quan rằng :

« Pháp độ dân tình nước ta chưa được đúng đắn, nay nhờ Lão-Hòa-Thượng đem lễ pháp Trung-hoa, vì ta bày tỏ 18 giáo-điều, nên khắc vào bảng treo trước phủ-đường, hiệu dụ cho văn vũ quân dân đều biết. Mặt khác làm 24 thẻ bài, nêu rõ từng loại, nếu có người nào phạm pháp, trái điều luật, sẽ cho kẻ bị thiệt hại cầm thẻ bài đến thưa; bất luận vương-thân quốc-thích văn vũ quân dân, đều cứ xét luật trị tội, vĩnh-viễn nêu làm phép nước ».

Lại ngày sau nữa (26 tháng 4) Minh-Vương nghe Đại-Sán dự định đến tháng 6 sẽ trở về nước, bèn mời Đại-Sán vào cung khấn-khoãn xin lưu lại; trên tiệc, Đại-Sán thuật chuyện Thanh-Thê-Tổ sùng tín Tam-Bửu, Hoàng-đề đương kim (tức Thánh-tổ) rất thần thông hơn từ và các viên Lưỡng-Quảng Tổng-độc, Tướng-quân, Đề-độc, Tư-đạo rất thanh liêm tài cán; hơn khuyên Minh-Vương làm biểu văn cầu phong. Vương đáp rằng :

Nay nghe Lão-Hòa-Thượng thuật chuyện, mới biết rõ ràng. Ta ở nơi góc biển xa xuôi, vốn chẳng am tường lễ-giáo; tuy sẵn lòng quy-thuận, nhưng tiểu-quốc xưa nay chưa tiền công lần nào, nay đường đột dâng biểu thỉnh phong, e biên giới Đại-thần chẳng sẵn lòng để đạt, chỉ mất công đi về mà thôi. Lão-Hòa-Thượng đã chẳng chịu lưu lại hạ-bang, sau khi hoàn sơn (về chùa) xin vì ta trần tình với các nhà đương sự tỉnh Việt. Nếu tiếp

được tin cho phép tiên-công, ta sẽ sắm sửa các vật thờ sán và làm biểu dâng lên ngay, quyết chẳng sai lời ».

Đại-Sán viện những lý-do : (Nhơn tạm nghỉ qua nam, còn chờ ngày phải đi lên phương Bắc; và lại, xây cất nhà cửa chưa xong, đại chúng đương chờ đợi) v.v..., ngày mồng 3 tháng 6, từ giả Minh-Vương xin đi, và quyết-định ngày rằm tháng 6 sẽ dời khỏi Thuận-hóa đi Hội-An để sắp sửa ngày về nước cho kịp mùa thu gió thuận. Quốc-vương lưu lại đãi chạy, mỗi lúc nói đến chuyện chia phôi, nghẹn ngào bảo rằng :

« Từ ngày Lão-Hòa-Thượng đến đây, tiểu-bang đã được nhờ ơn 8 chữ « Phong điều vũ thuận, Quốc-thái dân an ». Mấy năm trước tàu ngoại-quốc đến buôn bán, một năm chừng 6, 7 chiếc, năm nay tăng lên 16, 17 chiếc, trong nước tiêu dùng nhơn đó được dư dũ, ấy cũng nhờ phước đức Hòa-Thượng che chở vậy. Chưa biết phen nầy Hòa-Thượng về Bửu-sơn còn khứng trở qua một lần nữa chẳng ? Nửa năm náo nhiệt, một phút vắng tanh, khiến người phải cảm thương rơi lụy. Đạo-giá đã không thể lưu lại, xin để lại vài người đồ đệ, khiến sớm chiều gần gũi, cũng như gặp mặt Tôn-sur. Lão-Hòa-Thượng sai bảo điều gì, tôi đều phụng mạng cả, nay tôi sở nguyện có bấy nhiêu, xin Hòa-Thượng chớ từ ».

Đại-Sán thâm cảm lòng ái mộ của Minh-Vương bèn thương lượng lưu lại hai tên, Hậu-đường Khánh-Ngu và Tri-khách Thiên-vũ, để phục vụ tại Giác-Vương Nội-diện Phần-tu-sở.

Trên đây tường thuật tình hình đối xử giữa Minh-Vương cùng Đại-Sán và những lời đàm đạo cùng nhau, khiến người ta có thể tưởng thấy vị Thanh-niên Quân-chủ đã thành tâm đối đãi Đại-Sán và khiêm hư tiếp thụ những lời chỉ đạo của ông ấy như thế nào. Thứ nhất là việc « dâng biểu cầu phong », hiển-nhiên giữa Minh-Vương với Đại-Sán đã thông cảm nhau một cách triệt-đề, việc ấy rõ ràng do Đại-Sán chủ động, dụng ý muốn mượn việc ấy để tăng cao giá-trị của mình. Mặt khác, Minh-Vương cũng không tỏ ý nghi-ngờ, nghĩ rằng trong tình thế đối với họ Trịnh ở phương Bắc, dựa thế Thanh-triều và các nhà đương-cuộc Quảng-đông cũng là một việc rất cần yếu, vì thế hoan-nghinh đề nghị của Đại-Sán, và mong mỗi sau khi về nước ông ấy sẽ vận-động giúp cho.

Ngày 28 tháng 6 cả bọn thầy trò Đại-Sán đi trên 8 chiếc Hồng-thuyền và 8 chiếc thuyền gọ (diền-xá) lia bèn Thuận-hóa, đi ngang chùa Hà-trung, chiều tối ra đèn cửa biển. Quốc-Vương đã từ ngày 18 đem các quan văn võ đi trước đèn cửa bể làm thủy-các để tiễn đưa Đại-Sán. Sáng bữa sau (ngày 29) Đại-Sán đèn ra mắt Quốc-Vương, ngày 30 Minh-Vương đi với Đại-Sán du-lãm chùa Vĩnh-Hòa ở núi Khuê (Quê-phong). Ngày 1 tháng 7 Đại-Sán từ biệt Minh-Vương lên thuyền ra cửa bể, đi ngang Ngũ-hành-Sơn, ghé chơi chùa Tam-thai, (8). Chiều hôm ấy thẳng đèn Hội-An, sáng ngày mai (ngày 2 tháng 7) lên bờ đình trú tại chùa Di-Đà (9). Chùa nầy chật hẹp, không đủ chỗ dung nạp cả tốp đông nhơn-viên. Lúc đầu Đại-Sán nghĩ tạm lưu ít ngày sẽ lên tàu về nước; không cần làm thêm nhà cửa làm chi cho quân lính phải khó nhọc. Nhưng viên Cai-bá và Nội-quan không dám làm trái lệnh Quốc-Vương, lăm thời triệu tập quân-nhơn, cất vội 8, 9 gian nhà để làm nơi tạm trú cho Đại-Sán.

Đại-Sán đình lưu Hội-An chừng 15 hôm, trong thời gian ấy cũng khá bận rộn. Đèn Hội-An được vài hôm đã có bọn tăng nhơn và binh dân, những người chưa tham dự pháp-hội đầu tháng 4, đèn cầu xin thọ giới; Đại-Sán vui vẻ chịu lời, chọn ngày mồng 7 mở một pháp-hội để hoàn-nguyên « truyền Bồ-tát-giới » cho hơn 300 người, và khiến Quốc-sư và Hậu-đường cấp phát chứng điệp. Ngày 19 Đại-Sán dời Hội-An, sớm bữa sau đèn Triêm-Bích-La (cù lao Chàm) lên thuyền chờ gió, đèn ngày 30 mới kéo neo vọt biển; chẳng ngờ chiều hôm ấy gió chuyển chiều thổi nghịch, qua sáng ngày mùng 1 tháng 8 thuyền bị đưa trở lại Triêm-Bích-La. Đại-Sán suốt đêm không nhắm mắt, gia-di đi thuyền nhọc mệt, bị cảm, nhưc đầu sôi bụng, lúc nóng, lúc lạnh, ăn uống chẳng được, buộc phải lên đảo Triêm-Bích-La tạm thời tĩnh dưỡng; sau nhơn gió mãi không được thuận, phải quyết-định lưu lại trở Quảng-Nam « áp đông » (ở cho qua mùa đông) chẳng bao lâu lại trở về Hội-An. Quốc-Vương nghe tin vô cùng mừng rỡ, lập tức khiến triệt phương-trượng chùa Thiên-lâm, lợp lại ở chùa Thiên-mụ (10) để làm nơi cư trú cho Đại-Sán lúc trở ra Thuận-Hóa.

Lần nầy Đại-Sán đình lưu Hội-An chừng hơn hai tháng, bề môn dưỡng bệnh, ít khi đi ra ngoài; sau nhơn Minh-Vương mấy phen thúc mời, ngày 12 tháng 10 bèn khởi hành đi Thuận-hóa, do đường bộ đi qua Ngãi-Lãnh (tức Ai-Vân-quan) mất 3 ngày ra đèn cửa Thuận-An. Quốc-Vương sai

Công-bộ Cai-bá đem Hồng-thuyền đón chờ tại cửa bể; sáng ngày đi từ cửa bể, tới hôm ấy đến chùa Thiên-Mụ, Thuận-hóa. Ngày sau (ngày 16) Quốc-Vương mời vào yết kiến, thăm hỏi ân cần. Lúc nói chuyện đến việc xây cất chùa Trường-thọ, Minh-Vương khảng khái phát nguyện cúng 5.000 đồng, đảm phụ kinh phí kiến đại-diện chùa ấy. Đại-Sán trở về chùa Thiên-mụ làm bài sớ nhân-duyên trùng tu chùa Trường-thọ, khen công đức Minh-Vương, cho rằng có thể so sánh với việc dâng chùa Pháp-tướng tại Chiết-Giang của Quốc-Vương Cao-ly thời nhà Tống. Sớ văn trình lên, Minh-Vương đình ninh nói rằng :

« Sang năm Lão-Hòa-Thượng về bên ấy, thay ta xây cất điện đường Chùa Trường-thọ, nếu Tiểu-quốc được phúc ăm đều nhờ từ bi che chở của Tôn-sư vậy ». Và định đến ngày mừng 4 tháng 11 rước Đại-Sán đồ đệ 24 người làm lễ Vạn-phật sám kỳ hạn 40 ngày.

Từ đó, Hải-ngoại kỳ-sự thôi không chép đến hành-động của Đại-Sán trong lúc lưu lại Quảng-Nam, và tình-trạng lúc ông đi thuyền trở về cồ-quốc. Bài cuối quyển thứ V Đại-Sán chép rằng :

« Thăm thoát hơn một năm, hằng ngày trò chuyện với Quốc-Vương, quân-thần, tiếp xúc với tứ phương đại chúng, những điều tai nghe mắt thấy, như chính-trị đắc thất, phong tục tà chánh, hay sơn xuyên nhân vật, thảo mộc trùng ngư v.v... tuy còn nhiều chỗ chưa trải qua, nhưng biết xa từ gần, cũng đã thấu rõ được đại-khái. Bởi thế việc bắt câu lớn nhỏ, vật chẳng nệ xấu tốt, hề gặp việc quan yếu là chép, gặp vật kỳ dị là ghi, dám đâu tự cho mình là bậc Quân-tử muốn hành đạo Nam-bang, chỉ muốn sao cho phong tục viễn phương, được phổ biến kiến văn về Trung-quốc mà thôi vậy ».

Xem đoạn văn trên, chúng ta nhận thấy Đại-Sán viết đến quyển thứ 5, cho rằng tập « Kỳ sự » đã đầy đủ, vả lại bấy lâu vất vả nhọc mệt, cho nên sau ngày trở lại Thuận-hóa, chuyên lo tính dưỡng, làm biếng không muốn viết văn. Trên sự thực trong quyển thứ 6, chỉ chép lại mấy bài thuyết luận và ít bài thơ của Đại-Sán trao tặng các nhà quý-hiến Quảng-Nam mà thôi.

Đại-Sán trong tập Hải-ngoại kỳ-sự thỉnh thoảng cũng có nói đến tình trạng Hoa-kiều tại Quảng-Nam lúc bấy giờ. Đầu tiên tả tình-hình Đường-nhơn-nhai (đường người Tàu) ở Hội-An và công việc buôn bán ở đó, như sau:

« Hội-An là nơi bên tàu tập họp hàng hóa Ngoại-Quốc, một con đường lớn thẳng bờ sông dài chừng 3-4 dặm, hai bên đường phố xá ở khít rịt liền nhau, cuối đường là Nhật-bản-Kiểu và Cẩm-phô; bên kia sông là Trà-nhiều, nơi đình-bạc của các thương-thuyền Ngoại-Quốc. Nhơn dân trù mật, cá tôm rau quả bán tập nập tòi ngày. Hóa vật thuốc men, những món hàng ở Thuận-hóa mua không ra, người ta đều vào mua ở đây cả. Đại-trước Hội-An đông-nam-bắc 3 mặt gần bể, chỉ có mặt tây một con đường núi non liên tiếp giao thông với Tây-Việt và Đông-kinh. Bởi thế cách phía tây chừng 10 dặm có đặt nha Trần-Thổ giống như Vương-phủ, để phòng-ngự biên cương ».

Và cứ theo lời Đại-Sán ghi chép, phía hữu chùa Di-đà có miếu thờ Quan-Công rất nguy nga, và quán-chỉ Hội-quần Phúc-kiến cũng ở đó. Đại-Sán lại nhận thấy ở đây khách trú ngày càng đông đảo, đến lúc mãn phần quá-cổ, bợ vợ lữ-thần, nắm xương đành gởi quê người, bèn viết một bài khuyên-cáo, dặn Quả-Hoàng-Quốc-sư cùng với thương-khách Phúc-kiến để xướng mở một vùng nghĩa-địa để làm nơi chôn cất di cốt những kiểu-bào bất hạnh, an giức nơi tha hương. Ông lại hưởng ứng lời Quốc-sư, làm một bài sớ-văn khuyên quyền đế tu bổ chùa Di-đà. Ngoài ra Đại-Sán cũng có ghi chép sự tích của một vài Hoa-kiểu như sau :

1) Trong thời gian lưu trú ở Hội-an lần thứ hai, Đại-sán thấy trong bọn Hoa-kiểu có hai người kề nhau tạ thế. Hải-ngoại ký-sự (K.4.28a) chép rằng: « Bẩm chất người phương Bắc đến đây hay sinh bệnh, vả lại, điều dưỡng không biết cách, bệnh trở nên nặng càng mau. Trước đây vài ngày một người lính hầu Hữu-giai, người Giang-bắc, chết ở Thuận-hóa; nay chủ Điểm-ba-Đường người Sơn-tả lại qua đời ở Hội-an. Tuy chết sông do mạng trời, nhưng người cũng có quyền di-chuyển, chẳng qua vì có Bắc Nam bắt phục thủy thổ mà ra cả ».

2) Tăng-văn-Lão người Phúc-kiến phạm tội nặng, bị án xử-tử, đương giam trong ngục để chờ ngày hành hình. Bỗng ngày nọ chết đột, sau 5 ngày lại hồi-sinh. Ngày 24 tháng 4 người vợ đón đường Đại-Sán lúc đi và Vương-phủ, cầu xin trần-thuyết giùm khổ tình với nhà vua. Đại-sán nhận lời và đem việc ấy tỏ bày cho vua rõ. Minh-vương tức thì hạ lệnh phóng thích Tăng-Lão, đồng thời phóng thích những tù nhơn nhẹ tội, và giảm án cho những người trọng tội đương bị giam.

3) Trương-Tiết-Phụ, nguyên quán ông bà người Chiết-giang, sinh-trưởng ở Quảng-nam, lấy chồng tên Từ-Phụ. Lúc Quảng-nam giao chiến với Chiêm-thành, Từ-Phụ từng chinh chiến giữa biển. Bà Trương ngày đêm than khóc, khô héo ruột gan; sau tìm thấy chồng trên bãi cát đem về chôn cất, từ đó trọn đời thủ tiết, thờ mẹ chồng, nuôi con, thực đúng trang liệt-nữ đáng kính. Đại-sán vốn thương tâm về phong tục dân ở ở bản xứ, bèn cảm động tàu bút viết một bài tứ-ngôn cổ thư và bài tự-sự đề biếu dương tiết-phụ họ Trương. (11)

4) Có một người Tàu tên Lưu-Thanh có lẽ dư đảng của Trịnh-thị (Trịnh-thành-Công) đời nhà Minh, đương lúc Thanh-quân đánh dẹp trên mặt bể, (có lẽ chỉ lúc tướng nhà Thanh là Thi-Lương, năm Khương-hy 22, đem quân công phạt Đài-loan) Lưu-Thanh về nương tựa Lam tổng-binh (12), sau lại trôi giạt đến Quảng-nam. Đương lúc Đại-sán đầu năm ở Hội-an, Quả-Hoàng Quốc-sư mấy phen cậy ông thôi cử Lưu-Thanh lên Minh-Vương xin cho sung chức Cai-phủ, quản-lý hàng hóa Ngoại-Quốc. Đại-sán chưa kịp xét rõ, tiền cử Thanh lên Quốc-vương, liễn được Quốc-vương phê chuẩn và khiển chiêu theo lệ cũ, trong 10 ngày trình nạp đủ 10 vạn bạc. Lưu-Thanh nhơn việc ấy đi ra các nơi bức sách, làm người ta bị thiệt hại rất nhiều. Đến khi Đại-sán trở ra Thuận-Hóa các Kiểu-khách và thuyền-chủ đều đến trình bày việc bất chính và cách hành động ngang tàng của Lưu-Thanh. Đại Sán nghĩ, nếu dùng người ấy làm việc, kẻ buôn bán sẽ bị bóc lột và sẽ làm hại cho dân, bèn viết giấy trình lên Minh-vương xin bãi chức Lưu-Thanh lập tức.

Trong thời gian Đại-sán lưu trú tại đất Việt, hằng được Vương-mẫu (13) và Công-chúa (tức chị Minh-vương) thiết tiệc chay khoản đãi, lại thường giao du với bọn Vương-huynh Lê-tuyển-Hầu, Thiệu-dương-Hầu (14), Nguyên-Lão Đông-Triều-Hầu, (15) Đại-học-sĩ Ký-lục Hào-đức-Hầu, cùng nhau tổng tặng thơ văn, giảng bàn đạo học. Những thư từ và thơ văn qua lại chép trong Hải-ngoại Ký-sự, phần nhiều giảng bàn về kinh-nghĩa, đạo đức, luân-lý và chính-trị v.v... có những yêu mục như sau.

QUYỀN THỨ I

Thư của Hào-đức-Hầu (bản về thơ) (38a-39b).

QUYỀN THỨ II

Lai thư của Hào-đức-Hầu (7a-9b) và thơ văn của Đại-Sán đưa tặng (10a-15a).

QUYỀN THỨ III

Bài văn Đại-Sán viết cho Hào-đức-Hầu (22b-23b), văn của Đại-Sán viết cho Quốc-Cậu Tả-thái-úy (25a-27b), (16) Thư Đại-Sán viết cho Công-Chúa (28b-31b).

QUYỀN THỨ IV

Văn tạ ơn Minh-Vương úy văn (21a-22a), văn của Đại-Sán viết cho Văn-chức Thê-nam (22a-25a), thư Đại-Sán viết cho Vương-huynh Lê-tuyển-Hầu (26a-26b). Đại-Sán nghe tin Chương-Thanh Nguyễn-công Tả-xu-mật qua đời, viết thư cho năm-vị Công-tử và làm thơ ai văn (33a-39b) (18).

QUYỀN THỨ V

Thư Đại-Sán gởi cho Phò-Mã Hữu-đồn-dinh, (tức Xu-Mật Phó-mã Nguyễn-Công 7a-8b (19). Thư hỏi phúc Đông-triều-Hầu (21a-22b). Thư mừng nhị Quốc-cậu Tổng-Công (20) thăng chức Tả-thừa-tướng (22b-23b). Phúc đáp thư Đổng-long-Hầu (24a-27a).

QUYỀN THỨ VI

Thư gởi Đại-Việt-Quốc Hữu-Thừa-tướng Tổng-Công (7b-13b) (21).

Về thời kỳ Đại-Sán trở lại tỉnh Việt, tại phương diện Trung-Quốc, không có một sử văn nào có thể chứng thực, nhưng bọn thương khách Quảng-đông và Quảng-Nam qua buôn bán ở Trường-kỳ Nhật-Bản, đều có nói đến rất rõ-ràng. « Báo-cáo » của bọn thương khách tàu Quảng-đông chuyến 67, khởi hành từ Quảng-đông ngày 16 tháng 6 năm Khương-hy 35 (Bính-tý 1696) và đến Trường-kỳ ngày 13 tháng 7 năm ấy, nói rằng :

« Nói về Thạch-Liên Thiển-sư, cư trú Trường-Thọ-am Quảng-đông, vì nổi tiếng đạo-đức, nên mùa xuân năm ngoài Quảng-nam Quốc-

vương rước đến Quảng-Nam. Nghe đồn sau khi Thạch-Liêm đến nước ấy rất được Quốc-vương tôn kính, hơn nữa, quan dân trong nước đều nhất trí quy y; tại Quảng-đông cũng thường được nghe tin tức. Nhưng Thạch-Liêm từ mùa xuân năm ngoái ở luôn lại Quảng-nam, cho nên tin đồn Phật-giáo tỉnh Quảng-đông, những người đã quy y với Thiền-sư ấy, từ mùa xuân năm nay hằng phải thuyền đến Quảng-nam tiếp đón; chắc chẳng bao lâu nữa Thạch-Liêm cũng sắp sửa trở về ».

« Báo-cáo » của bọn thương-khách tàu Quảng-nam (thuyền trưởng Tăng-Doãn-Quan) chuyến 48 ngày 22 tháng 6 cùng năm ấy (1696) từ Hội-an chạy qua Trường-kỳ, cũng nói gần giống « báo-cáo » trên, chỉ sau cuối bài có nói phụ thêm rằng :

« Thạch-Liêm thuật trên đây, hơn vì Quảng-đông hai ba lần cho thuyền qua đón, nên đã quyết-định cuối tháng 6 năm nay sẽ trở về nước ».

Lại « Báo-cáo » của bọn thương-khách thuyền Quảng-nam chuyến 50 (thuyền trưởng Thái-Cô-Quan) ngày 26 tháng 6 cùng năm ấy, do Hội-an chạy qua Nhật-Bản, nói rằng :

« Về việc Thạch-Liêm Thiền-sư từ Quảng-đông qua Nam, bọn khách thuyền đến trước đã báo-cáo rõ ràng. Sư Thạch-Liêm vì có thuyền Quảng-đông đến đón, nguyên định đến cuối tháng 6 sẽ trở buồm, nhưng vì ngày 24 có gió tốt, nên trước thuyền chúng tôi hai ngày, đã khai thuyền lìa bến Quảng-nam ».

Đại-Sán đã lìa bến Hội-An ngày 24-6 (22-7-1696), chừng trung tuần tháng 7 sẽ về đến Quảng-đông.

Ngày Đại-Sán khởi hành về Tàu, Minh-Vương lại một phen tòng tiền long rọng, và biếu rất nhiều tặng-phẩm. Tường tình việc ấy tuy không thấy chép trong tập Hải-ngoại ký-sự, nhưng Đại-nam Liệt-truyện Tiên-biên (quyển 6) chép rằng :

« Ít lâu sau Liêm từ giả về Quảng-đông, Minh-Vương tiền-tặng hóa vật rất hậu, lại biếu cho gỗ quý đem về làm chùa Trường-thọ; (22) từ ấy không trở qua nữa, sau hơn có thuyền buôn qua nam, Thạch-Liêm có làm 4 bài thơ « ký-hoài » gởi qua hầu thăm, có làm bài « dẫn » đại lược nói rằng :

« Một sông khói tỏa, đường cách từng mây, tám độ xuân về, tóc phơ mái tuyết. Lấn tính nhơn-gian ngày tháng, chạnh niềm phượng-ngoại nhơn duyên. Xa nghe phượng-trượng bồ-đoàn, đã có tin mai truyền báo. Nay nhơn thuyền khách, kính gởi tin hồng. Tạm dâng thơ mới vài bài, xiết thẹn lời quê chấp nôi ».

Bài thơ

*Đông phong tân lãng mẫn giang tân,
Tướng kiến khổ sơn vũ lộ tân.
Tự thị dương hòa quy thảo mộc,
Thái-bình nhơn túy hải thiên xuân*

Dịch nghĩa

*Sóng gió đẩy sông cuốn ngọn tân,
Hổ sơn mơ tưởng mốc mưa nhuận.
Từ nay cây cỏ đua tươi tốt.
Trời biển thanh bình chuốc chén xuân.*

Xem bài ây Đại-Sán từ khoảng tháng 7 Khương-hy thứ 35, (1696) sau khi trở về Quảng-đông, ngoài việc gởi thương thuyền mấy bài thơ thuật hoài, hình như không có qua lại gì với Việt-nam nữa. Nhưng theo tôi tưởng, chân tướng chưa chắc như vậy. Xét bài của Phan-thứ-Canh, gởi cho Đại-đương-sự tỉnh Việt đã dẫn ra trên đây, cuối bài có nói rằng : (Nghiêm cầm việc tư thông với Ngoại-đương, tư giầy các quan ải, từ nay về sau cầm không cho một người Sãi nào ở chùa Trường-thọ được đi ra Hải-ngoại, cũng không cho một thùng hóa vật nào của chùa Trường-thọ ra khỏi cửa biển. Ngõ hầu chấn chỉnh kỷ-cương hiền-pháp, khỏi di hại cho địa-phương). thì có thể suy tưởng sau khi Đại-Sán trở về nước, tăng nhơn chùa Trường-thọ vẫn thường đi lại giữa Quảng-châu và Quảng-Nam, và việc buôn bán riêng của Đại-Sán vẫn lén lút kể tục.

Sau khi Đại-Sán đi rồi, ngày mùng 2 tháng 9 năm Khương-hy 34 (tức 3-10-1701) có một chiếc thuyền của Công-sứ Tiêm-La chạy qua Quảng-đông, giữa đường bị phong nạn trôi vào Quảng-nam. Minh-Vương được tin lập tức hạ lệnh tu bổ thuyền ây và cấp cho gạo lương củi nước; qua khoảng

tháng 5 năm sau (1702) lúc Tiêm-thuyền khởi trình đi Quảng-dông, Minh-vương khiển bọn Hoàng-Thần, Hưng-Triệt đem Quốc-thư và công-phẩm (Kỳ-nam 5 cân 4 lượng, vàng sông 1 cân 13 lượng 5 tiền, ngà voi một đôi nặng 350 cân, mây sông 50 sợi), theo thuyền qua tỉnh Việt, ý muốn do Lương-Quảng Tổng-độc đền Thanh-dinh chánh thức cầu phong (23). Trong biểu-văn có nói rằng :

(Thấy tôi, Quảng-dông Trường-Thọ am Tăng-nhơn Thạch-Liêm, những lúc giảng tụng kinh điển rảnh rang, thường thuật chuyện Hoàng-thượng là bậc Thánh-thần văn võ, hơn đức như trời. Bọn Quảng-dông giám-sinh Hoàng-Thần, Tăng-nhơn Hưng-Triệt cũng đều xưng tụng Thiên triều thanh giáo, truyền khắp phương-xa v.v... (24).

Xem đó khá thấy việc Minh-Vương cầu phong vốn do kiến-nghị của Đại-Sán năm Khương-Hy át-hội (1695) làm động-cơ thúc đẩy, và Minh-vương đã thực hành lời hứa với Đại-Sán. Lại nữa Việt-sử tháp tông Tiêm-La công-thuyền, việc ấy chứng tỏ Nguyễn-chúa Minh-vương khéo nắm cơ hội để thực hành tư-tưởng «phụng thờ nước lớn» đối với Thanh-dinh vậy.

Còn về lai-lịch của bọn Hoàng-Thần, Hưng-Triệt, Đại-nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 7) chú thích rằng:

(Thần, Triệt người Quảng-dông, nhà Thanh, theo Thạch-Liêm Hòa-thượng đền yết-kiến, hơn khiên đi).

Đoạn chú-thích ấy, khiến chúng ta nhớ lại lúc Đại-Sán lâm hành có lưu lại Thuận-hóa hai người đồ đệ, tức Tri-khách Thiên-vũ và Hậu-đường Khánh-Ngu. Tri-khách là một Tăng-đồ coi việc tiếp đãi tân khách, còn Hậu-Đường cũng chỉ một chức-vị của nhà chùa, tuy danh xưng của bọn chúng, Hải-ngoại ký-sự và Thực-lục Tiền-biên chép khác nhau, nhưng chúng ta tin rằng Quảng-dông Giám-sinh Hoàng-Thần tức Tri-khách Thiên-vũ, và Tăng-Lữ Hưng-Triệt cũng chỉ là pháp-hiệu của Hậu-Đường Khánh-Ngu.

Chúng ta không biết được Đại-Sán sau khi trở về Quảng-dông có vận động trừ bị cho việc Quốc-chúa Quảng-nam cầu phong hay không; một sự thực chắc chắn là việc cầu phong đạo ấy không được nhà Thanh chấp nhận. Đại-nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 7) chép rằng :

« Thanh-đề hỏi các quan đình-thần, đều bảo rằng nước Quảng-nam hùng cứ nhất phương, Chiêm-thành, Chơn-lạp đều bị gồm thâu, sau này chắc sẽ trở nên nước lớn ? Nhưng An-nam còn có họ Lê, không nên phong vương một họ khác. Việc ấy bị bỏ qua.

Xét lại từ năm Khương-hy thứ hai (1663) Lê-huyền-Tông lần đầu khiển sứ cầu phong trở về sau, nhà Thanh chỉ thừa nhận Lê-Triều ở Bắc-kỳ (Đông-kinh) làm phiên-quốc, thì cự tuyệt việc cầu phong của Chúa Nguyễn, nhà Thanh cũng có lý do chính đáng. Nay chỉ xét việc thúc đẩy Nguyễn Vương cầu phong, trên sự thực, nhơn vật đứng sau màn chính là Đại-Sán, và cũng trong năm ấy (tức Khương-hy 41) Đại-Sán bị Quảng-Đông An-sát-sứ Hứa-Tự-Hưng bắt giam và phóng trục, thì chúng ta có thể suy tưởng có những thêu dệt trong việc này, có thể đoán rằng việc cầu phong của Nguyễn Vương, cùng với việc « hồng chân » của Đại-Sán, thế nào cũng có nhân quả tương quan, nhưng việc nào là quả, việc nào là nhân, cứ theo sử-liệu có thể tin cậy, hiện nay chúng ta chưa có thể phân tích được. Tuy thế thời ấy giữa Quảng-nam với các nhà đương cục Quảng-đông không phải tuyệt nhiên không có vãng lai giao thiệp. Ví-dụ, Lê-quý-Đôn, Vũ-biên-tập-lục chép rằng : « Thuận-hóa với Tổng-độc Quảng-đông, thường thông tin qua lại », và sách ấy có thâu chép tờ tư văn của Minh-Vương gởi cho Quảng-đông Tuần-vũ và bài văn tề gởi điều Lưỡng-Quảng Tổng-độc Dương-Lâm. Do đó biết trên sự thực, Quảng-đông Đốc-viện muện lắm cũng vào cuối thời Minh-Vương, vẫn thừa nhận Nguyễn-Vương ở Quảng-nam.

Đại-Sán nhất sinh ly kỳ biến ảo, và năm về già lại bị nạn lao tù; tuy hành-vi thái-độ của ông, khá khen mà cũng khá chê nhiều, nhưng chúng ta cũng nhận thấy ông ta có một nhân cách phóng lãng không chịu bó buộc. Thực như bài Hải-ngoại-Kỷ-sự đề-yêu, trong bút-ký-Tiểu-thuyết-đại-quan-bản đã viết : « Tuy có những tiếng tăm bắt ngờ, nhưng ông vẫn là một người thác có đề lánh đời, muôn mụon văn-chương đề tỏ chí mình, điều đó thực rõ như ban ngày vậy ». Hơn nữa, đáng cho chúng ta chú trọng là sự thành tựu trên việc Quốc-dân ngoại-giao. Còn các việc khác như trong chuyện du hành Quảng-nam Đại-Sán đã làm cho vua tôi Nguyễn-Phủ cảm mến và long trọng cúng dường, cho đến thái-độ thành-thực của Đại-Sán đối với họ, tuy những ghi chép trong Hải-ngoại-kỷ-sự chẳng khỏi có khoa-

trương tô vẽ thêm ít nhiều, nhưng cũng có thể xem như một phụ-chương có thú-vị trên lịch-sử quan-hệ Trung-Việt, xứng đáng cho Trung-Việt nhơn-sĩ suy nghĩ vậy. Đại-nam Thực-lục Tiên-biên, cuối bài « Thạch-Liêm-Truyện » chép rằng : «Khoảng năm Minh-Mạng (1821-40) Trương-hảo-Hiệp phụng phái qua Tàu, đền chơi chùa Trường-Thọ, Chú-tri chùa ấy còn nhắc nhở sự-tích Thạch-Lão», đó cũng là một chứng cứ rõ ràng.

CHÚ THÍCH :

- 1) Đại-Nam nhất-thông-chí (Duy-Tân tam-niên, 1910 soạn, quyển 9, tỉnh Bình-Định) Mục tự-quán chép rằng : «Chùa Thập-tháp ở làng Thuận-chánh, huyện Tuy-Viên, sau chùa có 10 cái tháp Chàm, cho nên đặt tên như vậy, nay đổ nát hết rồi. Bản triều thời Thái-tông, Đường-tăng Hoán-Bích Hòa-thượng xây cất chùa ấy, thời Hiến-tông sắc ban biển-ngạch đề «Thập-tháp Di-Đà tự» và liên-đôi... Minh-Mạng nguyên niên thấy tu ở chùa Linh-Mụ là Mật-Hoảng Hòa-thượng trùng tu lại, chùa chiến rộng rãi, sơn thiếp huy-hoàng, cùng với chùa Linh-phong đều nổi tiếng thắng cảnh ».
- 2) Đại-Nam nhất-thông-chí (quyển 2, tỉnh Thừa-Thiên) mục tự-quán chép rằng : «Chùa Quốc-ân ở ấp Phước-quả. Tục truyền do Bích-Hoán thiền-sư xây cất, bản-triều Hiến-tông có ban cho hai bức liên-đôi... bên tả có khắc 8 chữ «Quốc-Vương Thiên-túng Đạo-Nhơn Ngự đề», nay đương còn, và trước chùa có Tháp Phổ-đồng, cũng do Hoán-Bích thiền-sư xây, sau bị binh-hỏa tàn phá. Gia-Long năm đầu, Mật-Hoảng-Hòa-thượng tu bỏ lại, chùa chiến rộng rãi rất mỹ quan ».
- 3) Đại-Nam nhất-thông-chí (quyển 2 tỉnh Thừa-thiên) mục tự-quán chép rằng : «Chùa Hà-trung ở xã Hà-trung, huyện Phú-Lộc, đời Hiến-tông Bản-triều, sư Hoán-Bích làm Chú-tri ở đó ».
- 4) Thuộc về sự tích Tạ-nguyên-Thiếu (Hoán-Bích), xin xem E. Gaspardone, loc., cit., p. 14-17.
- 5) Thuyền nẩy ngày 25 tháng 5 do Quảng-đông khởi-hành, ngày 28 tháng 7 đến Trường-kỳ, thuyền-trưởng tên Mạch-xán-vũ. Những báo cáo trong năm ấy của các thuyền Quảng-đông, thuyền 50 (thuyền trưởng Lữ-vũ-Quan), thuyền 51 (thuyền trưởng Lý-Trưởng-Quan) và thuyền 52 (thuyền trưởng Lâm-tam-Quan) cũng đều có nói đến tin ấy, giản lược rõ ràng hơn (xem Hoa-di-biên-thái quyển 22 hạ).
- 6) Đại-Nam nhất-thông-chí (quyển 2, Thừa-Thiên), mục tự-quán chép rằng : «Chùa Thiên-Lâm ở xã An-cự, trong-truyền do Thạch-Liêm Hòa-Thượng kiến tạo, cảnh trí rất u tịch. Ngụy Tây-sơn thái-sư Bùi-đắc-Tuyên chiếm ở, sau Đắc-Tuyên thất bại, người trong làng nhơn theo nên cũ sửa chữa lại. Bản-triều khoảng đời Gia-Long, Thừa-Thiên Cao-Hoàng-Hậu bôn tiến ra kiến trúc lại, nay dần dần hư nát, chỉ còn ngôi chùa chánh. Phía tả chùa có một quả chuông đồng lớn, cao 4 thước, vòng lưng 6 thước, dày 4 tấc, có khắc chữ «Lê-vinh-Thạnh thập nhị niên, chú» (bút giả chùa : tức năm 1716), Vĩnh-Thạnh là niên

- hiệu vua Dũ-Tông nhà Lê, Vua Gia-Long sau khi khắc phục Bắc-thành, chở quả chuông ấy về kinh bỏ vào kho, đến lúc sửa chữa xong, cho đem treo đề dùng)
- 7) Đại-Nam Liệt-truyền Tiên-biên (quyển 6) chép câu chuyện này, từ bắt đầu đến việc trải qua có hơi khác, đoạn văn ấy chép rằng : « gần đây xóm nhà ở ngoài đô-thành thường đêm hay bị phát hỏa, Chúa thượng tự mình đốc suất quân lính đến chữa, Thạch-Liêm can rằng : Đêm hôm tối tăm, Xa-giá há nên khinh thường đi ra. » Rõng trắng đội lột cả », Cổ-nhơn lấy câu ấy làm răn, xin Vương lưu ý. Vua khen phải, nghe theo, từ ấy không nỡ ra ban đêm nữa ».
 - 8) Đại-nam nhất-thống-chí (quyển 5 Quảng-nam) Mục tự-quán chép rằng : « chùa Tam-Thai ở phía Tây núi Đại-hành, có nhiều cổ tích danh thắng, từ sau ngày bình hòa, đều bị phá hoại. Minh-Mạng năm thứ 6 (tức 1825, bút giả khảo-án), khiến quan sửa chữa lại).
 - 9) Đại-Nam nhất-thống-chí (quyển 2 Kinh-sư) mục tự-quán chép rằng : « chùa Di-đà ở cồn Đông-an, Tiên-Triều Sắc ban biển vàng, liền đời nay bị phá hoại ».
 - 10) Đại-Nam nhất-thống-chí (quyển 2 Kinh-sư) mục tự-quán chép rằng : « chùa Thiên-Mụ ở ngoài Kinh-Thành trên gò núi xã An-ninh tây, nguyên trước có chùa Phật, Gia-Long năm 14 xây cất lại... Nay xét Bản-Triều Thái-Tổ Hoàng-đề tấn-sứ năm 44 (bút giả khảo-án : tức năm 1601) xa-giá đền viếng Hà-kê, thấy nơi đồng bằng nổi lên một gò đất như hình dấu rồng quay lại, ngó thẳng ra trường-giang, phía sau có hồ, cảnh trí rất đẹp, hơn hỏi chuyện người bản xứ bảo rằng : gò này rất linh-dị, tương truyền ngày xưa có người ban đêm thấy một bà già áo đỏ quần lục ngồi trên gò, nói rằng : « sause có vị chơn-chúa đến sửa lại chùa này, tự linh khí để giữ long-mạch cho được bền-vững », nói rồi biến mất, hơn đặt tên Thiên-mụ-sơn. Vua cho rằng đất này có linh-khí, bèn dựng chùa gọi Linh-Mụ-tự. Thái-Tông Hoàng-đề át-tý năm 17 (tức 1665) sửa chữa lại, Hiến-Tông Hoàng-đề Canh-dần năm 19 (1901) đúc chuông lớn, năm giáp-ngọ 23 (1714), trùng tu nhà chùa... Ất mùi năm 24 (1715) nỡ chẻ bài văn bia đá dựng trước chùa, xây cất điều-dài ở bờ sông làm nơi du ngoạn, sau bị binh hỏa tàn phá, dấu cũ đương còn... Thành-Thái năm 16 (1904) hơn gió bão, nhiều nơi bị đổ nát, năm 19 (1907) tu bổ lại, triệt hạ điện Di-lạc, và 2 tòa tả hữu Thập-diện, dời Hương-nguyên-đình cất lên ở nền cũ điện Di-lạc). Mặt khác, Đại-Nam Thực-lục Tiên-biên (quyển 8) mục tháng 6 năm giáp-ngọ, Hiến-Tông năm thứ 23 (1714) chép đầu đuôi việc trùng tu chùa Thiên-mụ và khiến người qua Tàu mua Đại-tạng Kinh và Luật-luận hơn 1000 bộ, có chùa ở sau rằng : « Thời ấy có Chiết-tây Hòa-thượng tên Đại-Sán hiệu Thạch-Liêm đem Thiên-đạo yết-kiến, rất được vua yêu, sau ông về Quảng-đông đem những gỗ quý do nhà vua tặng cho, cất chùa Trường-Thọ, nay có di-tích đương còn ». Xét Đại-Sán diên lưu ở Quảng-Nam từ cuối tháng giêng năm ất hợi Khương-hy (1695) đến cuối tháng 6 năm Bính-tý (1696). Chú-văn trên đây rõ ràng do sự lầm lẫn của kẻ biên soạn Đại-nam Thực-lục.
 - 11) Hải-ngoại kỷ-sự, quyển 3, 16b - 20a. Đại-Sán vì biểu dương Trương-Tiết Phụ mà làm bài Tứ-ngôn Cổ-thơ và bài dẫn, cũng thấy chép ở Ly-lục-đường tập, quyển 1 hạ, 1a-4a.
 - 12) (Lam-Tông-binh) ở đây có lẽ Lam-Lý. Lý tên tự Nghĩa-Phủ, hiệu Nghĩa-Son, người Chương-phổ, từng theo Tịnh-hải Tướng-quân Thi-Lương qua

- đánh Trịnh-Phiên ở Đai-Loan. Khương-hy năm 27 (1688) nhiệm chức Chiết-giang Định-hải-trần Tổng-binh trái 10 năm, có tiếng khen tốt, sau trần-thủ-Thiên-tân, năm 45 (1706) dời bổ Phúc-kiến lục-lộ, Đê-độc, mùa thu năm Tân-Mão (1711) vì vụ án ăn trộm của Chương-Bình Trần-ngũ-Hiến, bị giải chức. Năm Nhâm-thìn (1712) bị tham hạch, gia sản bị tịch thu, và biến tên vào Kỳ-tịch (sổ lính). Gặp lúc Tây-Tạng có chiến-tranh, Lý đem con đi theo Tướng-quân Chân-mục-Thại ra đông-lộ, đóng ở đài 25, hơn một năm vì tuổi già được cho về Kinh. Năm 59 (1720) tạ thế, năm ấy đã 72 tuổi. Sinh bình tính nóng nảy, lúc nổi giận như sấm sét, qua đó quên liến, muốn tự tôn, tự đại chẳng chịu phục ai, hay gây mắng chửi, đối với kẻ quyền thế bề trên thường kiêu ngạo khinh khi, tỏ ra thị thiên hạ chẳng ai bằng mình; nhưng gặp kẻ tài ba hào kiệt, tuy nghèo hèn cũng hạ mình kính lễ; gia-đình giữ cán-kiếm, cơm thóc áo vải, cũng vui lòng. (Xem Phúc-kiến, Thông-chí Liệt-truyện, quyển 35, Thanh 4, 14b-19b).
- 13) Vương-mẫu Tổng-thị, tức Hiếu-nghĩa Hoàng-hậu, con gái quan Thiều-phó Tổng-phúc-Vinh, mất ngày Mậu-dần tháng 3 năm Hiên-Tông (tức Minh-Vương) Bình-tý thứ 5 (1696), hưởng thọ 44 tuổi, truy tôn Quốc-Thái Phu-nhơn, lăng phần an-táng tại làng Đình-Môn (thuộc huyện Hương-trà, tức Vinh-mậu-làng). Xem Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 12a-12b.
- 14) Cứ theo Thực-lục Tiền-biên quyển 7, Hiên-Tông Hiếu-minh Hoàng-đê Thực-lục thượng, Hiên-Tông sinh vào năm Khương-hy thứ 14 con trưởng của Anh-Tông Hiếu-nghĩa Hoàng-đê (tức Nghĩa-vương). Nhưng nay cứ theo Hải-ngoại kỳ-sự, Lê-truyện-Hầu và Thiều-dương-Hầu là anh thứ hai và anh thứ ba của vua, thế thì hai ông này là con bà thứ chăng ?
- 15) Đông-triều-hầu tức tước danh của Tham-chính Đoán-sự Trấn-đinh-Ân: Tháng 8 năm Quý-Mùi, Minh-vương năm thứ 12 (1703), Trấn-đinh-Ân năm ấy 78 tuổi, xin về hưu trí, hai ba lần trần thỉnh, Minh-vương mới chuẩn-y; đến lúc Đình-Ân vào tạ, Minh-vương cho một bài thơ viết vào lụa hoa trắng, khen ngợi công phụ-tá bốn Triều của Đình-Ân, và đặc ân cho 10 mẫu ruộng, 10 người lính hầu để dưỡng lão. Đình-Ân an cư chùa Bình-trung (tại làng Hà-Trung, huyện Minh-linh), tự vui với thiền học. Đến tháng giêng năm thứ 15 Bình-tuất (1706) tạ thế. Minh-vương truy tặng Đôn-hậu-Công-Thần Đặc tiền Trụ-Quốc Kim-tử Đại-phu, Đại-Lý-tự-Khanh, thụy-hiệu Thuần-thiện, cho phu giữ mộ 10 người, và tha thuế 230 mẫu tư-điền. Xem Đại-nam Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 22a—23a—26b.
- 16) « Quốc-cậu tá Thái-úy ở đây có lẽ tức Tổng-Phúc-Tráng, nhiệm chức « Nội-tả Cai-cơ » tháng 8 năm Tân-mùi (1691) (Thực-lục Tiền-biên quyển 7, 3a). Xét bốn chức Nội-tả, Ngoại-tả, Nội-hữu, Ngoại-hữu xưng « Tứ-Trụ », chức quan tối cao của Nguyễn-phủ, do Công-thượng-Vương (tức Thần-tông Phúc-Lan, 1.635 — 48) thiết lập để phụ-tá Quốc-Vương. Xem Trần-trọng-Kim Việt-Nam Sử — bđc, 1954, p. 325.
- 17) Hải-ngoại-kỳ-sự (quyển 3,5b) có nói rằng : (Ta đền Đại-Việt, đầu tiên có tứ-triều Nguyên-Lão Đông-triều-hầu xin ra mắt, và con của ông là Văn-chức Thê-nam qui y với Lão-tăng v.v... thế khá biết Văn chức Thê-Nam (tên một chức quan) là con của Đông-triều-hầu Trấn-đinh-Ân. Nhưng xét Đại-Nam Thực-lục Tiền-biên (quyển 7) con Đình-Ân nhiệm văn

chức có hai người, một người tên Trần-dinh Khánh (Thực-lục nguyên chú : con của Trần-dinh Ân), tháng 12 năm Canh-thìn Minh-Vương năm thứ 9, phụng mạng đi với Nội-hữu Cai-cơ Tổng-phúc-Tài ra Quảng-Bình và Bồ-chánh khảo-sát việc phòng bị biên thủy, tháng 9 năm Tân-tý thứ 10 (1701) nhiệm Quảng-nam-dinh Cai-bộ. Người thứ hai, tên Trần-dinh Thuận (Thực-lục nguyên chú : con của Trần-dinh-Ân) tháng 3 Năm Quý-mùi thứ 12 (1703) cùng với Ngoại-tả Chưởng-dinh Tôn-thất Diệu đốc binh đắp bờ đê cửa Hà-Kỳ cho tiện việc tàu thuyền vận tải, tháng 8 Năm Giáp-thân thứ 13 (1704), nhiệm chức Đô-tri xuất-Xá-sai-ty, tháng 11 năm Bình-tuất thứ 15 (1706) thăng nhiệm Cai-bộ-phó-Đoán-sứ, quản suất tướng-thân-lại-ty.

- 18) Bài thơ và tự-văn của Đại-Sán văn Chưởng-Thanh Nguyễn-Công, cũng thầy chép trong Ly-lục-đường-tập, (quyển I 4a - 7a) nhan đề Văn Đại-Việt-Quốc-Xu-Mật Tướng-quân Chưởng-Thanh Nguyễn-Công. Đại-Sán tiếp được phó-âm (ai-tín) của Chưởng-Thanh Tả-Xu-Mật, có lẽ vào khoảng tháng 8 năm Ất-hợi (1695), lúc ông còn lưu dưỡng bệnh tại Hội-An. Về sự tích của vị này, Đại-Sán kể rằng : (Chưởng-Thanh là rường cột nước Đại-Việt, giữ chức Xu-Mật luôn bốn triều. Luyện đạt lão thành, trung-hậu trầm nghi, có dũng-lực, mưu lược hơn người, gặp lúc Chiêm-thành gây họa, vua khiến ông làm tướng đi đánh phương-nam, ông đánh thắng luôn mấy trận, bắt vua chém tướng Chiêm thành, chiếm đất mấy nghìn dặm, dân mừng-mán nghe danh thầy đều khiếp đảm; ông đi đến đâu chẳng hề động chạm đến mây may của dân, rất được lòng người, bởi thế ông khởi ca về Triều rồi mà dân xứ ấy đến nay còn cảm đức). (Hải-ngoại ký-sự quyển 4 32b). Cứ thiên-kiến của tôi, xét tổng quát công-thần Nguyễn-dinh thời ấy, Chưởng-Thanh Nguyễn-Công, hơn vật ấy trừ Nguyễn-hữu-Cảnh ra không còn ai nữa. Cứ Đại-nam Thực-lục Tiên-biên (quyển 7) ghi chép, tháng 8 năm nhâm-thân Hiến-Tông (Minh-vương) nguyên niên, vua nước Chiêm-thành là Bà-Tranh làm phản, đem binh đánh cướp dinh Bình-Khương. Minh-Vương khiến Nguyễn-hữu-Cảnh làm Thống binh suất lĩnh chính-dinh (tức Thuận-hóa) và binh Quảng-nam, Bình-Khương đi đánh, qua tháng 3 năm Quý-dậu thứ hai (1603) Nguyễn-hữu-Cảnh đánh bắt được Bà-Tranh và bọn thần thuộc đem về, từ đó đất Chiêm-thành thuộc Quảng-nam thông trị, đổi tên làm Thuận-thành-trần. Tháng 8 cùng năm ấy lại đổi tên làm Bình-Thuận-Phủ, lập Thổ-quan, và bắt thay đổi phục sức. Chẳng ngờ tháng chạp cùng năm ấy, người Tàu tên A-Ban (tức Ngô-Lãng) dấy loạn ở Thuận-Thành, qua tháng 3 Giáp-tuất năm thứ 3 (1694), Nguyễn hữu-Cảnh lại phụng mạng vào Nam đánh dẹp, kẻ nhiệm chức Chưởng-cơ lĩnh Bình-Khương-dinh Trần-thủ. Lại cứ theo nguyên lời chua của Thực-lục Tiên-biên (quyển 7), 4a), Nguyễn-hữu-Cảnh là con của Nguyễn-hữu-Dật thời ấy xưng Lê-tài-hầu, chữ (tài), có chỗ chép làm (thành) lại có chỗ chép làm (Hòa). Một mặt khác, Gia-dịnh Thông-chí (Cương-vực-chí) thì lại chép làm Chưởng-cơ Lê-thành-hầu Nguyễn. Nay xét trước hiệu của quan lại Quảng-nam Nguyễn-dinh, thường thường lấy một chữ có nghĩa « tốt » ghép với chữ « tên » của chính người được phong, hợp hai chữ lại thành trước-hiệu, và chữ « thành » với chữ « Thanh » tiếng Việt đọc giống nhau, bởi thế có thể suy tưởng « Chưởng-Thanh Nguyễn-Công » chép trong Hải-ngoại ký-sự, chắc là (Chưởng Thành Nguyễn Công) tức (Chưởng-Cơ Lê-thành-hầu Nguyễn) truyền chép

nhảm. Nói tóm lại, (Chữơng-Thanh Nguyễn-Công) chắc chỉ Nguyễn-hữu-Cánh mà nói. Chỉ có ngày tạ thê của ông ấy, Thực-lục Tiên-biên (quyển 7, 17b—18a) chép làm tháng 5 năm Canh-thìn thứ 9 (1700), cùng với ngày chép trong Hải-ngoại ký-sự sai nhau đến 5 năm, ấy chắc cũng do sự lầm lẫn của người biên soạn Đại-nam Thực-Lục.

- 19) Người ấy chắc là Nội-hữu Phó-mã Tổng-phúc-Thiệu (con của Tổng-phúc-Trí), Ông ta năm Kỷ-sửu thứ 18 (1709) âm mưu dấy loạn, bị giáng xuống làm thường dân. Xin xem Đại-nam Thực-Lục Tiên-biên (quyển 8, 6a — 6b).
- 20) Nhị Quốc-Cậu có lẽ là Nội-tả-Chương-dinh Tổng-phúc-Trí, tức thân-phụ của Phó-mã Hữu-Đồn-dinh thuật trên đây,.
- 21) Hữu Thừa-tướng Tổng-Công có lẽ là Nội-hữu-Cai-Cơ Tổng-phúc-Tài (Thực-lục Tiên-biên quyển 7, 18b).
- 22) Khoảng hậu bán thế-kỷ thứ 17, Tăng-nhơn Trung-Quốc thường thường đi thuyền qua các nước phương nam, tìm mua gỗ quý. Ví dụ năm 1681, Nhật nhĩ-Bá, giáo-sĩ nước Pháp đến ở Tiêm-la truyền giáo đã 5 năm, viết bộ « Tiêm-la Thiên-nhiên cập Chánh-trị-sử » (chương thứ 12) cũng bảo rằng: Trong lúc ông ở Tiêm-la có gặp hai vị tăng-nhơn Trung-Quốc đến tìm mua sừng gỗ để đem về cất chùa. (Tham khảo Nicolas Germaise, Histoire naturelle et Politique du Royaume de Siam, Paris, 1688, p.231 — 232).
- 23) Thực-lục Tiên-biên (Quyển 7,20b), mục tháng 5 năm Nhâm-ngọ, Hiến-Tông năm thứ 11.
- 24) Bài biểu-văn nầy do Lê-Quý-Đôn tìm thấy trong tủ sách của Nguyễn-quan-Tiến và chép lại trong sách Vũ-biên Tập-lục. (quyển 5, 27b—2a, H.M.2.108). Cao-Lãng trong Lịch-Triều tạp-ký, (H.M.2.163; quyển 1, 75b — 76b) nói lầm bài biểu ấy do Nguyễn-Quang-Tiến soạn. Xét Nguyễn-Quang-Tiến là nho thần từ thời Vũ-Vương đến Duệ-Tông, đảm nhiệm soạn tả những văn-kiện ngoại-giao cho Nguyễn-chúa.

PHỤ - KHẢO
về CHÚA NGUYỄN - PHÚC - CHÂU và
THÍCH-ĐẠI-SÁN
TRONG BỘ
HẢI - NGOẠI KỶ - SỰ

KHOẢNG THÊ-KỶ XVII

Nhận định bộ Hải-ngoại Kỳ-sự có một «cao độ giá-trị sử-liệu khoảng thế-kỷ XVII», có liên quan đến «địa-dư, phong-tục nhân-vật» và thực-trạng xã-hội nước Việt đương thời, do Thích-Đại-Sán, bút-ký trong thời-gian lưu-trú hơn một năm tại Thuận-Quảng (1694-1695).

Và theo lời mời của Chúa Nguyễn-Phúc-Châu, Thích-Đại-Sán đã từ Am Trường-Thọ (Quảng-Đông), đời nhà Thanh (Trung-Quốc), qua nước Việt và lưu-trú tại Thiên-Lâm và Thiên-Mụ.

Do những sự ghi chép trên, chúng tôi xin tìm hiểu thêm về các di-tích hiện còn ở Thuận Hóa, những di-tích có dính liểu ít nhiều đối với Hải-ngoại Kỳ-sự, hầu công-hiền quý vị độc-giả tham khảo.

Huế, ngày 20 tháng 12 năm 1962.

NGUYỄN-SANH-MAI

Trúc-Lâm

Di ảnh của Thích-Đại-Sán tay cầm phủ-phất,
tay bắt ấn, ngồi trên nệm cỏ.

Trên di-ảnh có ghi:

« Thạch-Liêm Lão Hòa-Thượng Tiểu tượng ».

(ảnh số 1)

Bình bát

của Thích-Đại-Sán dùng để thọ trai,
làm bằng Kim-sa (?), có chiếc muống gỗ nhỏ.

Di-ảnh và bình bát nầy nguyên trước để tại chùa Khánh-Vân, sau Hòa-Thượng Giác-tiên đem về Trúc-Lâm trên 40 năm nay.

(ảnh số 2)

Thiên-Mụ

Bia đá

Của Chúa Nguyễn-Phúc-Châu đề năm Ất-Vị, Vinh-Thạnh thứ 11, đời Lê-Dũ-Tôn (1715).

Bia đá nói rõ sự-tích Thích-Đại-Sán tại nước Việt. Bia đá cao lớn, dày, dựng trên lưng một hình quy bằng đá, đôi diện với chuông đồng, trước cửa Thiên-Mụ.

(ảnh số 3)

Chúa Nguyễn-Phúc-Châu có lưu-niệm bia đá với những giòng chữ :

越國之南兮住水住山
實剎之壯兮日然禪閑。
性之清淨兮溪響幸潺，
國之莫安兮四境幽閑。
無爲之化兮儒釋同班。
記茲勝概兮因果迴還，
建標立的兮誠存邪閑。

Phiên-âm

« Việt quốc chi nam hể, trú thủy trú san
Bửu sát chi tráng hể, nhật chiêu thiền quan.
Tánh ci thanh tịnh hể, khe hưởng sần sần.
Quốc chi diện an hể, tứ cảnh u nhân.
Vô vi chi hóa hể, nho thích đồng ban.
Ký tư thắng khái hể, nhơn-quả hồi hoàn,
Kiến tiêu lập đích hể, thành tôn tà nhân ».

Dịch-nghĩa

Trời Nam một giải non sông,
Đây là Việt-Quốc hưng-long đời đời.
Dựng ngôi Bửu-Sát lâu dài,
Thiên quan tỏ rạng, mặt trời chiều lâm.
Dưới khe nước chảy âm thầm
Tánh ta trong trẻo êm đềm khác đâu.
Quốc-gia yên vững bền lâu,
Trong ngoài bốn cõi, một bầu thanh cao.
Vô-vi đức-hóa đối dào,
Một nhà Nho Thích, ra vào hoan hân.
Khắc ghi thắng-cảnh đôi vắn,
Nhân nhân quả quả, chuyển vần chẳng sai.
Dựng bia tiêu biểu nơi đây,
Giữ tâm thành chánh chẳng thay đổi nào.

Chuông đồng

Của Chúa Nguyễn-Phúc-Châu đúc vào năm Vinh-Thạnh thứ VI, đời Lê-Dũ-Tôn (1710). Chuông đồng này cân nặng 3.285 cân. Chuông đồng đặt trong một lầu chuông rộng lớn. (ảnh số 4)

Trên mình chuông có khắc :

大越國主阮福潤，嗣洞上正宗
三十代，法名興龍，鑄造洪鐘
重三千二百八十五觔，入于
御建天姥禪寺永遠供奉三寶。
惟願風調雨順，國泰民安，法
界衆生，同圓種智。
永盛六年歲次庚寅四月誕日。

Phiên-âm : Đại-Việt Quốc-Chúa Nguyễn-Phúc-Châu, Tự-Động Thượng Chánh-Tông Tam Thập Đại, Pháp Danh Hưng-Long, chú tạo hồng chung trọng tam thiên nhị bách bá thập ngũ cân, nhập vu Ngự kiến Thiên-Mụ Thiền-Tự vĩnh viễn cung phụng Tam-Bảo.
Duy nguyện phong điều vũ thuận, quốc thái dân an, pháp-giới chúng sanh, đồng viên chủng trí.
Vinh-Thạnh lục niên tuế thứ Canh-Dần tứ nguyệt Đăn-Nhật.

Dịch nghĩa : Chúa Đại-Việt Nguyễn-Phúc-Châu, nối giòng Động-Thượng chánh tông đời thứ 30, pháp danh Hưng-Long, đúc chuông lớn này nặng 3.285 cân, để vào chùa Thiên-Mụ, cúng Tam-Bảo lâu dài.
Nguyện cầu gió hòa mưa thuận, nước thịnh dân an, chúng-sanh trong pháp-giới, đều được vẹn toàn trí-tuệ.
Đời Vinh-Thạnh thứ 6, ngày Phật-Đản tháng 4 năm Canh-Dần.

Bài Vị Thích-Đại-Sán

Làm bằng gỗ sơn son thếp vàng, có ghi :

嗣洞上正宗二十九世，開山靈
姥寺，上石下濂諱大汕，老祖
和尚覺靈。

(ảnh số 5)

Phiên-âm

Tự động thượng chánh tông nhị thập cửu thế, thượng
Thạch hạ Liêm húy Đại-Sán, Lão-tổ Hòa-Thượng giác-
linh.

Dịch-nghĩa

Bài-Vị Lão-Tổ Hòa-Thượng hiệu Thạch-Liêm, húy
Đại-Sán, khai sơn chùa Thiên-Mụ, nối giòng Động-
Thượng Chánh-Tông, đời thứ 29.

Thiền-Lâm

Chùa Thiền-Lâm, nay chỉ còn vết-tích của một địa-diểm từ xưa còn lại, tại ngã ba đường đi Nam-giao, (nay gọi đường Lam-Son).

Quốc-Ân

Bia đá

của Đại-Việt Quốc-Vương để năm Kỷ-Dậu, Lê-Dũ-Tôn thứ 10 (1729), có nói:

«Hoán-Bích-Thiền-Sư Tạ Nguyên-Thiếu ở chùa Hà-Trung (Thừa-Thiên) vâng lệnh Nghĩa-Vương qua Quảng-Đông (Trung-Quốc), mời Đại-Sán Hòa-Thượng...».

(ảnh số 6)



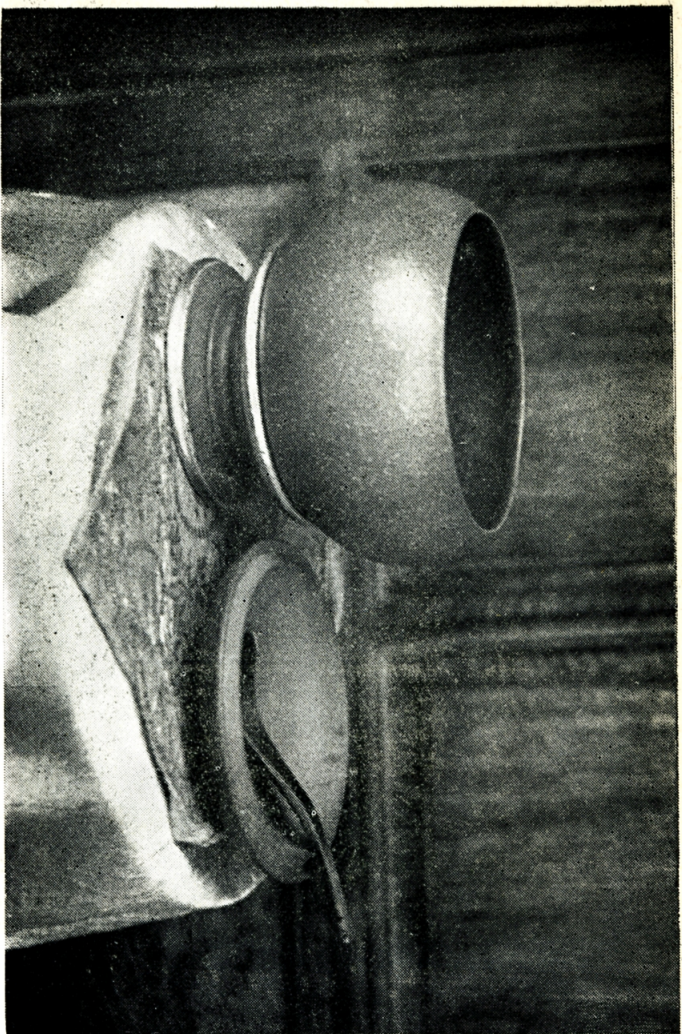
石
濂
老
和
尚
肖
像

(ảnh số 1)

Di-ảnh Thích-Đại-Sán

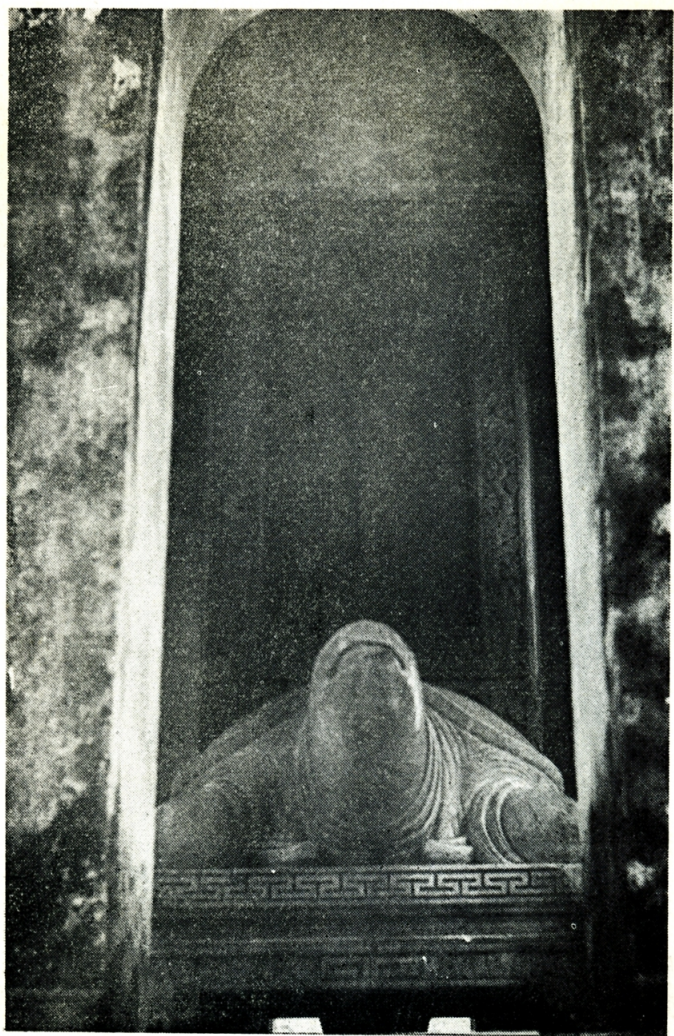
có ghi:

« Thạch-Liêm Lão Hòa-Thượng tiêu-tượng »



Bình-bát bằng Kim-sa (?) và chiếc muống bằng gỗ của Thích-dại-Sán dùng thọ trai.

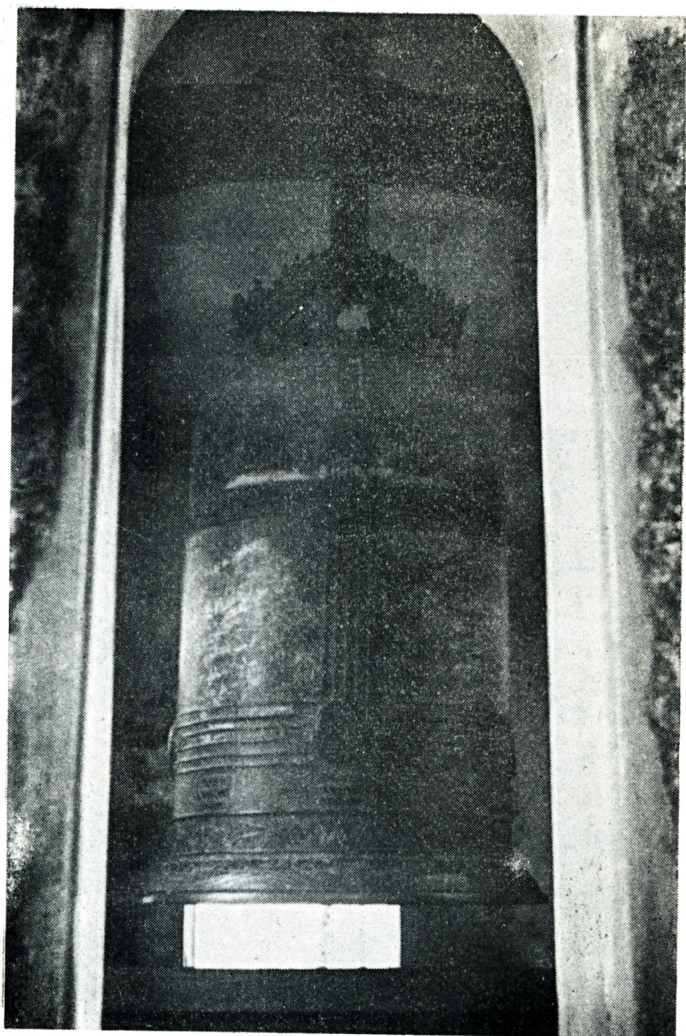
順化天姥寺石碑



ảnh số 3

Bia đá do Nguyễn-phúc-Châu (Minh-Vương) ngự đề năm Ất-Vị,
Vĩnh-Thạnh thứ 11, đời Lê-dụ-Tôn (1715).

順化天姥寺洪鐘



ảnh số 4

Chuông đồng của Nguyễn-phúc-Châu (Minh-Vương) đúc vào năm Vĩnh-Thạnh thứ VI, đời Lê-dụ-Tôn (1710),

靈 覺



順化國恩寺石碑



ảnh số 6

Bia đá của Đại-Việt Quốc-Vương ngự đề năm Kỷ-Dậu,
Lê-Dũ-Tôn thứ 10 (1729).

MỤC LỤC

Lời giới thiệu	5
Bài tựa của Đại-Việt Quốc-Vương Nguyễn-Phúc-Châu	9
Bài tựa của Ngô-Giang Từ-Hoàn	11
Bài tựa của Tân-Lăng Mao-Đoan-Sĩ	13
Bài tựa của Dũng-Giang Cửu-Triệu-Ngao	15

HẢI NGOẠI KỶ-SỰ

Quyển I	17
Quyển II	61
Quyển III	101
Quyển IV	143
Quyển V	181
Quyển VI	215

PHẦN KHẢO-CỨU

1) Ngày tháng xuất-bản sách Hải-Ngoại Kỷ-sự và nội-dung của sách	239
2) Tiểu-sử của Thích-Đại-Sán	243
3) Cuộc du-hành Quảng-Nam của Thích-Đại-Sán.	256
Phụ-khảo về Chúa Nguyễn-Phúc-Châu và Thích-Đại-Sán trong bộ Hải-Ngoại Kỷ-Sự.	280

BỘ HẢI NGOẠI KỶ SỰ DO
L. M. NGUYỄN - PHƯƠNG,
HẢI-TIÊN NGUYỄN-DUY-BỘT
PHIÊN-DỊCH VỚI SỰ CỘNG-
TÁC CỦA ỦY-BAN PHIÊN-
DỊCH SỬ-LIỆU VIỆT-NAM.

IN XONG
NGÀY 15 THÁNG 1 NĂM 1963
TẠI NHÀ IN ĐẠI-HỌC HUẾ.

ĐÍNH CHÍNH

Trang 33, một đoạn từ câu « cửa giữa đi thẳng » đến chữ « mây may » xin để vào trang 35.

Đoạn ấy sẽ đọc tiếp theo hàng thứ 14 (trang 35) sau chữ « Vồng lọng từ ».

Đọc hết đoạn ấy, sẽ đọc tiếp hàng thứ 15 (trang 35) « Bởi thể nước trị dân an » v.v...

ỦY - BAN PHIÊN - DỊCH SỬ - LIỆU VIỆT - NAM

ĐÃ XUẤT-BẢN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP I — TRIỀU GIA-LONG

Giá : 250đ00

AN - NAM CHÍ - LƯỢC

Soạn-giả : LÊ-TẮC

TOÀN BỘ : 10 QUYỂN

Giá : 350đ00

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP II — TRIỀU MINH-MẠNG

Giá : 250đ00

ĐANG IN :

MỤC-LỤC CHÂU-BẢN TRIỀU NGUYỄN

TẬP III — TRIỀU THIỆU-TRỊ

Giao-dịch :

Ô. NGUYỄN-SANH-MAI

Số 4, đường Lê-Lợi — Huế

Giá : ~~50~~đ00